



Tuyển tập : tiểu luận, truyện dịch,
đoản văn, thơ, kịch, hồi ký...



**A. SOLZHENITSYN - NHÃ ĐIỂN * TRẦN TUỆ MAI *
ĐẶNG TIẾN * HOÀNG TRÚC LY * NGUYỄN THỊ
HOÀNG * KIM TUẤN * DƯƠNG NGHIỆM MẬU *
HUYỀN PHAN ANH * VŨ BẰNG * DU TỬ LÊ *
NGUYỄN ĐÌNH TOÀN * BỬU Ý * THƯ TRUNG**

**tập san VĂN
số 163**

Tuyển tập Thơ Văn



Paris * 12-2025

Bìa : Tâm Cảnh
Tranh : Nguyễn Trung
Nguồn : Thư Ấn quán

tập san VĂN
số 163

tuyển tập Thơ Văn

Tập san Văn * Năm thứ bảy
Số 163 ra ngày 01-10-1970

Tập san Văn học Nghệ thuật

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

Năm thứ bảy / số 163 /

Ngày 01-10-1970



**Tuyển tập : tiểu luận, truyện dịch,
đoản văn, thơ, kịch, hồi ký...**

đọc trong số này :

1. Alexander Solzhenitsyn **13**

Nhà văn “bất hạnh” Nga Xô * Bàn tay
phải, truyện ngắn

2. Trần Tuệ Mai **47**

Tóc chiêm bao, thơ

3. Đặng Tiến **51**

Trần Tế Xương - người xa lạ, tiểu luận

4. Hoàng Trúc Ly	79
Nỗi buồn chung thân, thơ	
5. Nguyễn Thị Hoàng	81
Bóng ma, truyện	
6. Kim Tuấn	130
Năm bài lục bát, thơ	
7. Dương Nghiễm Mậu	134
Cõi sống lạnh, truyện	
8. Du Tử Lê	159
Khi tìm nhau, thơ	
9. Huỳnh Phan Anh	163
Chuyến đi tuổi nhỏ, truyện	
10. Nhất Anh	179
Mùa thu, mùa xuân, tạp bút	
11. Bửu Ý	195
Sương hồng và tuyết địa 2, kịch	

12. Vũ Bằng **223**

Những cây cười thời tiền chiến, hồi ký
(tiếp theo)

13. Lý Minh **242**

Ngộ - Lửa vô vi, thơ

14. Nguyễn Đình Toàn **244**

Tro than, truyện dài (tiếp theo)

15. Thi Trạch **263**

Ôm đồm, phiếm luận

16. Thư Trung **285**

và các bạn – Tin văn văn

**BÌA : TÂM CẢNH – TRANH : NGUYỄN
TRUNG**



Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông Trần Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia Tuấn (phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

* Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. Đ.T. : 23.595

* Tập san xuất bản do nghị định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963.

Như đã trình bày trong VẤN số 160, chúng tôi sẽ cố gắng theo đuổi công cuộc “khai thác vốn cũ”. Nhiều tiểu luận viết về nhiều tác giả kinh điển, với những khám phá mới, những nhân quan mới, sẽ được trình bày trong nhiều số báo tới. Một số đặc biệt về Tản Đà cũng đang được ban biên tập cố gắng hoàn thành, trong chiều hướng nói trên.

VẤN số 164 sẽ là một tuyển tập dành cho những cây bút trẻ — những cây bút mà lúc nào chúng tôi cũng hân hoan và mong mỏi được đón nhận bằng đôi tay mở rộng.

Một đề mục mà chúng tôi được biết là có đa số bạn đọc ưa thích, mục “phỏng

vấn”, sẽ được cố gắng thực hiện. Bạn đọc sẽ đọc nhiều bài phỏng vấn các tác giả trong và ngoài nước.

Thiên hồi ký của nhà văn tiền chiến Vũ Bằng sắp chấm dứt. VĂN sẽ khởi đăng tiếp tập tùy bút “Thương nhớ mười hai”, được đăng (hai đoạn đầu) trên một tạp chí cách đây khoảng mười năm, đã làm say mê không những bạn đọc và ngay cả những anh chị em cầm bút...



Alexander Solzhenitsyn

Bàn tay phải

Tác giả của cuốn Một ngày trong đời Ivan Denisovich, Khu Ung thư, và Cái vòng đầu tiên, trong đoạn thiên sau đây cho ta thấy nước Nga, xứ đã nhào nặn ra tác giả. Bàn tay phải cũng như những truyện khác của Solzhenitsyn bị cấm in ở Nga, nhưng đã được chuyển tay qua bản đánh máy. Truyện này sau đó sang tới Hoa Kỳ và được đăng trên tạp chí “The Atlantic Monthly” số ra tháng 5-1969, nhan đề “The Right Hand”, không ghi tên dịch giả.

Độc giả của Văn đã có dịp làm quen với A. Solzhenitsyn qua một bản dịch của Nguyễn Minh Hoàng đăng trong Văn số 5, và sau đó nhà văn “bất hạnh” này đã được nhắc tới nhiều lần, trong những bản tin rải rác trong bảy năm qua...

Tôi như chết dở khi tôi tới Tashkent vào mùa đông năm đó. Thật ra tôi đến đó cũng vì vậy, đến đó để chết. Và họ đã trả tôi lại với cuộc đời trong một khoảng thời gian.

Đây là vấn đề một tháng, thêm một tháng, và rồi lại thêm một tháng nữa. Mùa xuân ở vùng sơ khai Tashkent thân nhiên tới, lướt bên ngoài cánh cửa chúng tôi và rồi là mùa hạ. Đó đây là cây rậm

rap, và khi tôi bắt đầu ra ngoài đi bộ với đôi chân không vững thì thời tiết lúc đó thật ẩm áp.

Tôi không dám nhận là sức khỏe tôi đã khả quan hơn ; dù trong những giấc mộng hoang dại nhất của tôi, tôi đã đo khoảng thời gian dành cho tôi sống không phải bằng những năm mà bằng những tháng, và tôi chậm rãi bước trên những lối đi trải sỏi và trải nhựa của cái vườn phân cách những khu của viện y học. Tôi thường phải ngồi xuống trong giây lát và đôi khi một nỗi buồn nôn ghê gớm làm tôi nằm dài ra, đầu thông xuống.

Tôi cũng giống mà không hẳn giống những bệnh nhân khác ở quanh tôi : tôi không được nhiều quyền hạn như họ và tôi cần phải yên lặng hơn họ. Người ta đến thăm họ, các thân nhân khóc

thương họ và họ chỉ có một mối lo trên đời, một mục đích – làm sao cho chóng mạnh. Nhưng đối với tôi, tôi không còn gì để mong chóng bình phục : tôi đã ba mươi lăm tuổi mà không có một người thân thích trên thế gian này. Tôi không có ngay cả một cuốn sổ thông hành, và nếu bây giờ tôi bình phục, tôi phải dời bỏ nơi xanh tươi này, nơi đất màu mỡ này để trở về sa mạc của tôi, nơi mà tôi đã bị biệt xứ chung thân, sống trong sự kiểm soát, mỗi hai tuần lại phải ra trình diện một lần, nơi mà trong một thời gian lâu vắng phòng cảnh sát đã không thả tôi ra để chữa bệnh dù tôi ốm sắp chết. Tôi không thể nói chút gì về những chuyện đó cho những bệnh nhân tự do ở quanh tôi. Dù tôi có nói, họ cũng sẽ không hiểu tôi. Mặt khác, với mười năm thanh thoi suy nghĩ, tôi đã biết là cái ý nhị chân thực của cuộc đời không bao

gồm những điều gì to tát mà bao gồm những cái nhỏ nhặt : Như trong sự di chuyển bất trắc này của đôi chân đi chưa vững của tôi, như trong sự hô hấp cẩn thận để khỏi tức ngực, như khi lấy ra khỏi tô súp mẩu khoai tây sượng.

Như vậy mùa xuân đã là lúc hấp hối nhất và cũng là lúc kỳ diệu của cuộc đời tôi. Đối với tôi, mọi thứ đều bị lãng quên hay chưa bao giờ thấy, kể cả cái xe bán kem, xe quét đường với những tia nước tóe ra, kể cả người đi rao bán cây củ cải đỏ dài, không kể tới con ngựa nhỏ hay lang thang giẫm trên cỏ tươi mát rồi bước qua bức tường hồng.

Ngày này qua ngày khác tôi lấy thêm can đảm để dời nhà thương và đi sâu vào công viên. Công viên này hẳn đã được thiết lập cuối thế kỷ trước cùng một lúc với những tòa nhà bằng gạch chắc chắn

này chung quanh có những tường nhón, trơn nhẵn. Kể từ lúc mặt trời chiến thắng mọc, qua suốt ngày ở miền Nam này cho tới hồi lâu sau khi ánh đèn điện màu vàng loé sáng, thì công viên tràn ngập những hoạt động – những người mạnh khoẻ rảo bước, người ốm yếu chậm chạp lui tới.

Ở nơi giao điểm của nhiều lối đi họp thành một con đường duy nhất đưa ra tận cổng chính có một bức tượng Staline màu trắng với một nụ cười gượng gạo, lạnh lùng điểm trên miệng đầy rìa mép. Xa hơn nữa, về phía cổng có những tượng bán thân khác nhỏ hơn, được đặt cách khoảng đều nhau. Rồi là một cái quán bán những bút chì nhỏ bằng nhựa hóa học và những cuốn sổ tay nhỏ trông hấp dẫn. Không phải hoàn toàn vì lý do tiền nong, – tôi đã có lần có những sổ

tay đó trong đời tôi, và rốt cuộc cũng bị mất, – nhưng tôi cho là không cần tới những cuốn sổ tay đó có lẽ tốt hơn.

Ở ngay nơi cổng là một quầy bán trái cây và một chaihana hay là phòng trà. Chúng tôi, những bệnh nhân, vận quần áo có sọc ngang của nhà thương, không được phép vào chaihana nhưng chúng tôi có thể nhìn vào đó qua chỗ hàng rào trống. Trước đó trong đời tôi, chưa bao giờ tôi được thấy một chaihana nào – Những bình trà cá nhân có trà đen hay trà xanh cho riêng từng người.

Chathana có một khu xếp đặt theo kiểu Âu châu với những cái bàn nhỏ, và một khu xếp đặt theo kiểu Uzbek gồm có một cái bục dài. Những người ngồi ở bàn nhỏ, ăn uống rất nhanh, để lại chút ít tiền lẻ trong những cái tách không quai trống không để trả tiền và họ lại ra

đi. Tuy nhiên trên cái bục, trên những cái thảm đan dưới mái lợp bằng cây sậy, họ ngồi đó nghỉ ngơi hàng giờ, có khi hàng ngày, uống hết bình nọ đến bình kia, đánh súc sắc, như thể họ không có việc gì bận rộn trong suốt một ngày dài. Bệnh nhân được phép mua bán ở quán trái cây nhưng túi tiền của tôi trong khi bị lưu đày đã không cho phép tôi đựng vào đó và giá quá cao. Tôi thèm thuồng nhìn vào đồng những trái mận khô, những trái nho và những trái anh đào tươi. Và rồi tôi bỏ đi.

Phía sau đó có một bức tường cao ; họ không cho phép bệnh nhân vượt quá cổng. Mỗi ngày hai hoặc ba lần, tiếng nhạc đám ma vượt qua bức tường này tới đám bệnh nhân. Dân số thành phố này có cả triệu người mà nghĩa địa thì ở ngay cạnh nhà thương nên những nhạc

đó kéo dài chừng mười phút cho đến khi đám ma chậm chạp đi qua. Tiếng trống đánh theo nhịp điệu định mệnh. Đám đông không bị ảnh hưởng gì vì nhịp điệu này. Những người mạnh khỏe chỉ nhìn quanh trong giây lát trước khi vội vã nhìn theo đám ma đi đâu (mà họ thì biết rõ chỗ đám ma tới). Nhưng những bệnh nhân thì ngừng lại khi nghe tiếng kèn đám ma và đứng đó nghe ngóng hoặc thò đầu ra khỏi cửa sổ nhà thương mà nhìn.

★

Bệnh tôi càng thuyên giảm, tôi càng chắc chắn mình sẽ sống sót, và tôi càng nhìn quanh tôi một cách thất vọng : tôi đã cảm thấy buồn rầu phải dời nơi đây. Những hình người mặc y phục trắng ở

nơi sân thể thao dành cho các y sĩ, đang đánh quần vợt. Suốt đời tôi, lúc nào tôi cũng muốn đánh quần vợt mà không bao giờ có dịp. Con sông Salar vàng đục, nước đánh nổi bọt ở nơi bờ lỏm chỏm. Công viên có những cây sồi um tùm, phủ bóng lên trên những cây keo Nhật. Một cái máy nước hình bát giác tóe những tia nước có giọt nước óng bạc lên trên đỉnh (và cỏ trên thảm xanh tươi làm sao ! Ở trại tập trung người ta ra lệnh diệt cỏ như diệt thù, ở nơi tôi bị lưu đây không một cây cỏ nào mọc). Chỉ úp mặt lên cỏ, thanh bình hít hương cỏ và hơi đất bốc lên cũng đã là niềm hạnh phúc hoàn toàn.

Đó đây có những cô gái từ viện y khoa tới, cầm những cuốn sách dày cộm, chăm chú học. Hay họ hàn huyên nói chuyện với nhau sau khi đi thực tập

trở về, tay nhanh nhẹn, lưng đeo túi đựng vật dụng thể thao, họ đi tới sân vận động. Trong đêm tối khó mà nhận ra họ, và cũng vì vậy trông họ hấp dẫn gấp bội, những cô gái trong y phục nhàu nát hay phẳng phiu, dạo quanh máy nước, gây ra những tiếng sột soạt trên lối đi trải sỏi. Tôi cảm thấy nhói thương một người nào : có lẽ thương những người đồng lứa tuổi tôi, chết công ở Demyansk, chết cháy ở Auschwitz, bị lừa ở Dzhekazghan, chôn vùi cuộc đời ở Tây-bá-lợi-á – Rằng những cô gái này không bao giờ của chúng tôi. Hay có lẽ đối với các cô gái này, không bạn giờ tôi có thể nói cho họ, hay không bao giờ họ có thể biết.

Và suốt ngày trên những lối đi trải sỏi và trải nhựa cuốn cuộn những đàn bà là đàn bà. Nữ y sĩ trẻ, nữ y tá, chuyên viên phòng thí nghiệm, thư ký, lao công,

những người đàn bà thân nhân của bệnh nhân tới viếng thăm. Họ đi qua chỗ tôi, họ vận những cái áo dài khắc khổ hoặc y phục thường khá mỏng, màu tươi sáng của miền Nam. Những người khá giả hơn, tay cầm dù Trung-hoa kiểu mới, cán bằng tre, cái thì màu xanh, cái màu đỏ, cái màu sáng.

Mỗi người họ trong giây lát đi thoáng qua cho tôi thấy cả một câu chuyện : cuộc đời người đàn bà đó trước khi gặp tôi và có thể tôi sẽ quen biết hoặc không được quen biết họ. Trông tôi thật tiều tụy. Khuôn mặt xương xẩu của tôi còn hằn những đau thương trong quá khứ, lông mày nhăn nhó vì đã phải sống ở trại tập trung, màu da nhợt nhạt, khẳng khiu, bệnh tật và thuốc men dần dần thấm độc cơ thể tôi mà kết quả làm cho má tôi xanh lợt. Từ cái phản ứng tự vệ là lúc

nào cũng nhượng bộ và lẩn trốn, lưng tôi còng ra. Cái áo sọc ngu xuẩn của tôi không dài quá bụng, cái quần sọc của tôi ngừng ở phía trên đầu gối, những góc của đôi tất của tôi điểm nâu vì quá cũ, lòi ra vì đôi giày thủng. Không một người đàn bà nào trong đám họ lại có thể chịu đi cạnh tôi ! Nhưng tôi không thể thấy tôi. Và đôi mắt của tôi trong suốt không kém mắt họ nhìn vào nội ngã... Thế giới.

Và cứ như thế, một buổi chiều tôi đứng chờ ở cổng chính và quan sát. Làn sóng người thường lệ cuốn cuộn qua : những cái dù nghiêng nghiêng đó đây, những tà áo lụa thoáng qua trước mắt tôi, những cái quần có dây nịt sặc sỡ, những cái áo thêu và những cái mũ len.

Những tiếng nói hòa lẫn vào nhau, những trái cây được bán sau hàng rào, họ uống trà và chơi súc sắc. Có một

người thấp, dáng điệu vụng về, dựa vào hàng rào trông như người ăn mày, thỉnh thoảng lại van nài :

– Đồng chí... đồng chí...?

Đám đông sắc sỡ bận rộn không nghe hắn nói. Tôi tiến lại gần :

– Chuyện gì thế bạn

Người đó có một cái bụng bất thường, lớn hơn bụng đàn bà chứa, cái bụng xệ xuống như cái bị và làm căng cái quần ka ki bẩn của hắn. Đôi giày thủng và được vá lại của hắn nặng nề và bụi bặm. Đôi vai hắn xệ xuống vì cái áo choàng mặc trái mùa một cách nặng nề không khuy cài. Cổ áo cẩu ghét và cổ tay bẩn. Đầu hắn đội một cái mũ cũ kỹ, tôi tả chẳng kém gì mũ thẳng bù nhìn, Đôi mắt hắn đau và kèm nhèm. Hắn khó

khăn đưa một bàn tay lên và tôi lấy từ trong bàn tay nắm chặt của hắn ra một mẩu giấy nhàu nát ẩm mồ hôi. Đó là là đơn của công dân Bobrov, viết bằng một nét chữ vuông vắn, mà ngòi bút làm rách cả giấy. Công dân Bobrov xin được vào điều trị ở nhà thương và là đơn của hắn có một lần mực xanh và một lần mực đỏ gạch chéo. Lần mực xanh là của giới chức y tế trong thành phố trình bày lý do từ chối hắn, Lần mực đỏ thì ra lệnh cho nhà thương của viện y khoa phải nhận bệnh nhân vào khu thường trực. Lần mực xanh thuộc ngày hôm qua và lần mực đỏ để ngày hôm nay.

Tôi la lên cho hắn nghe như thể hắn điếc.

– Thế tốt rồi. Ông phải vào phòng nhận bệnh ở khu Một. Ông phải lên phía này đi thẳng qua dãy tượng này...

Nhưng cũng lúc đó tôi nhận thấy là khi gần tới đích thì sức lực của hăn từ bỏ hăn, không những hăn không còn sức hỏi thăm đường hay đưa bước chân đi trên con đường nhựa nhẵn bóng, mà hăn hầu như không thể nắm chắc cái quai túi nặng hơn một kí trong tay hăn. Và tôi nói :

– Thôi được, bạn già, đi theo tôi, và đưa túi tôi xách cho.

Hăn nghe được. Hăn trao cho tôi cái túi, dựa vào cánh tay của tôi và bắt đầu di chuyển. Đôi chân nhấc không nổi, đôi giày của hăn lết trên đường nhựa. Tôi nắm lấy khuỷu tay hăn bên ngoài cái áo choàng dày đặc những bụi. Cái bụng chướng của hăn hầu như làm hăn nhào về phía trước. Hăn luôn luôn thở dài.

Và như vậy chúng tôi đi, chúng tôi : hai kẻ khốn nạn đi dọc theo lối này, mà trong lúc suy tưởng, tôi tưởng tượng tôi dìu những cô gái đẹp nhất ở Tashkent. Chúng tôi chậm chạp lướt qua những bức tượng bán thân. Sau cùng chúng tôi rẽ sang một bên. Trên con đường chúng tôi đi có một cái ghế dựa. Người bạn đồng hành của tôi van nài được ngồi xuống. Tôi cũng bắt đầu cảm thấy ốm yếu ; tôi đã đứng quá lâu. Chúng tôi ngồi xuống. Từ đó chúng tôi còn thấy cái máy nước.

Khi còn đang đi hăn có kể cho tôi nghe nhiều chuyện và bây giờ, ngồi nghỉ hăn nói thêm là hăn phải đi tới miền Urals ; vì dấu chiếu khán trên cuốn sổ thông hành của hăn là để đi Urals — và đó mới là rắc rối. Vì bệnh tật đã đưa hăn tới gần Takhna-Tash (là nơi mà tôi nhớ họ đã bắt đầu đào một con kênh). Họ giữ

hắn ở nhà thương Ugrench một tháng, lấy nước trong bao tử và trong chân ra, làm hắn ốm yếu hơn và cho hắn ra khỏi nhà thương.

Hắn xuống xe lửa ở Chardzhou và ở Ursaviyevskaya, nhưng không một nơi nào người ta nhận hắn vào bệnh viện điều trị. Thay vào đó, họ bảo hắn tới Urals, nơi mà hắn đã có dấu chiếu khán. Tuy nhiên hắn không đủ sức đi xe lửa và cũng không còn tiền mua vé xe lửa. Và bây giờ, ở đây, tại tỉnh Tashkent này, hắn đã mất hai ngày văn nài họ mới nhận.

Tôi cũng không buồn hỏi hắn đã làm gì ở miền Nam, chuyện gì đã đưa hắn tới đây. Theo như tờ chứng thương, thì căn bệnh của hắn thật phức tạp và cứ bề ngoài nhìn hắn thì hắn đây là căn bệnh cuối cùng của hắn. Vì đã nhiều lần có dịp quan sát người ốm, tôi thấy ngay

hắn không còn thiết sống. Môi hắn trề ra, giọng nói không ra hơi, và mắt hắn đờ đẫn.

Ngay đến cái mũ cũng làm hắn khó chịu. Hắn khó nhọc đưa tay lên, lấy cái mũ xuống đặt lên lòng. Hắn lại đưa cái tay áo lấm láp lên lau mồ hôi. Đỉnh đầu hắn không còn sợi tóc, mặc dầu vòng tóc chung quanh đầu rối ren, đầy bụi, vẫn giữ màu bạch kim. Không phải tuổi tác đã đưa hắn tới chốn này nhưng chính vì bệnh hoạn. Da ở cái cổ đáng thương của hắn gấp thành nhiều lớp trong khi cái yết hầu hắn nhô hẳn ra di chuyển một cách riêng rẽ. Vậy thì cái gì đã giữ cho đầu hắn thẳng? Chúng tôi vừa ngồi xuống thì đầu hắn đã gục xuống ngực. Và hắn ngồi như vậy, cứng ngắc, mũ đặt trên đầu gối, mắt nhắm lại. Hình như hắn quên rằng chúng tôi chỉ tạm nghỉ ở

đây trong chốc lát, và hẳn còn phải đến phòng nhận bệnh.

Một tia nước trắng xóa từ cái máy bắn lên cách không xa chỗ chúng tôi ngồi. Ở phía bên kia, hai cô gái đang khoác tay nhau đi. Tôi thấy họ thật hấp dẫn. Người láng giềng của tôi thở dài, đầu lẩn trên ngực, lông mày màu vàng xám ngước lên và nhìn tôi :

– Đồng chí có thuốc không ?

Tôi la hẳn :

– Hãy bỏ tư tưởng ấy đi, chẳng hút thuốc mà ông với tôi còn lê lết. Ông hãy thử soi gương xem. Thuốc lá ! Tôi cai từ tháng trước, cực nhọc thật.

Hắn thở phào rồi lại nhìn tôi, cái nhìn giống như con chó.

– Thế đồng chí cho tôi vài đồng vậy !

Tôi lưỡng lự tự hỏi không biết có nên cho hay không. Dù thế nào nữa thì tôi vẫn là tên tù chính trị còn hấn là một người tự do. Tôi đã phải làm lụng bao nhiêu năm ở ngoài đó – mà không được trả một đồng lương. Và đến khi họ bắt đầu trả lương thì họ trừ tiền đèn, tiền chó giữ nhà, tiền ăn, tiền thuê người dẫn giải chúng tôi và đủ các thứ tiền,

Tôi lấy cái vì từ trong túi áo ra và soát lại số tiền đựng trong đó. Tôi thở dài đưa hấn tờ ba đồng.

Hấn lấp bắp nói cảm ơn. Cảm thấy khó khăn giữ cho bàn tay chìa ra, hấn cầm lấy tờ giấy bạc và giấu vội vào trong túi áo, rồi sau đó bàn tay rớt phịch xuống lòng hấn. Rồi đầu hấn ngả xuống, cái cằm chìm trong ngực. Chúng tôi yên lặng ngồi.

Trong khoảng thời gian đó có một người đàn bà đi qua chỗ tôi, rồi là hai cô gái. Tôi thấy cả ba đều hấp dẫn. Đã bao nhiêu năm rồi không được nghe tiếng họ nói, nghe tiếng giầy họ đi.

– Kể cũng còn là may mà họ cho ông tờ giấy chứng nhận. Không có nó thì ông còn phải chờ ở đây cả tuần. Có nhiều người đau yếu như ông vậy.

Hắn nhắc cái cầm ra khỏi ngực và quay lại nhìn tôi. Nỗi hiểu biết lộ trong mắt hắn. Giọng nói của hắn run lên và rõ ràng hơn :

– Đây, họ nhận tôi vì tôi xứng đáng. Tôi là người đã tham gia cách mạng. Đồng chí Kirov đã đích thân bắt tay tôi ở Tsaritsyn. Họ phải trả tôi tiền cấp dưỡng.

Mà và môi hắn hơi đung đây – hình

bóng của một nụ cười hãnh diện – làm linh động khuôn mặt không cạo râu của hắn. Tôi đưa mắt nhìn bộ quần áo rách rưới của hắn và nhìn hắn thêm một lần nữa.

– Vậy tại sao họ không trả cấp dưỡng cho ông ?

Hắn thở dài :

– Sự thể nó là như thế. Bây giờ họ không nhận tôi. Giấy tờ cái thì bị mất cái thì bị cháy. Nhân chứng thì chẳng còn ai. Họ giết chết Kirov... Lỗi tại tôi, tôi không chịu giữ giấy tờ... Tờ giấy duy nhất tôi có...

Bàn tay phải của hắn – những đốt ngón tay sừng phù lên, và ngón tay nọ xen kẽ vào ngón tay kia đưa lên túi áo và bắt đầu lách vào túi, nhưng tới đó sự

chuyển động bỗng ngừng, hấn lại buông thông cánh tay xuống, buông thông cái đầu xuống và cứng ngắc như trước.

*

Mặt trời đã bắt đầu lặn phía sau nhà thương, và chúng tôi phải vội vã đi tới phòng nhận bệnh (nó ở cách đó khoảng một trăm thước) – và kinh nghiệm cho tôi biết là kiếm được một chỗ trong nhà thương bao giờ cũng khó khăn.

Tôi nắm vai lão ta.

– Dậy, dậy, ông bạn già! Nhìn kia. Có thấy cái cửa đó không? Thấy không? Tôi sẽ tới đó và nói hộ ông. Trong khi đó, nếu có thể theo tôi được thì theo. Nếu không theo được thì chờ tôi ở đây. Tôi sẽ mang giùm ông cái túi này tới đó.

Hắn ta gật đầu như thể hắn đã hiểu.

Nơi nhận bệnh – một khu của căn phòng rộng lớn, tối tàn, căn phòng được phân chia một cách sơ sài thành nhiều khu, khu thì dùng làm phòng tắm, phòng thay áo và phòng cắt tóc – ban ngày đông nghẹt những bệnh nhân chờ hàng giờ cho tới khi được nhận vào bệnh viện. Nhưng lạ thay, vào giờ này không có một ai. Tôi gõ vào cánh cửa.

Cửa bật ra và một cô y tá trẻ xuất hiện, mũi cô ngấn và hếch, môi thoa son màu tím thắm.

– Ông muốn gì ?

Cô ta đang ngồi ở bàn giấy và hình như đang đọc truyện gián điệp khôi hài bằng tranh. Mất cô nhỏ và sắc.

Tôi đưa tờ giấy chứng nhận, trên ghi hai nơi giới thiệu và nói :

– Ông ta đi không được. Tôi sẽ dìu ông ta lại trong chốc lát.

Cô ta gay gắt trả lời, không thềm nhìn vào tờ giấy.

– Ông không biết hệ thống làm việc hả ? Chúng tôi chỉ nhận bệnh sau 9 giờ sáng !

Chính cô ta đã không biết “hệ thống”. Tôi cho tay và thò đầu vào khung cửa để cô ta không thể đóng. Rồi tôi trề môi ra và mặt nhăn nhó như đười ươi, tôi rít lên với một giọng hạ cấp :

– Này cô ! Tôi không phải thứ người thuộc bè lũ lao động của cô !

Cô ta giật mình, lùi cái ghế ra phía sau, và nói với một giọng khác hẳn :

– Phòng nhận bệnh chưa mở cửa, công dân ! Hãy đợi 9 giờ sáng.

Tôi nói với một giọng trầm và ác độc :

– Cô đọc tờ giấy này !

Cô ta đọc.

– Thế thì sao ? Hệ thống là cho tất cả mọi người. Ngay ngày mai cũng có thể không có chỗ. Sáng nay không có một chỗ nào.

Cô ta có vẻ khoái trí khi nêu ra sự kiện không còn chỗ nào hồi sáng như thể cô dùng nó để hại lại tôi.

– Nhưng ông ta từ xa tới. Cô không thấy thế à. Ông ta không còn biết đi đâu.

Trong khi tôi lùi ra khỏi khung cửa, và thôi không nói theo giọng lưỡi thợ

thuyền, thì vẻ cay nghiệt lại hiện ra trên khuôn mặt cô :

– Tất cả bệnh nhân của chúng tôi là từ ngoài đưa vào ! Bảo ông ta ra phố thuê phòng.

– Vậy cô ra đây mà xem tình trạng ông ta.

– Còn gì nữa không ? Tôi mà đi lừa bệnh nhân ? Tôi không phải là lao công, ông biết chứ.

Và cái mũi ngân của cô rung rung một cách hãnh diện. Cô ta trả lời một cách xách mé và nhanh chóng như thể người cô có gấn lò xo chỉ để dùng vào việc đó.

Tôi đập tay xuống cái quây làm lớp bụi phủ trên đó tung lên :

– Thế có ngồi đây làm gì ? Sao cô không đẹp chỗ này đi !

Cô ta la lên :

– Không ai hỏi cái đồ to mồm như ông !

Rồi cô đứng dậy, chạy ra và xuất hiện ở chỗ lối đi :

– Ông là ai? Đừng có lên mặt dạy tôi làm việc. Tôi chỉ nhận bệnh khi xe cứu thương chở tới.

Cô ta hẳn là phải đẹp nếu móng tay và đôi môi không thoa màu tím tằm thường, cái mũi nhỏ nhắn của cô thật xinh và đôi mày rất bộc lộ. Áo choàng trắng của cô mở rộng ở chỗ ngực vì trời nóng, cái mũ màu hồng tuyệt diệu và một cái huy hiệu Komsomol.

– Nếu thay vì ông ta tới đây, ông ta lại được xe cứu thương chở tới thì cô nhận hả ? Phải vậy không ?

Cô ta kiêu kỳ quan sát khuôn mặt ngớ ngẩn của tôi trong khi tôi đứng quan sát cô ta. Tôi hoàn toàn quên là tôi đi đôi giày há mõm. Cô ta khụt khịt, nhưng lấy dáng điệu xa vời và kết luận :

– Phải, bệnh nhân, luật lệ là như vậy.

Và rồi cô ta trở vào phòng nhận bệnh.

Tôi nghe có tiếng động phía sau. Tôi quay lại nhìn và thấy người bạn của tôi đã ở đó. Hắn ta đã nghe và đã hiểu sự việc. Hắn dựa vào tường và cực nhọc đi tới một cái ghế đá dài đặt trên công viên để khách đến thăm bệnh nhân ngồi chơi, hắn chỉ còn sức xoa bàn tay phải,

trong có một cái ví cũ nát. Hắn mệt mỏi
lấp bắp nói :

– Đây... đây này, cho cô ta thấy... lá
thư... này...

Tôi cố tới đó đúng lúc để đỡ hắn ngồi
xuống ghế. Với những ngón tay bất lực,
hắn cố gắng lấy tờ chứng minh thư duy
nhất ra, nhưng không làm sao được. Tôi
lấy mảnh giấy nhàu nát ở ví hắn ra, mảnh
giấy đã rách và đã được dán chéo lại và
tôi mở tờ giấy ra. Đó là tờ giấy đánh máy
bằng mực tím.

Dân vô sản trên thế giới hãy đoàn
kết lại !

CHỨNG MINH THƯ

Chúng nhận đồng chí Bobrov, N. K.
đã trung thành phục vụ hồi năm 1921
trong đoàn Đặc vụ “Cách mạng Thế

giới” của tỉnh X. mà một tay đồng chí đã chém ngã cả tá những tên khốn nạn còn lại.

Ủy viên (ký tên)

Tôi lấy tay vuốt ngực và bình thản hỏi :

– Cái gì vậy – Đặc vụ ? Loại nào?

Hắn trả lời, con mắt mở ra không nổi :

– Cho cô ta xem tờ giấy đó.

Tôi trông thấy bàn tay hắn, bàn tay phải của hắn – quá nhỏ, gân máu lộ ra, đốt ngón tay sưng lên, lấy tờ giấy ra khỏi cái ví một cách hết sức khó khăn. Và tôi nhớ lại những người cưỡi ngựa lại thường quật người đi chân ngã như thế nào, họ dùng bàn tay đánh. Đánh xuống

và đánh chéo.

Kỳ lạ... khi vung lên, bàn tay sẽ nắm chắc cái gươm để chặt đứt cái đầu cái cổ và một phần cái vai – cái bàn tay phải đó. Mà bây giờ thì bàn tay đó giữ không nổi... cái ví... Tôi lại lên phòng nhận bệnh và đẩy cửa ra.

Cô gái không bao giờ ngẩng đầu lên và tiếp tục đọc truyện khôi hài bằng tranh. Tôi nhìn ngược vào cuốn sách và thấy tranh vẽ một chiến binh cao cả, nhảy qua khuôn cửa sổ, tay cầm khẩu súng lục. Tôi bình thản để tờ chứng minh thư nhàu nát lên trên cuốn sách cô đang đọc, và quay lại, tôi cảm thấy buồn nôn, tay xoa ngực, tôi tiến ra chỗ cửa. Tôi phải nằm dài ra và đầu buông thõng xuống.

Cô gái la tôi qua khuôn cửa sổ :

– Ông nghĩ cái gì mà lại đưa tờ giấy này vào đây? Mang nó đi ngay, bệnh nhân !

Người cựu chiến binh đã ngồi phịch xuống ghế. Những ngón tay sừng ở một bên của hắn lúng lẳng một cách bất lực. Cái áo choàng không cài khuy của hắn lệch sang một bên. Cái bụng chương phình của hắn sẽ xuống theo một đường cong.

Đầu và ngay cả đôi vai hắn cũng co rụt lại.

ALEXANDER SOLZHENITSYN

NHÃ ĐIỂN dịch

Trần Tuệ Mai

Tóc chiêm bao

*Đừng hỏi chị vì sao, em gái nhé
cánh bay nghiêng không đậu nghỉ
lòng đời
bước lênh đènh không nhịp một
chiều xuôi
đừng tìm hiểu vì sao, Vô-Nhiễm
nhé.*

Hãy hôn chị, má đương mềm ẩm lệ

*ngày đường cao phơi phới một màu
trong*

*em đường yêu nên nũng nịu vai
buồn*

*chị đường khóc bởi dạt dào thương
mến.*

*Tình tha thuật trải hồn xanh thắm
mịn*

*gió vô ưu mát ngọt cả phương này
ôi vô cùng yêu mến tuổi thơ ngây
nao nức đặt gót son đời mới mẻ.*

*Hãy hôn chị, thêm ngàn lần em nhé
môi họa mi thức tỉnh mặt da sầu*

*tay mǎng non phấn lá dịu cơn đau
hơi thở sớm cho ngực chiều bớt mệt.*

*Em là thế, đợt xuân hồng thấm thiết
là yêu kiều trong trẻo rất bình minh
là xôn xao khờ dại rất chân tình
là ánh mắt học trò reo xán lạn
là bé nhỏ khi vòng tay chị đón
là nhiệm mầu Đông Á nét phương
phi.*

*Chị hôn em lần nữa nhé, Xuân-Thì
rồi em ngủ trong lá màn chim hót.*

*Rồi chị bay trong vòm trời mệnh
bạc*

*cánh nghiêng nghiêng ngày tháng
tóc chiêm bao...*

TRẦN TUỆ MAI

Đặng Tiến

Trần Tế Xương, người xa lạ

Bởi vì người không xa, bởi vì người không lạ, mà người trở thành xa lạ. Xa lạ là cảm giác lạc loài trong một thế giới vốn dĩ phải quen thuộc. Vì đã gần, vì đã quen, mà ý thức chợt bàng hoàng trong niềm bơ vơ vô định

Nỗi riêng, riêng cả tấm tình chung.

Niềm hoài mong u tịch lắng đọng trong thơ Trần Tế Xương, là một nguồn rung cảm mới trong thi ca Việt Nam, trong những năm bản lề giữa hai thế kỷ

XIX và XX, giữa sự phôi pha của một nền văn minh đang lịm tắt ; nguồn thơ đó, trong niềm hoài cổ mông mênh, đã mang cái trực giác của một trào lưu mới. Trong giao thời của lịch sử đang vào một khúc quanh quyết định, thì Trần Tế Xương — con người bị quá khứ ruồng bỏ, chưa nhận diện được một tương lai đã manh nha trong trực giác.

Thơ Trần Tế Xương khơi dòng cho một thi hứng mới trong văn học, ở chỗ đã rời bỏ những khuôn sáo khoa cử hay ngâm vịnh, để trực tiếp nói lên thân phận cá nhân. Khía cạnh này trong thơ họ Trần dường như chưa được giới phê bình văn học lưu tâm, tôi không dám đề nghị một giải tích dứt khoát về thơ Trần Tế Xương, mà chỉ cố gắng đưa ra một vài cảm giác tươi mát như cơn gió thoảng trong một khí hậu giao mùa.

Những cơn gió nhẹ mang theo một quạnh vắng mong manh, giữa những tràng cười ròn rã của con người phúng thế. Phút hiu hắt rười rượi thoáng qua nhẹ nhàng, như là một khía cạnh trong tâm hồn mà tác giả muốn giấu đi — cái hiu hắt xót xa của một hí trường trống vắng. Đây là chính diện, đây là phản diện trong con người Trần Tế Xương ? Con người cười cợt, con người trụy lạc, con người mang những khát vọng hèn kém, hay con người

Chợt giấc đêm đông tưởng sáng mà ?

Khác với một người thường, những điều thiết yếu trong đời một nhà văn, đối với độc giả, là những điều người ấy nói ra chứ không phải là những điều giữ lại. Nhưng những điều thiết yếu nhất

phải chăng là những đề tài nhà văn đề cập đến nhiều nhất ? Con người Trần Tế Xương trầm lặng như đứng lùi lại rất xa sau lưng con người Trần Tế Xương huyền ảo, như e dè, như ngượng ngáp; khoảng cách đó trong lương tâm nhà thơ có lúc buộc ta phải tự hỏi đâu là tâm sự, đâu chỉ là đề tài trong thi phẩm ông, đâu là bản chất, đâu chỉ là nhân vật Trần Tế Xương. Nói khác đi, gọi ông là Tú Xương hay là Trần Tế Xương đã là một sự chọn lựa — hay nhầm lẫn — rồi vậy.

Phải chăng ngay trong con người của Trần Tế Xương cũng đã có, cũng phải có, sự chia rẽ đoạn đường đó ? Tiếng gào thống thiết của họ Trần phải chăng chỉ là biểu tượng của một mặc cảm thất bại, hay còn thể hiện cơn đau xé của lương tâm ? Người một nơi, hồn phách một nơi, chính nhà thơ cũng phải giật mình

những khi chợt giấc, những khi tỉnh ra,
những lúc nghĩ chuyện xa xa bất chợt
gặp lại một phần khác của bản thân, các
phần đã tách rời khỏi thực tế lang thang
phiêu bạt, trở về với tiếng gà xao xác
đêm đông, hay với cơn gió thoảng, bóng
trăng sông mùa hạ,

Tâm hồn viễn mơ đó đã từ đâu trở
về ? Một cõi mộng mị nào đó rất xa xăm:

*Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ giống ngô khoai.
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò.*

Tại sao lại phải giật mình và tại sao
lại phải còn tưởng ? Tiếng gọi dò đã tắt
ngấm từ lâu, vì đâu có thể một sớm một
chiều mà sông nên bãi để biến thành phố
cả làng ? Tiếng gọi dò phải chăng chỉ là

âm hưởng xa xăm phất phơ buồn tự thời xưa thối về như trong Huy Cận ? Dòng sông, đối với thi nhân, là một nguồn mơ, một cõi về, chốn bình an trong dĩ vãng. Con sông Đáy trong thơ Quang Dũng, sông Đuống trong thơ Hoàng Cầm và bao nhiêu con sông khác, có khi chưa bao giờ có thực, đã chuyên chở u hoài và mộng mị của thi nhân. Con sông Vị Hoàng, theo tôi, là một dòng nước nửa thực nửa mộng, tôi thêm nhận xét này vào ý kiến hai ông Trần Thanh Mai và Trần Tuấn Lộ : Làng Vị Xuyên nằm bên dòng sông Vị Hoàng, quanh năm nước đục đỏ ngầu. Nhưng nhà thơ vẫn thấy nó là con sông không thể thiếu được, nó đã làm cho khung cảnh quê hương mình thêm thấm thiết... Tình cảm của nhà thơ đối với con sông Vị Hoàng là mối tình cảm đầu tiên trong quá trình hình

thành nguồn trữ tình của Tú Xương¹. Dòng sông là giấc mơ trong khi nhà cửa, ngô khoai là thực tại, cũng như tiếng ếch bên tai là một thực tại tiễn đưa tâm hồn trở lại cõi viễn mơ, hồn thơ Trần Tế Xương đọng đưa, bỗng bênh giữa mộng và thực, đó chính là vận trình của thơ. Âm hưởng thảng thốt của bốn câu ngắn ngủi đó như ngọn gió đầu mùa, báo hiệu cho Tiếng Thu, Mây, Lửa Thiêng, nguồn thơ đã mới vì tách rời khỏi phong cách cổ điển của thế kỷ XIX mà không vang vọng tiết điệu của ca dao; nó bắt nguồn từ một khung cảnh bình nhật để vươn lên cõi mộng, bằng một thứ ngôn ngữ mới, đặc biệt của thi ca, tuy vẫn bình dị mà tha thiết.

Sông kia rày đã nên đồng

Chỗ làm nhà cửa, chỗ giống ngô khoai.

¹ Trần Thanh Mại, Trần Tuấn Lộ, “Tú Xương con người và nhà thơ”, n.x.b. Văn Hóa, Hà nội 1961, trang 16 và 17.

Khó có ai làm nổi một câu lục bát giản dị hơn, về rung cảm lẫn ngôn ngữ. Họa hoàn hảo mới gặp một câu thơ trong sáng như vậy mấy mươi năm sau trong Xuân Diệu :

Hôm nay trời nhẹ lên cao

Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn.

Thật ra, ý tưởng và lời lẽ trong Xuân Diệu đã cầu kỳ hơn và không tha thiết không mật thiết bằng Trần Tế Xương. Nguyễn Bính khi muốn bình dị trong lục bát thường rơi vào âm giai của ca dao ; ca dao có khi rất giàu thi tính, nhưng không phải là thơ.

Nội dung trong thơ Trần Tế Xương khác ca dao ở chỗ cảm xúc hoàn toàn cá nhân, không có tính cách đặc trưng hay đại chúng ; tiếng ai gọi dò là một thế giới

riêng tư và sâu kín. Các sách giáo khoa, các nhà biên khảo giải thích rằng tiếng gọi đò chính là tiếng gọi của non sông, hay của các nhà cách mạng. Giải thích như vậy vừa không có gì chắc chắn, vừa giới hạn âm ba của bài thơ ; gán cho tác phẩm một giá trị đạo lý hay lịch sử cũng không tăng giá trị được bao nhiêu. Về hai câu sau Tản Đà nức nở khen chữ “vắng” và chữ “giật mình” nó chan chứa kín đáo cái ngậm ngùi của một tinh thần hoài cổ [Nguyễn Công Hoan kể lại, tạp chí “Văn Nghệ” số 68, Hà nội, tháng 1-1963.]. Không biết nhà thơ tiếc nuối những gì qua kỷ niệm dòng sông, tiếng gọi đò. Một thời đại đã vang bóng hay tuổi trẻ đã phôi pha. Hay tâm hồn kẻ chợ ấy luyện tiếc cảnh đồng xanh đã mất ? Trần Tế Xương phần nộ trước cảnh con khinh bố, vợ chửi chồng, là việc dễ hiểu ; nhưng tại sao ông lại bất bình với cảnh phố phường tiếp giáp với bờ sông ? Phải

chẳng vì thực tế chật hẹp, đông đúc lẫn át những giấc mơ chập chờn trên khói sóng ?

Tâm sự u uất của Trần Tế Xương do cảnh nghèo túng, hồng thi mà ra. Đã đành. Còn một lý do khác, có thể chỉ là một hệ luận, cũng có thể là nguyên lý, là thi nhân không thích ứng được nội giới với hoàn cảnh chung quanh. Ông sống đời sống nội tâm như một giấc chiêm bao :

Bỗng thấy chiêm bao thấy những người

Thấy người nói nói lại cười cười

Tỉnh ra lại tiếc người trong mộng

Mộng thế thì bằng tỉnh mấy mươi,

Từ chiêm bao trở về với thực tế,

Trần Tế Xương sống lạc lõng với tất cả tâm trạng của người xa lạ, gàn gàn dở dở, lẩn quẩn loanh quanh, con người vô tích, sáng vác ô đi tối vác về, con người lúng túng vì cảnh “ở bể vào ngòi” :

Ở bể ngậm ngùi cơn tới lạch.

Chính Trần Tế Xương cũng ngạc nhiên đối với thân phận lạc loài — có ai hay chỉ một mình tôi – cảnh nghèo túng trong thực tế, chỉ tương đối. Đó là bối cảnh của một thân phận tự nó, đã bi đát. Nguyễn Công Hoan, trong hai bài tham luận đăng trên tạp chí Văn Nghệ, số 67 và 68 đã phê bình cuốn khảo luận của Trần Thanh Mại về Trần Tế Xương, đã chứng minh là cái nghèo của họ Trần rất tương đối, chứ không thê thảm như nhà thơ đã mô tả trong tác phẩm. Hơn nữa Trần Tế Xương không phải là người đầu tiên làm thơ than cảnh “hàn nho”, Nguyễn Bỉnh

Khiêm than nghèo để bày tỏ sự thanh cao của Bạch Vân Am, Nguyễn Công Trứ than nghèo để trình bày chí khí của kẻ sĩ; Trần Tế Xương nêu lên cảnh nghèo một cách bi thiết hơn, không phải vì ông đói rách hơn các bậc tiền bối, mà là để nói lên thân phận phi lý của mình, tâm trạng tủi nhục cực lòng cha mẹ đẻ con ra, cái phi lý và tủi nhục mà người khác sẽ không cảm thấy, dù đồng cảnh ngộ vật chất. Tuy nhiên sự bi đát trong đời Trần Tế Xương, tôi e ông đã nói quá, đã “cường điệu hóa” để mượn một từ ngữ của các nhà biên khảo miền Bắc. Chân thật hơn, theo tôi, là chút tâm sự lửng lơ, man mác, kín đáo tuy trực tiếp như là :

Trời không chớp bể chẳng mưa nguồn

Đêm nào đêm nao tớ cũng buồn.

Tâm sự man mác đó, mà nhiều nhà

phê bình gọi là “lãng mạn vong quốc”, ta có thể xem như là lãng mạn không thôi; tâm sự vong quốc có thể chỉ là bối cảnh tâm lý để diễn đạt sự trầm buồn, u uất gắn liền với bản chất của thi nhân. Có thể nói Trần Tế Xương là thi sĩ đầu tiên trong lịch sử văn học, nghĩa là kẻ chỉ sống với thơ, sống vì thơ, sống trong hệ lụy của thơ, mở đường cho một thế hệ hành nhân cô độc :

Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa

Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh

Vũ Hoàng Chương

Trong các danh nhân của văn học, có lẽ Nguyễn Du là bậc tài tình nhất mà vẫn không đỗ được đại khoa, tuy xuất thân từ một gia đình khoa giáp. Nhưng văn chương vẫn là con đường tiến thân của

Tố Như. Ở Trần Tế Xương, văn chương, tức là năng lực sáng tạo nghệ thuật, bắt nguồn từ một sự bất thích ứng, là một cái nghiệp dĩ đưa tới chỗ trăm năm thân thể có ra gì. Không biết Vũ Hoàng Chương có bị giống nòi khinh lúc nào không, chứ Trần Tế Xương là kẻ bị xã hội miệt thị, có lần bị thuê hành hung ; mãi ba chục năm sau khi ông tạ thế, khi thơ văn ông đã được ca ngợi, sưu tầm xuất bản thấy hội Trí Tri Nam Định kỷ niệm ông, bà con thành Nam có rất nhiều người còn phản đối (...) hội Tư Văn làng Vị Xuyên có biết mà lánh mặt không tiếp ². Cho đến ngày nay, ngay tại xã hội Việt Nam một thi sĩ nếu chỉ là thi sĩ thôi, không có chức phận hay nghề nghiệp nào khác, chưa chắc đã không bị xã hội ngăm ngăm miệt thị, có thể người

² Nguyễn Công Hoan, tạp chí Văn Nghệ số 67, Hà nội, tháng 12-1962.

ấy trứ danh lắm gái mê, nhưng đi hỏi vợ thì ắt cũng phải “ba tao mới thành”. Có thể thời Mạc Đĩnh Chi, Lê Quý Đôn, văn chương có một giá trị khác, vì gắn liền với khoa cử và danh vọng, nó là khả năng thích ứng với quy mô lãnh đạo xã hội; bắt đầu từ Trần Tế Xương văn hay mà chữ dốt, — văn chương — đã bắt đầu là văn nghệ là biểu tượng của một sự bất thích nghi, tiếng gào của thất bại. Trần Tế Xương báo hiệu cho văn nghệ của chúng ta, những “nhà văn khổ như chó” bằng cách dấn thân vào văn nghệ, như một sinh hoạt tự tại, như một cứu cánh của đời sống, bằng cách dùng cái tôi trong khía cạnh bi đát nhất, để làm chất liệu sáng tác, dùng bản thân mình để tìm người đọc, đến với người đọc, ở lại với người đọc. Tôi nói Trần Tế Xương là thi sĩ đầu tiên của Việt Nam trong cái ý nghĩa đó.

Trước Trần Tế Xương, văn chương nhằm biện giải những giá trị sẵn có, trong phạm trù xã hội. Sau Trần Tế Xương, văn chương — đã trở thành văn nghệ — nhằm sáng tạo những giá trị mới trong phạm trù thẩm mỹ. Do đó, ngày xưa sĩ tử ai cũng phải học làm thơ mà những thi phẩm còn lại không được bao nhiêu, kiệt tác là những đóa hoa nở trong sự tình cờ của thiên tài ; và muốn là thiên tài, trước hết phải là nhân tài. Có ai không đỗ đạt gì mà vẫn làm thơ để lại cho hậu thế đâu ? Tú Xương phải đợi lâu lắm mới có những môn đệ không đọ nổi bằng cấp nào mà vẫn ngênh ngang viết văn, làm thơ để đời; ông đã mở đường cho các thi sĩ tự do. Nhưng không phải tự nhận tự do sáng tạo là thành nghệ sĩ ; ông còn cần được xã hội độc giả thừa nhận nữa, nếu thơ hay. Chúng tôi chứng minh thơ ông mới, không phải vì nó

mới, mà vì nó hay, vì nó mở đường. Hơn ba chục năm sau khi Trần Tế Xương tạ thế, Huyền Kiêu viết trong một bài thơ do Khái Hưng minh họa và được nhiều người truyền tụng :

Người xưa lưu luyến ra sao nhỉ

Có giống như mình lưu luyến chẳng ?

Hay. Và làm sao ta không chạnh nhớ đến nhà thơ sông Vị ?

Ta nhớ người xa cách núi sông

Người xa xa lắm, nhớ ta không ?

Người xa là ai ? Tại sao nhà thơ cuối thế kỷ XIX lại có thể biểu lộ niềm nhớ nhung thấm thiết như vậy ? Người xa ở đây nhiều người cho là Phan Bội Châu. Tôi ngờ lắm. Nguyễn Công Hoan, trong hai bài báo đã dẫn cho rằng nhà cách mạng không có tiếp xúc với nhà thơ (thế

tại sao có bài Gửi ông Thủ khoa Phan ?) và bài này gửi ông Cử Hồng, người Nghệ An. Tôi cho rằng tìm xem nhà thơ nhớ ai, là một việc vừa vô vọng, vừa vô ích. Điều quan trọng là nổi nhớ, nhớ thế nào, chứ không phải là nhớ ai. Không nhất thiết phải nhớ một người đàn ông. Câu áp chót phải là Tương tư lọ phải là mưa gió, lấy điển phong vũ dạ hoài nhân, thì bài thơ mới hàm xúc. Nguyễn Công Hoan cũng đồng ý như vậy. Vì thi nhân có thể nhớ mà không cần nhớ ai cả, người bạn phương trời chỉ là cái cớ. Như Vũ Hoàng Chương :

Tìm đã e chường khắp núi sông

*Này sương vó ngựa gió mùi bông*³

Suốt ba mươi năm để rồi cuối cùng
tự hỏi :

3 Hai câu này ghi theo một bản chép tay, không giống ấn bản sau này của nhà thơ, mà tôi không có.

Em hỏi phương nào em có không ?

Thi sĩ để uống hoa phong nhụy hoài
trắng rằm để tìm một người không biết
có hay không thì Trần Tế Xương cũng có
thể nhớ mông lung như thế, ở một thời
đại mà ông không thể viết trực tiếp Anh
nhớ Em anh nhớ lắm em ơi như Xuân
Diệu. Bài thơ ngoài nỗi nhớ nhưng tha
thiết, còn diễn tả tâm trạng lạc loài của
thi nhân trong tâm tình sâu kín nhất :

Những hòng vui làm thêm buồn bã

Vừa mới quen ra đã lạ lòng.

Nhà thơ bơ vơ ngay tâm sự riêng tư,
lạc lõng ngay với tình cảm đột biến của
mình, trong một tâm cảnh đột nhiên
biến thành rạc rời xa lạ. Rạc rời ngay
trong giấc mơ :

Khi thấy thấy gì trong mộng tưởng,

Và xa lạ ngay trong tình yêu:

Nỗi riêng riêng cả đến tình chung.

Tình yêu ? Tôi hờ hênh chẳng ? Hay là nguồn rung cảm da diết ấy chính là một người đàn bà ? Dù tác giả quả có rào đón lọ phải là trai gái thì biết đâu cũng để che giấu một luyện ái số sàng ? Tâm tình bi thiết trong bài thơ là một khí hậu yêu đương, trong cách trở, trong cô đơn, mà vẫn thấm thiết. Vì trong một trăm nỗi nhớ của một đời người, theo tôi, nỗi nhớ sâu xa nhất vẫn hướng về một người đàn bà. Tôi lầm chăng ?

Tình yêu ? Trần Tế Xương là thi nhân đầu tiên của tình yêu ? Tôi bị cảm dỗ ghê quá !

Ai ơi có nhớ ai không ?

Trời mưa một mảnh áo bông che đầu...

Cử chỉ tình tứ đó, giọng nói nồng nàn đó phải thể hiện những rung động sâu xa của một con tim đa tình đa cảm. Nhà thơ say đắm trong chốn yên hoa, ắt có lần phải lòng người đẹp. Phải si mê lắm thì mới tự tình :

Nào ai có tiếc ai đâu

Áo bông ai ướt, khăn đầu ai khô.

Nguyễn Công Hoan kể lại một lần đi chơi Hà Nội với Tản Đà, thuê xe kéo đi hóng gió, Tản Đà nói chuyện thơ Trần Tế Xương, lúc đọc bài Sông kia rày đã nên đồng thì bác phu xe già chạy chậm lại, khi đọc đến khăn đầu ai khô thì tự nhiên bác dừng lại. Tản Đà đọc tiếp :

Người đi Tam Đảo Ngũ Hồ

Kẻ về khóc trúc than ngô một mình

Non non nước nước tình tình

Vì ai tươi thắm cho mình ngần ngợ.

Người phu xe quay lại khen hay quá. Hỏi ra thì người ấy là một ông đồ vì lụt năm 1926 nên lên Hà Nội kéo xe. Tôi khỏi phải kể tiếp thì độc giả cũng đoán được đoạn cuối là ba ông kéo nhau đi chén.

Trở lại tình yêu trong thơ Trần Tế Xương. Ai ơi còn nhớ ai không. Lời thơ bình dị, vu vơ, mà có vẻ chân thành, đầm thắm. Ngày nay chúng ta có những câu thơ tình tân kỳ hơn nhiều

Em đi rồi then khóa cả chiêm bao

Gầy vóc mộng gói tròn manh áo nhớ

Đinh Hùng

Hình ảnh điêu luyện hơn, nhưng

tình dường như không thật bằng. Vì Trần Tế Xương là một khởi điểm, là ngọn nguồn. Phải có yêu đương thì mới viết được những câu tình tứ như là :

Sợ rằng rày gió mai mưa

Lấy gì đi sớm về trưa với tình.

Và phải có một ít kinh nghiệm ngang trái mới tự hỏi :

Yêu nhau chẳng lấy được nhau nào

Mình nghĩ làm sao, tớ nghĩ sao

Xa đi ngàn nỗi lòng thương nhớ

Gần lại càng thêm dạ khát khao...

Tôi không muốn nói Trần Tế Xương là thi nhân đầu tiên biết yêu. Từ muôn xưa nhà thơ vẫn nói tình. Nguyễn Du

không mê gái, không thất tình, e khó viết nổi truyện Kiều. Trần Tế Xương đã tình tự ở ngôi thứ nhất, khơi dòng cảm hứng cho những :

Trai lỡ phong vân gái lỡ tình

Ngày đêm tri ngộ xót điều linh.

Vũ Hoàng Chương

Có một dòng thơ làm bằng tình, bằng mộng, bằng những chua xót, bơ vơ, bắt nguồn từ Trần Tế Xương, qua Tản Đà, đến Lưu Trọng Lư, Vũ Hoàng Chương... Ở Tản Đà, sự chuyển dòng dễ thấy và dễ giải thích. Còn ở Trần Tế Xương ? Trần Thanh Mại khẳng định Tú Xương không hề có những cảm tình lãng mạn [Trần Thanh Mại, Sđd, tr 123.]. Tôi e họ Trần cực đoan. Trong Trần Tế Xương có sự hình thành của một cảm tình lãng

mạn nặng tính cách Việt Nam. Làm sao giải thích được tính cách giao thời trong nội dung cũng như ngôn ngữ thơ ông ? Thời đó, sách Âu Tây đã được người Trung Hoa dịch thuật. Họ Trần có đọc không, và đọc sách gì ? Theo Trần Thanh Mại, thì ông biết chữ quốc ngữ khá sớm, những bài thơ về sau được ông ghi lại bằng quốc ngữ [Trần Thanh Mại, Sđd, ghi chú tr. 93.] ; chi tiết này có đáng lưu ý không ? Ngoài ra, trong chốn yên hoa nhà thơ có để lại kỷ niệm nào nồng mặn ? Những vấn đề đó cần được soi sáng bằng những sử liệu mà chúng ta chưa có. Chung quanh Trần Tế Xương, phải chăng có cả một tư trào lãng mạn đang thành hình, mà nhà thơ chỉ là một biểu tượng ? Tâm thức bơ vơ được diễn đạt rõ rệt qua bài Lạc đường, mà ngày nay nhiều người nghĩ không phải của ông. Hoàng Ngọc

Phách⁴ liệt vào các tác phẩm tồn nghi và chưa thêm là có người nói của Từ Diễm Đồng ; Nguyễn Công Hoan đứt khoát là của Đinh Chương Dương, nguyên đại biểu quốc hội miền Bắc còn sống lúc tác giả viết bài (1962-1963). Tôi không dẫn chứng bài này chính vì cái tầm quan trọng của nó, có thể làm lệch cả lý luận vì một nhầm lẫn. Bài đó không biết là của ai, nhưng ra đời vào năm nào ?

Một mình đứng giữa khoảng chơ vơ

Có gặp ai không để đợi chờ

Phải chăng là tâm trạng của một số sĩ phu đồng thời với Tú Xương? Ông đã chứng kiến cảnh đổi thay của xã hội và không thích ứng được với những biến thiên đó. Làm sao tâm trạng ông lại báo hiệu cho những dòng tư tưởng đến sau

4 Hoàng Ngọc Phách, Lê Thuớc, Đỗ Đức Hiếu, Văn Thơ Trần Tế Xương, Bộ Giáo dục x.b, Hà nội 1957.

? Phải chăng đó là một bất ngờ của nghệ thuật thường bắt gặp trong lịch sử văn học thế giới, hiện tượng trực giác của nghệ thuật đi trước trào lưu lịch sử?

Tôi có đưa ra tương quan giữa thơ Trần Tế Xương và những trào lưu thi ca mới. Giả thiết đó còn vụng về thiếu sót, đôi khi miễn cưỡng. Đây là một nghi vấn nhiều hơn là một giải đáp. Nghi vấn đó nhằm khơi lại vấn đề tổng hợp các trào lưu thi ca hiện đại, trong đó, các nhà biên khảo thường bỏ quên Trần Tế Xương, bỏ quên cái thi tính trong thơ ông. Bỏ quên bằng cách gán ghép cho mọi sáng tác của ông một dụng ý chính trị, cách mạng. Điều đó không cần nếu ta tin rằng thơ ông hay. Thi sĩ lớn như chim đại bàng. Chỉ cần vỗ cánh là bay ra ngoài lịch sử.

Trần Tế Xương phải chăng là một thi nhân hiểu theo cái nghĩa trọn vẹn nhất của thẩm mỹ thi ca ? Sinh năm 1870, mất 1907, ông thuộc thế kỷ XIX hay XX?

Tặng Hiệp

ĐẶNG TIẾN

(Ostermundigen ⁵, tháng 7-1970)

Đã phát hành :

PHÙ SINH

tác phẩm thứ ba của

PHẠM QUỐC HÙNG

5 Ostermundigen là một đô thị trong huyện Bern-Mittelland, bang Bern, Thụy Sĩ. Đô thị này có diện tích 5,96 km², dân số thời điểm tháng 12 năm 2020 là 17758 người.

Hoàng Trúc Ly

Nỗi buồn chung thân

*Tay hong nắng sớm mù khơi
Người yêu trong mắt tình chơi với tình
(Hằng Yên Phương)*

*Như sườn non ngựa hồng giấc ngủ
Em vút roi từng sải ngựa phi
Như thân trâu cánh đồng ấm cỏ
Chỉ vì em xỏ mũi lôi đi*

*Như mặt trời tung hô ánh sáng
Em tóc bay từng sợi mù sương
Như trắng trắng ngừng giăng tiếng
sáng
Chỉ vì em cõi lòng sáng trắng*

*Như tà áo thiên thanh làm chứng
Em mắt buồn màu lá quên xanh
Như mơ hồ một đời đau đớn
Chỉ vì em không nói yêu anh.*

Nguyễn Thị Hoàng

Bóng ma

Tôi thức dậy sau giấc ngủ trưa buồn bã và lạnh lẽo, với cảm tưởng một bóng dáng nào vừa lảng vảng đong đưa qua lại trong không khí tối tăm ẩm mốc của căn phòng Nhật Bản nghèo nàn nhỏ hẹp.

Nhìn quanh, tìm kiếm một dấu vết xê dịch khác lạ, nhưng không có gì hết ngoài những đồ vật yên lặng và đìu hiu. Trên mặt tôi, ngọn đèn điện vàng chạch lờ mờ kẻ thành một vòng tròn ánh sáng lung lay. Bên góc kia là cái tủ áo đóng

vào tường, với những chồng nệm gối cũ ẩm mốc lâu ngày đầy nhóc, màu sắc vừa sặc sỡ vừa quái dị, như những mảnh vải áo của một hình nhân phường tuồng kỳ dị trong chiêm bao. Góc bên kia là bình hoa đặt trên sàn nhà trải chiếu, với những búp hoa giấy hướng lên khung tường thấp treo một bức tranh đường nét lạnh nhạt, lu mờ. Hai mắt tôi bỗng dừng lại đó, khoảng giữa bức tranh và bình hoa. Hình như có ai ở khoảng đó đã nhìn về phía tôi, trong giấc ngủ. Không có ai hết. Chỉ cô búp bê Nhật mặc gấm xanh, với mái tóc đen nhánh vấn cao lấp lánh những cái trâm tí hon màu vàng và tủy lục. Đầu cô ta nghiêng theo chiếc dù che trên vai. Và vì thế, hai con mắt nhìn hẳn về phía tôi. Tôi muốn bế cô ta ra, nói chuyện, và mỉm cười đáp lại, vì dù sao cô cũng là sinh vật thứ hai trong căn phòng này. Cô ta bị nhốt trong một tủ kính nhỏ

xinh đẹp, nên chúng tôi chỉ nhìn nhau. Nhưng lúc tôi không nhìn vào góc phòng kia nữa, tôi vẫn cảm thấy cô búp bê nhìn tôi chăm chú, tò mò. Không phải cô ta nhìn một phía, bất động, mà tôi quay về phía nào, hai con mắt cô ta xoay theo chiều ấy. Điều đó không có thật đâu, tất nhiên, vậy đừng nói ngay là tôi phịa. Nhưng cũng không phải là không có, vì đúng là cô ta nhìn theo tôi. Dù sao đó mới chỉ là cảm tưởng thôi, cảm tưởng đầu tiên thì bao giờ cũng dễ gây nhiều ấn tượng và xúc động. Cho nên tôi vẫn nghĩ là có cái gì khác trong góc phòng tối om kia, chỗ cô búp bê Nhật Bản che dù đứng đợi một người tình không bao giờ tới.

Tôi tung tấm mền dày, ngồi dậy, vuốt mặt. Tiếng mưa đã lẫn vào trong tiếng nhạc nỉ non buồn bã của một khúc đàn

Phù Tang trong ti-vi từ bao giờ. Từng giọt mưa nhỏ và buồn gõ nhẹ lên những tàu lá nào sau khoảng sân nhỏ sũng nước. Tôi nghĩ, vậy mình lại nằm nhà cho hết chiều nay, với lý do an ủi là trời mưa và mình không dù che không áo ấm. Tôi quì gối trên nệm, buộc kỹ lại sợi đai màu đỏ và vàng quanh cái ảo kimono trắng kẻ sọc xanh của nhà trọ, đứng lên, quấn lại mở tóc và hai chân lúm chúm trong đôi dép Nhật màu đỏ, đi qua phòng bên.

Hai vợ chồng bà bạn và mấy người bạn khác đã ngồi quì gối quanh cái bàn vuông thấp. Trên bàn những chén trà hình tròn bầu bĩnh, một cái ấm nước mới pha trà, một đĩa đầy những cái bánh ngọt hình tròn, màu vàng sẫm, giống như những miếng cao su của đàn bà dùng đánh phấn Max Factor ướt. Tôi kéo một cái gối mỏng đặt cạnh bà bạn và

xếp hai gối lên trên, ngồi yên lặng. Đói quá, tôi nói. Ngủ ngon quá nhỉ, bà bạn hay một người nào đó hình như nói vậy, và họ nói gì với nhau. Về chuyển đi. Về hội chợ Osaka, về những gì tôi không còn chú ý đến nữa. Tôi như đang bay là là trên những ngọn cây cao bao phủ sương mù. Tôi đang chao lượn, lên rất cao và xuống rất sâu, những đỉnh non và hố thẳm tình cờ nào đó. Những bất ngờ tuyệt diệu một đời người chỉ có thể tìm thấy một lần. Tôi nói quá đáng, cho vui. Thật ra thì sự tình cờ chỉ là khoảng không của hư vô, hay sự đầy ngập của sương mù. Hai tay vắng vẻ. Tôi vắn tay áo kimônô rộng thùng thình, thật rón rén, nhẹ nhàng, và cầm lặng lẽ với tay lấy một tách trà nóng. Tự nhiên tôi không tìm thấy tôi đâu cả, và tôi mỉm cười với người lạ đang vươn tay rón rén lấy tách

trà kia. Buổi chiều nhập nhòa ngoài kia vườn mưa lả tả. Mùi thơm của cỏ ướt với diêm bầu mới trộn lẫn. Tôi muốn đi. Nghĩ đến một vài người bạn mới quen. Khoảng cách với quê nhà. Giữa tôi với tôi. Và sự lạc lõng chơi vơi không cùng của tôi này trong tôi khác. Cho nên tôi mỉm cười. Và cảm thấy buổi chiều vô vị bỗng bừng đẹp và thơm lại mùi hương đã giây phút mà xa xưa của bảy ngày Đài Bắc.

Người chồng của bà bạn bỗng nói:

– Thế là ta có người dẫn đường và đi chơi ngoài được rồi đấy.

– Ai vậy ?

– Một người Nhật, biết chút xíu tiếng Anh,

Không biết chút xíu là chừng nào, và hẳn là loại gì, tôi nghĩ và cảm thấy bức tức vô cớ.

– Chút xíu, chắc cũng cỡ bằng tên sinh viên tối qua chứ gì.

Thằng nhỏ chắc đã hút hết bao Dunhill và không dám lai vãng tới gần vùng này nữa. Tôi đã ngồi đó, với cơn giận tràn ngập, vô lý, trên những bậc thềm cũ dẫn lên tầng trên của một nhà trọ trống trơn buồn rầu, với những trái nho xanh mua trong đường hẻm xa lạ, cho qua buổi tối đói khát. Những đồ đạc ngổn ngang trong phòng. Nhất định là phải dọn đi một chỗ nào khác, không được một phòng trong khách sạn, thì ít ra là một nơi nào tương đối có mỹ cảm hơn.

Một người nào cần nhận:

– Đi Nhật như thế này, thà ở quách Việt Nam mà đi qua vùng Bà Chiêu còn hơn.

Tôi muốn cười. Nhưng không thể cười. Từ sân bay lộng lẫy về nhà trọ, con đường đã thênh thang với đà xe bay vút trong gió đêm lên, và tôi đã tưởng chừng những ngày ngắn ngủi ghé qua Osaka sẽ tuyệt vời vô cùng. Vậy là khi tới đầu hẻm nhỏ này, khi lên hết khoảng cầu thang lem nhem kia, nỗi thất vọng đã biến thành cơn giận. Một người nói có lẽ mọi người cần tiết kiệm nên phải chọn chỗ này, giá rẻ, vì chuyến đi còn dài. Tôi thì không thể nào chịu được như vậy.

Thà chuyển đi tận cùng ngay bằng một ngày tuyệt vời nào đó còn hơn kéo dài hàng năm với một khung cảnh tồi tàn.

Mọi người chia làm ba phe. Một phe ở lại nhà trọ này. Một phe chủ trương không cần nhà cửa, đi lang bang tận hưởng hết đêm dài. Một phe khác, có tôi, nhất định là đi ngay, một nơi nào khác. Hai người trong nhóm đi tìm chỗ trọ. Gần đến khuya, họ trở về, với một sinh viên Nhật. Hắn có vẻ ngốc nghếch và nhút nhát, với một mớ sách vở khư khư trên tay. Có lẽ hắn vừa đi học một lớp tối về. Hắn sẽ gọi giùm một chiếc taxi và đưa mọi người tới chỗ mới, với nhúm Anh ngữ có thể hiểu vài ba tiếng của chúng tôi.

Chờ mãi không có xe nào chạy qua. Cậu nhỏ sốt ruột, cứ lảm nhảm và vùng chạy, tôi muốn về nhà, tôi muốn về nhà. Hai người đi tìm chỗ đã bắt cóc cậu ta, nhờ thông ngôn lại với tài xế và chủ nhà trọ bên kia. Cậu ta bắt đầu hoảng sợ khi

một người giữ tay lại không cho chạy. Hấn sợ vì không hiểu bọn người lạ sai hấn làm việc gì. Bọn người lạ thì sợ, nếu hấn vượt chạy sẽ không cách gì nói với tài xế taxi đưa về nhà trọ vừa tìm thấy, với đồng hành lý ngổn ngang khắp mặt đường kia.

Cuối cùng, đến nửa đêm rồi cũng bắt được hai taxi trống. Tên sinh viên bị bắt luôn vào trong xe. Hấn lại la, tôi muốn về nhà, tôi muốn về nhà, nghe phát sốt ruột. Nhưng thả hấn thì đến nhà trọ không làm thế nào cho chủ nhà hiểu là cần dọn xếp bao nhiêu phòng, bao nhiêu chỗ, giá cả và thời gian ở trọ.

Vậy nhưng cuối cùng hấn cũng bị áp tải tới nhà trọ. vẫn đóng xong vai trò thông ngôn, và một người trong nhóm tặng hấn một bao Dunhill có sẵn, với

một tiếng Nhật độc nhất có thể nói là “arigato”.

Từ đó bọn người câm chỉ làm dấu với chủ nhà trọ để đặt bữa ăn, hỏi thăm chỗ tắm, và những nhu cầu vặt vãnh khác. Một mình tôi phải chiếm riêng một phòng, trong khi mỗi phòng chủ trọ có thể dành cho ba người. Họ ăn chung, ngủ chung, và tắm chung nữa, trong nhà này. Ban đầu họ không chịu dành cho tôi một phòng với cả ba chỗ như vậy, dù là trả giá gấp ba. Cuối cùng không hiểu sao, họ lại bằng lòng. Như vậy là phòng tôi, ở trong cùng, không có cửa ra vào, bốn bề bít kín với những tấm vách giấy kéo sột soạt. Muốn ra vào, tôi phải băng ngang qua phòng bà bạn. Cho nên tới giờ giới nghiêm của họ, tôi đành chết ngộp trong phòng, trừ khi lại một trái bom nguyên tử thứ ba thả xuống Hiroshima.

Như vậy là phòng tôi có ba tấm nệm. Như phòng của Thoreau trong cuốn “Walden” có ba cái ghế, tôi nghĩ, và cố bằng lòng với phần ý nghĩa của con số ba chênh vênh kia. Tôi qua đêm đầu tiên, thao thức và mệt mỏi ở trên tấm nệm giữa, với mùi ẩm mốc xông lên từ chiếu lát sàn, từ những bức vách giấy, từ những gối nệm xa lạ, và thật khó chịu, từ trong chiếc áo kimônô còn mới nguyên đang mặc trên mình. Có lẽ không phải là mùi ẩm mốc, mà là hương vị gì đặc biệt của những ngôi nhà Nhật Bản nhỏ bé.

Có tiếng gõ nhẹ vào tấm vách giấy phía trước. Người chồng bà bạn nói là hấn tới, có lẽ.

Rồi cánh cửa kéo xích qua, nhẹ nhàng, hấn cúi đầu chào chúng tôi và ra dấu hỏi có thể bước vào được không.

Chúng tôi đều nhếch chỗ cho hấn ngồi. Hấn lăm lì yên lặng, và có vẻ buồn rầu nhút nhát, ngần ngợ. Không thể đoán được hấn là loại người gì. Thợ thuyền. Lính giải ngũ, người đi buôn, hoặc một hạng gì tệ hơn thế thôi. Cái bề ngoài và cách cuộc chất phác, tầm thường của người Nhật xa lạ hình như tỏa ra một cái gì khô khan, buồn bã làm mất vui những người bên cạnh. Hấn nói bằng tay chân, và đầu cổ hơn là giọng nói. Hình như hấn chỉ biết chừng mười tiếng Anh là cùng. Cho nên hấn chỉ cười, hay lăm lì, hoặc khá hơn, thỉnh thoảng ú ớ như những người cầm đứng đón đầu bến xe xin tiền khách. Tôi bức mình quá mức và cảm thấy mọi sự ở đây thật quả hoàn toàn hỏng, từ khung cảnh, người, cho đến tất cả cái ầu cái ngủ. Cuối cùng tôi cố nhìn lại xem gã Nhật bản có gì đặc biệt mà mình lười nhận ra hay không.

Không. Đầu hấn vuông vức như một miếng gỗ khô, với hai mày ngang phè đen thui như bôi nhọ, cặp mắt nhỏ, đờ đẫn, vẫn đục, buồn rầu, không sinh khí. Tôi nói không ăn nhập gì với câu chuyện của mọi người xung quanh, chán quá, tôi muốn về Đài Bắc. Cũng không hiểu sao. Nhưng quả là tôi muốn về Đài Bắc, bỏ dở chuyến đi, và sau đó về lại Sài Gòn. Hình như mọi điều bắt đầu và chấm hết ở Đài Bắc rồi, từ Nhật Bản trở đi, không còn gì để đón chào và nhìn ngắm nữa.

Từ ý nghĩ đó, tôi bỗng muốn gặp lại một vài khuôn mặt quen thuộc nào đó đã gặp ở Đài Bắc vừa rồi. Những khuôn mặt không còn sắc nét trong ký ức, nhưng lai vãng, vẫn vợ, thân thuộc làm vui, làm buồn, làm trôi nổi bồng bềnh tâm hồn trong thứ vầng nổi sương sao của tháng ngày đã mất.

Cho nên, sáu giờ chiều, tới vùng dẫy từ tấm nệm ẩm mốc của căn phòng nhỏ tối mờ buồn bã, nhặt vội vài cái áo quần và đồ dùng lặt vặt, nhất định đi ngay lên Tokyo. Để khỏi bị nhìn thấy vẻ Việt Nam quá rõ, tới mặc một bộ quần áo tây thật gọn, quần thêm cái khăn vào cổ, và với cái xách tay giản dị nhất phăng phàng đi ra ngoài, tất nhiên là phải qua trạm gác của vợ chồng bà bạn.

Bên ngoài, sau khung gương nhỏ, người thợ mộc đã ngừng bào cửa, đang lúi húi gỡ mấy cái áo phơi trên dây kềm xuống. Mấy cụm cây nhỏ xiu đứng im chờ một cơn mưa chắc chắn sẽ tới vào khoảng nửa đêm. Vòm trời chiều mịt mù thấp hẳn xuống sau mái hiên tịch mịch. Nghe rõ tiếng dép lệt xệt của bà chủ nhà trên những tấm thảm lát sàn.

Tiếng nước nóng của ai tắm xối ào ào phòng bên kia. Với tiếng líu ríu của mấy người sinh viên Nhật trở về phòng trọ. Tôi nói là tôi đi Tokyo đây, chịu hết nổi rồi. Họ nói, ơ kìa, thế ra bà định đi thật sao. Tôi nói, sao lại không thật. Không được đâu, đừng liều. Tôi nói, chán quá rồi, tôi nhất định, đến đêm, tàu tốc hành vẫn còn. Khoảng sáu rưỡi tôi ra ga và đến hơn chín giờ đêm là tới Tokyo. Họ bắt đầu hoảng với ý muốn quyết liệt của tôi, hình như họ cũng nghĩ có gì trên Tokyo để có thể lại cuốn tôi vào chuyến đi liều lĩnh vội vàng như thế. Không có gì hết. Chỉ ông bà Rychio sẽ đón tôi khi tôi tới nơi và gọi điện thoại được cho họ. Cũng không chắc nữa. Bởi ông ấy có thể đã đi Đức quốc rồi, sớm hơn dự định, chỉ mình bà ở nhà. Bà thì biết rất ít tiếng Anh, nếu gọi điện thoại và bà nghe được, làm sao hiểu tôi nói gì để đi đón, Nhưng

tôi vẫn nghĩ là họ chờ mình và tôi nhất định sẽ lên thăm, như đã hứa.

Phút chia tay vẫn làm tưởng nhớ và bùi ngùi buổi sáng đó. Họ về Nhật trước, đúng vào hôm tất cả những người khác lên tàu đi Đài Trung thăm Nhật Nguyệt Hồ.

Đoàn xe sắp sửa khởi hành để ra ga xe lửa, tôi thấy vợ chồng họ từ cửa khách sạn vội vã đi ra, mặt tươi cười và xúc động lạ lùng. Ông đi trước, bà theo sau, hình ảnh của một cặp vợ chồng Đông phương kiểu mẫu dễ thương nhất, họ tới từng chiếc xe, chào hỏi và bắt tay từ biệt từng người. Thấy tôi ngồi phía ngoài, ông bà hình như có ý bước hẳn lên xe. Tôi dời chỗ, nhào người ra ngoài khung cửa. Ông Rychio nói rất tiếc là không cũng đi Đài Trung với mọi người, phải về Nhật sớm để còn đi hội nghị gì bên Đức.

Tôi nói quá tiếc không có dịp chuyện trò nhiều với ông bà, thế nào cũng tìm đến thăm khi qua Nhật. Ông nói đến Tokyo gọi điện thoại ngay, thế nào ông bà cũng sẽ ra đón, ông bà chờ tôi. Rồi là mái tóc bạc trắng như một cánh hạc buồn lẫn khuất ngàn mây của ông bỗng lùi lại với đà xe bắt đầu xê dịch. Bà vợ, trắng nõn và mũm mĩm trong chiếc áo màu tím tươi với những cánh hoa trắng lớn mái tóc cúp bông-bê rung rinh lảng lẩy bên hai má phính bầu như trẻ con, cặp mắt nhỏ đen muôi linh động trên đôi môi nhỏ xiu và sống mũi kín đều thanh tú, chuôi hai cánh tay tròn và ngắn, mềm mại thân yêu cầm lấy bàn tay tôi, siết chặt và giữ lại một lúc lâu, hàng mi chớp, đôi môi cười, cái đầu tròn nhỏ nhẩn gật gật một lời cảm cảm mến. Rồi xe chạy. Chúng tôi vẫy tay chào nhau, lần cuối cùng, và mặc dù tôi cố nghĩ là sẽ lên thăm họ một lần

ở Tokyo, nhưng trong thâm tâm, tôi cảm thấy điều ấy cũng mơ hồ và vô vọng như ước mơ một chuyện tình nào mây khói xa xôi những ngày còn trẻ.

Không bao giờ tôi nghĩ, nếu không có chuyến đi, là đến một lúc nào đó, ta gặp một người nào, chỉ một lần, dù mến yêu dù thù ghét, cũng chỉ một lần, rồi từ đó cho đến ngày nhắm mắt, vĩnh viễn, dù trái đất còn quay, người ta vẫn có thể đi lại, viếng thăm nhau, những đường bay vẫn tiếp tục nối kết mây trời và biên cương nhưng không bao giờ, không bao giờ ta còn gặp lại người đã gặp một lần thứ hai nào nữa, dù sống sót tới vạn triệu đời ta sống.

Ý nghĩ đó làm buồn bã, nhưng cũng làm nâng niu yêu dấu những gì đã tới, đã đi qua, và ý nghĩ lên thăm lại ông bà Rychio dịu dàng trang trọng kia, hai

người như làm nên cả một Nhật Bản xa xưa chỉ còn trong ký ức của hoa anh đào không bao giờ nở nữa, nung nấu trong lòng tôi một thứ lửa dịu dàng và say sưa, thứ lửa của lò sưởi nửa khuya thức dậy một mình ngồi ngắm chính mình. Và tôi nhắc va-li đi ra cửa,

Lúc đó người Nhật xấu xi bước vào. Hắn làm dấu hỏi. Nghe nói tôi đi ngay Tokyo, hắn la lên, kinh hãi như tôi sắp đi “hara-kiri”. Rồi hắn ngồi bệt xuống, mặt buồn bã, lo âu, nói huyền thiên gì gì với vợ chồng bà bạn. Ông ta nói lại là hắn bảo đường sá nguy hiểm vô cùng và đàn bà con gái đi một mình lên Tokyo thế nào cũng bị du đũng bắt cóc, thế nào cũng bị cướp giật, hay bị đem bán sang Macao... Hắn nói, không phải vì cản không cho tôi đi mà nói vậy. Nhưng sự thật thì bây giờ những vụ cướp giật

bắt cóc xảy ra rất thường, vì du đãng quá lộ hành. Ngay cả ngôi trong nhà, cướp cũng có thể xông vào làm đủ các trò tồi tệ. Hắn nói thế nào mà, buổi chiều sắp xuống, ngôi nhà xa lạ heo hút, những con đường chằng chịt bên ngoài không biết dẫn đưa về đâu, bốn bề lạ lùng. bỡ ngỡ, người nghe cảm tưởng như đang bị rơi vào một ở phục kích kinh dị nào đó và đang hồi hộp đợi chờ một tai họa có thể xảy tới bất cứ lúc nào. Rồi thì hắn kết thúc một cách quả quyết, tôi cử đi một mình đi nhưng rồi sẽ không còn về lại được nữa, vì giữa đường có thể bị này này, hắn làm bộ tuột mũi gươm nhọn cắm phập vào bụng và lấp bắp hai chữ harakiri, harakiri... Chết. Chết không phải là chuyện dễ. Và chết một cách vui vẻ và xi-nê như thế lại càng khó hơn, Tuy nhiên những lời bàn tán làm tôi bức mình. Tôi thù ghét tất cả những cái

gì làm vướng víu ý định mình. Nhưng chính sự vướng víu kia thường làm nhìn lại và trông thấy một cái gì khác lạ.

Đến đó tôi bỗng nghĩ tới căn phòng trong kia, và đêm đang xuống. Đêm xuống. Tôi không sợ những gì có thể thật sự xảy ra. Nhưng lại sợ những điều chỉ xảy ra trong tưởng tượng của mình. Một đoạn phim Nhật không khí ma quỷ và bi thương trở về ám ảnh. Hình bóng bà Rychio bỗng nhạt nhòa trong trí nhớ. Tôi ngồi xuống, hai tay bó gối. Bà bạn nằm quấn mình kín mít trong tấm chăn bông dày ấm áp, ông chồng ngồi uống trà hay làm thơ gì đó. Nhà bếp đang sửa soạn cơm chiều. Máy người trợ lực tục trở về.

Tôi lại ra ga, tới một nơi không biết bao giờ, với những rừng người xa lạ. Để kiếm tìm gì. Không gì hết. Không có gì

ở Nhật Bản này hết. Có thể đi tới tận cùng trái đất, nếu có gì ở đó. Nhưng một quãng đường ba giờ đường xe tốc hành, ba ngàn rưỡi đồng yen, và không có gì cả cuối đường. Với một vài ám ảnh buồn rầu lạnh lẽo.

Tôi quay về phòng, kéo mạnh tấm vách giấy, nhốt mình lại bên trong, như cũ. Biết thế này có lẽ không bao giờ tôi tới Nhật, và cũng sẽ không bao giờ trở lại Nhật nữa. Những điều nhìn thấy trái ngược hẳn với những hình ảnh mộng mơ về một xứ anh đào và tuyết trắng. Trong nỗi buồn giận không căn nguyên của tôi, Nhật Bản chỉ là những con đường rộng thênh thang vòng lên lượn xuống, với hàng hàng lớp lớp xe mới toanh chạy hết tốc độ bên tay trái. Chỉ là những chuyến tàu tốc hành tới tận máy móc như đời sống dân chúng ở đó, với những hàng dài

ghế ngồi chất đầy những đàn ông dầm chiêu ngủ gà ngủ gật chờ tới ga xuống sở làm nào đó, những đứa trẻ má đỏ hồng đang tuổi vui chơi ôm cặp sách vở với miếng bánh mì nguội dắt dúi nhau lên ngồi vừa đọc dò bài vừa ngủ mê với nụ cười ngây ngủ, với những người đàn bà đeo con sau lưng, bụng mang thai mệt nhọc, lão đảo phóng mình lên một toa tàu sắp chạy, đứng đeo một cánh tay vào cái quai nắm lủng lẳng trên trần tàu, giữa mắt nhìn lạnh đăm thờ ơ dừng dừng và vô tâm của những người đàn ông đã chiếm được chỗ ngồi với những khoảng đường hầm, những nhà ga người li ti như đám kiến, đi đi chạy chạy không ngừng tán loạn, với những cửa hàng vĩ đại hàng chục tầng, đi một ngày chưa xem hết một tầng, với những đám đông mua mua bán bán chạy rùng rùng ra cửa vào cửa không ngừng nghỉ, với những thang

máy rầm rập liên miên xuống xuống lên lên, với vô vàn những người con gái con trai áo quần tóc tai bờm xờm, nhập cảng những kiểu tân thời từ Tây phương náo loạn tới...

Còn hội chợ. Có gì ở đó. Có gì ngoài những số chi phí khổng lồ, những dấu hiệu của văn minh cơ khí, đời sống máy móc phô trương, và sự chiến thắng của những quốc gia tìm tới phương tiện tốt đỉnh để chiếm cứ hành tinh khác, hay chỉ để tiêu diệt hết đời sống hỗn nhiên của con người, phá hủy hết cảm xúc, suy tư, cùng tất cả mọi giá trị tâm linh, nhân bản... Những thang máy khổng lồ lộng lẫy. Những ngõ ngách bằng điện tử, quái dị, khổng lồ, ra vào lên xuống qua vế. Để nhìn. Để xem. Và để không cảm thấy một điều gì hết. Và trời mưa. Mưa như điên cuồng trút xuống hàng triệu hàng

vạn dù nhấp nhô như nấm mọc khắp các nẻo đường vào Osaka của từng loạt người điên bỏ hết thì giờ công việc vào chen chúc xếp hàng nối đuôi dưới mưa lạnh của một Nhật Bản lộn xộn tận cùng để chờ đợi từ sáng tới chiều vào xem một cục đá lấy từ mặt trăng hay một miếng thức ăn khô của phi hành gia mang theo trên chuyến đi lấy lòng danh tiếng...

Và điều đáng chán hơn tất cả những điều trên kia là người Nhật Bản vừa tốt bụng vừa xấu xí kia. Tốt bụng, vì hẳn dành tất cả thì giờ để dẫn đường cho chúng tôi, đi hội chợ, mua sắm, tìm chỗ ăn cơm, xem phong cảnh, hết sức tận tụy kiên nhẫn mà không hề tỏ dấu khó chịu hay chán nản. Người bực mình chính là tôi. Là vì không nói tiếng Nhật được, mà tiếng Anh thì không ai hiểu, những kẻ hiểu thì không chịu nói, cho nên bao

giờ cũng chỉ trở ẩm ớ, như bọn người câm. Người Nhật dẫn đường thì hỏi gì hăn cũng ngơ ngáo như mất hồn, và tôi muốn mua gì, hỏi hăn cái gì, hăn cũng chỉ nói nâu nâu, gì cũng nâu tuốt. Bực mình mãi tôi sinh ra cái gắt buồn bã. Và ghét tất cả mọi người, nhất là người Nhật suốt ngày chỉ nói nâu nâu...

✱

Và tôi chỉ bớt bực mình khi biết đến câu chuyện tội nghiệp của hăn. Hăn là lính giải ngũ, và bây giờ buôn bán gì lảng nhảng qua ngày. Điều ấy không quan hệ, bởi hăn không có vẻ gì là buôn bán. Hình như là một thứ công an chìm. Vì không lý gì hăn ở, không một mục đích nào cả, hàng tuần trong khách sạn, không đi chơi, không làm việc. Và trong suốt

thời gian hội chợ, để duy trì an ninh cho khắp vùng Osaka, người ta đã tổ chức một vòng đai công an chìm và cảnh sát bí mật rải rác quanh các khu vực đi về hội chợ. Có thể hẳn là một trong những người làm vòng đai đó. Điều ấy không quan hệ. Mà là đời riêng hẳn. Hẳn nói một mình đã bao nhiêu năm nay, không uống rượu, không hút thuốc, không đi chơi, nghĩa là không hưởng một cái gì có thể làm sướng hay làm vui, để sống như chết theo một người đã chết. Vì không thể chết, cho nên hẳn chỉ muốn trải qua cuộc đời một cách kham khổ và buồn bã theo một người đã chết. Nàng chết khi hai người gần cưới nhau, giữa thời gian đem nhau tới khách sạn này, một thời gian hẳn được nghỉ phép. Một ngày đi phố, hẳn vào hàng mua quà cho nàng, và khi trở ra, nàng chỉ còn là một đồng máu thịt bầy nhầy trên đường xe chạy. Chôn

cất nàng xong, hấn trở về nhà trọ, sống với những đồ đạc của nàng bỏ lại, một thời gian, rồi đi vợ vất, diên khùng, và từ đó cứ hàng năm, đúng vào tuần lễ nghỉ phép xưa kia, hấn lại trở về khách sạn này, nơi đã trải qua với năg những ngày đầu tiên, cuối cùng, và tìm lại căn phòng nàng đã ở. Năm nay thì căn phòng đó đã bị chiếm khi hấn tới, nên hấn phải ở phòng khác. Khi mấy người khách kia đi rồi, hấn định dọn sang, thì tôi lại chiếm mất phòng, lần nữa.

Vậy là tôi đã ở trong căn phòng của người con gái đã tới và đã chết. Và trên những tấm nệm này, những gối chần này, những đồ đạc trong căn phòng này... Tôi nhìn qua, như bị thu hút khi trở về phòng buổi tối đó khoảng mờ giữa bình bông và bức tranh. Cô búp bê mặc gấm xanh lại nhìn tôi, có vẻ quen thuộc hơn

ngày đầu tiên mới tới. Tiếng mưa vẫn nhỏ xuống đều đều ngoài những tàu lá buồn rầu. Và khúc đàn Nhật Bản ai oán vẫn nhỏ giọt từ máy truyền hình trên tủ thấp. Cơn lạnh bỗng ngấm lên khắp người. Tôi nghĩ là vì vừa tắm nước nóng ở trên lầu, và vì những ý nghĩ vẫn vơ nào đó. Phải ngủ sớm để sáng mai đi Kyoto bù lại chuyến đi Tokyo đã hỏng. Tôi dọn dẹp lại bàn trà thơm tắt, nhấp một chén, và đốt một điếu Dunhill. Nhớ một tách cà phê. Như tách cà phê đã uống lần cuối cùng ở Đài Bắc. Buổi sáng ấy. Bông cúc trắng trên cái bàn vuông nhỏ phủ khăn màu mù-tạt. Nhưng bây giờ không còn cà phê. Và không còn cà phê nữa. Tôi nuốt một viên Librium nhỏ xíu và chuôi mình vào nệm, cố ngủ.

Vì khó ngủ, phải chuẩn bị mọi điều cho giấc ngủ nên tôi có thể nhớ rõ ràng

chắc chắn những hình ảnh trước mắt khi nằm xuống. Cái đèn điện lủng lẳng chính giữa phòng là hai ống nê-ông tròn, một ống là đèn trắng, một ống là đèn vàng mờ để chong khi ngủ. Trước khi nằm xuống, tôi vặn để ống đèn trắng, cho căn phòng bớt vẻ lạnh lẽo âm u, và đã kéo chăn thẳng tắp lên ngang ngực.

Trong giấc ngủ, tôi cảm thấy, không phải thuốc đang ngấm dần nhưng đang loãng tan đi, và tôi dần dần tỉnh lại. Bỗng nhiên tôi có cảm tưởng lạ lùng có ai đang kéo chăn đắp tôi xéo sang một bên. Giấc ngủ ngắn ngủi, yên tĩnh, và tôi đã nằm thật im, không nhúc nhích. Mở mắt ra, khoảng mền đắp ngang ngay ngắn trên ngực xéo đi một bên thật, và ống đèn nê-ông trắng đã tắt, chỉ còn lại màu đèn ống vàng nhạt mà tôi không bật lên trước khi nằm xuống.

Tôi nghĩ hay mình đã chạm tay vào tấm chăn trong khi ngủ nên nó lệch xéo đi, và ngọn đèn trắng thay bằng đèn vàng là vì chủ nhà có một chỗ bật đèn nào bên ngoài, thay đèn cho mỗi phòng trong giờ ngủ.

Và tôi nhắm mắt cố ngủ lại. Nhưng có cái gì bên phía cô búp bê bắt tôi mở mắt ra nhìn lại lần nữa. Không có gì cả. Nhưng tôi có cảm tưởng như tóc cô búp bê bỗng dài ra, và vạt áo cô ta mềm mại, như vừa có một sự xê dịch mơ hồ. Bây giờ quá nửa khuya, viên thuốc đã tiêu tan, tôi không thể ngủ nữa, nhưng mệt quá, nên lại mê mê thiếp thiếp nằm im trước khi kéo tấm chăn đắp ngang ngay ngắn như trước,

Đến lúc, tôi cảm thấy mình trong suốt, xa vắng, như đang bay lên cao vút một tầng không khí nào quanh quẽ, và

cảm nhận ra thật rõ, thật đúng, tất cả mọi điều xung quanh đồng thời với tấm chăn đắp ngang bỗng dừng bị kéo từ từ xéo sang một bên và dần dần lật hẳn về phía dưới chân. Tôi mở bung mắt. Bốn bề kín bưng không mảy may gió lọt, nhưng ngọn điện vàng mờ treo trên mặt tôi nằm dang lung lay qua lại, thật nhẹ và êm, như một quả lắc đồng hồ. Tôi nhìn dọc theo đường dây nổi lên trần nhà tìm xem một con chuột hay thằn lằn nào vừa chạy ngang qua làm lay động vòng đèn tròn. Nhưng tuyệt nhiên không có gì cả. Tôi nhìn xuống mình, dưới chân. Tấm chăn bị kéo dừng lại ngang bụng. Đúng vào lúc đó tôi bỗng nhìn, không ý định, lại phía cái tủ lún trong tường và tốc chăn đứng dậy, mở bung thật nhanh hai cánh cửa Một đồng mền gối cũ rơi xuống. Có cái gì quái dị và bất thường trong những màu tím màu đỏ màu vàng

màu xanh sặc sỡ của hàng gấm bọc nệm. Màu sắc như từ một tấm áo kimono cũ rách lâu năm bây giờ chấp vá lại, với nguyên vẹn mùi ẩm mốc và long não, xa xưa. Tôi lừa tất cả những thứ đó vào tủ, đóng thật chặt, nhốt vài ám ảnh vào bên trong, nằm xuống, kéo chăn lại như cũ, và cảm thấy là có cái gì khác lạ đang vây phủ trong không khí khuya khoắt này, và tôi nhất quyết tóm lấy sự quái lạ đó. Tôi nhắm mắt, vờ ngủ, và chờ đợi. Một cơn lạnh chạy dọc sống lưng làm nhồm người và mở mắt. Ngọn đèn chong đã đổi sang đèn trắng nhưng điện bây giờ yếu, màu trắng nhợt nhạt, âm u.

Rồi trong vũng trắng nhạt âm u và thanh vắng kia, tôi nghe xa hút không biết từ đâu, một khúc đàn buồn của Nhật Bản. Khúc đàn nỉ non, ấp ủ nước mát và tiếng thở dài của trời mưa và gió lạnh. Tôi

nhìn sang cô búp bê và nhận ra cô búp bê đang chơi đàn tranh, chiếc đàn tranh nhỏ xíu dưới những ngón tay tí hon mong manh. Tôi hỏi âm thầm, có phải cô kéo chân tôi không. Tôi nghe như có tiếng tôi đáp vì vu, không, người khác. Tôi hỏi ai. Cô búp bê nói, ngủ đi, chốc nữa. Chốc nữa, cái gì. Tôi kiểm lại tấm chăn đắp ngang người lần nữa trước khi nhắm mắt lại. Nhưng vừa nhắm mắt là tôi nghe khoảng da sau gáy được sát nhẹ một phiến nước đá, và những chân tóc như rợn lên run rẩy. Cùng lúc với tấm chăn bị kéo từ từ, chậm và nhẹ, xéo qua một bên, như hai lần trước. Màu trắng của ngọn đèn trong hai mắt tôi mở hé nhìn lên chỉ còn như một sợi chỉ trắng mong manh sắp đứt trong khoảng tối tăm lạnh lẽo. Tôi vùng dậy, thật mạnh, quyết liệt, đứng thẳng người lên, vắn lại mớ tóc, buộc chặt dải đai kimônô, bật cả

hai ngọn đèn sáng khắp căn phòng. Tôi vuốt mặt, uống một tách trà, hút thêm một điếu thuốc và yên lặng ngồi bó gối trên nệm. Nhưng không thể ngồi lâu với cảm giác lạnh lạnh vừa ập tới sau lưng. Tôi quờ tay ra sau, chụp lấy khoảng không. Tiếng đàn tranh xa vút vi vu lại trỗi lên từ phía góc phòng nơi cô búp bê ngồi. Mọi điều như cũ, và tôi nghĩ là mình quá mệt nên thần trí mê sảng. Bây giờ phải ngủ, và chuyển đi còn dài.

Tôi để đèn sáng, lần này trùm cả chân lên đầu, tự chôn trong vũng tối ngọt ngào. Và dần dần giấc ngủ tới cuốn tôi vào những con sóng đen khổng lồ.

– Xin lỗi chị, tôi nghe tiếng nói nào vi vu qua tiếng sóng.

– Ai vậy.

- Tôi.
- Cô búp bê.
- Không tôi chỉ ghé qua cô búp bê thôi.
- Cô kéo chăn tôi, tại sao ?
- Phải. Tôi không muốn chị ngủ.
- Cô phá tôi, tại sao ?
- Chị không hỏi tôi là ai.
- Ai.
- Vợ người dẫn đường cho chị.
- À, tôi hiểu, Cô cần lấy lại căn phòng phải không, mai tôi đi.
- Không, chị đã tới chiếm chỗ tôi, đi hay không chị cũng đã chiếm chỗ tôi,

– Từ khi cô không còn, bao nhiêu người khác tới ở phòng này, cô vẫn kéo chân người ta ?

– Không, chỉ chị thôi.

– Sao vậy.

– Chị khác họ mà, chị biết lấy.

Và tiếng cười, thanh, nhỏ, chua chát.

– Hay là cô tưởng... lắm gì về tôi.

– Không, trái lại, tại sao chị lại gắt gỏng và khó chịu với người Nhật ?

– Tôi đang khó chịu với tất cả, không riêng gì với người nào.

– Tại sao?

– Tôi không hỏi chuyện cô, việc gì cô hỏi chuyện tôi.

- Tôi muốn giúp chị.
- Không ai giúp được ai, như tôi cũng không giúp được cô. Cái gì đã tới, cũng đã đi. Và chúng ta chỉ sống hay chết với sự muộn màng nào đó.
- Đừng nói những điều buồn. Như tôi có buồn đâu.
- Tất nhiên, cô không còn buồn còn vui, cô là sự thanh vắng cuối cùng.
- Cõi nào còn tình yêu, cõi đó không thể có sự thanh vắng.
- Chết rồi, vẫn còn có tình yêu sao.
- Tôi vẫn trở về đây rất thường, thì chị đủ hiểu.
- Để được gì.

– Cũng như chị, chị còn đó, và có nhiều thứ, nhưng chị cũng được gì đâu.

– Cô như thế, sao lại lấy người Nhật ấy.

– Như thế là sao.

– Tôi chắc là cô đẹp, và có tâm hồn..., ông ta thì xấu xí, cục mịch...

– Phải, tôi đẹp, có tâm hồn, và đúng như chị nghĩ về tôi. Tôi nhà giàu, học hết đại học, lẽ ra thì..., nhưng gặp anh ấy, tôi từ chối hết những gì đã có, từ chối cả chính tôi trước kia để thành người khác, hợp với anh ấy. Từ đó, tôi lang thang, nghèo khổ, mất mát, và làm đủ nghề để nuôi sống và theo đuổi đời sống không tương lai của anh ấy.

– Cô làm gì trước khi...

– Trước khi chết à, tôi bán hàng, rồi vào đứng suốt ngày trong thang máy để rao hàng, chị có thể gặp tôi...

– Nhưng sao cô lại có thể yêu một cái gì không đẹp.

– Đẹp, chị cho thế nào là đẹp. Cái bề ngoài. Chị coi chừng. Chị có đi qua cửa ngõ những cái đẹp chị mơ tưởng, tôi thì sẽ thấy...

– Tôi biết, cô đừng lên giọng, nhưng phải cái đẹp, hay ít ra, chút mỹ cảm nào đó...

– Chị không chịu nhận sự thật sao.

– Không có sự thật nào ngoài cái đẹp.

– Nhưng không có cái đẹp nào ngoài sự thật. Chị tìm cái đẹp, rồi chị sẽ chỉ

thấy khoảng không, hay sự giả dối, ở chính mình nữa...

– Thôi đi, cô đừng làm hỏng ý nghĩ tôi chứ.

– Tôi thấy chị hết, chị đừng chối, chị muốn tôi nói ra sự thật không. Chị cáu vì không tìm thấy cái gì đẹp ở đây cả.

Tôi cười trong giấc ngủ.

– Nếu tìm thấy cái đẹp, tôi vẫn cáu, cô nghĩ sao nào.

Tiếng cười dưới sóng.

– Là vì... cái đẹp không thuộc về chị. Hay thuộc về mà chị không thể nhận.

– Tôi không muốn nói với cô nữa. Hãy là cái bóng dễ thương như từ buổi tối cô tới phá tôi.

– Tôi không phá, tôi muốn lay chuyển chị.

– Không ai lay chuyển được tôi, trừ tôi.

– Nếu tôi nhập vào trong chị, thì tôi là chị, và tôi sẽ lay chuyển chị.

– Ngày đó còn xa xôi vô cùng.

– Cũng còn tùy. Đời người...

– Cô nói sao?

– Chị có ra Umeda không. Ngày mai tôi đứng chờ chị đó, chị thấy tôi, đứng trong góc thang máy, làm sao chị nhận ra tôi ư, một nốt ruồi trên má trái.

– Làm sao một người có thể vừa sống vừa chết đi.

– Tôi đang sống và chị đang chết mà chị không biết đấy.

– Tại sao tôi đang chết.

– Vì chị không còn cảm thấy gì nữa hết. Những điều tưởng cảm thấy tràn đầy, ngán ngủ, lừa phỉnh, Chị gạt chị. Chị không có gì hết đâu. Rồi chị sẽ về không, như đi không.

– Cô nói gì gì vậy.

– Thôi chị ngủ đi, khi ngủ, chị có vẻ sống hơn là khi thức.

– Ai mà chẳng vậy, khi đời buồn rầu và mọi điều đều trái với ước mong ta.

– Thảm chưa. Này, đừng phàn nàn. Những điều chưa tới sẽ tới.

– Không gì tới nữa cả.

- Thôi ngủ đi.
- Đừng kéo chăn tôi nữa.
- Mai nhớ ra Umeda thăm tôi, lần cuối.
- Cô có nhận ra tôi không ?
- Không. Nhưng mà chị sẽ nhận ra tôi, này, chị, phải cố mà sống lại.
- Tôi muốn. Nhưng không phải chỉ ý muốn là đủ. Tôi không còn cách sống lại. Cuộc đời, ngày tháng, mọi điều tang ma và trống trải vô cùng...
- Chị quá tham lam.
- Có lẽ. Nhưng nếu cô thử sống qua nổi một ngày của tôi, tôi có thể đổi chỗ cho cô vĩnh viễn đó.

Tiếng cười hiu hắt, và rồi tiếng sóng chìm đi trong giấc ngủ chấp nối.

✱

Buổi chiều cuối cùng, sau khi đi thăm kinh thành cũ ở Osaka, tôi ra dấu cho người Nhật dẫn đường đến một nơi nào có thể tìm mua được một cây kiếm Nhật. Hẳn hiểu như thế nào mà lại dẫn chúng tôi lại một trung tâm bán hàng vĩ đại nhất vùng. Mãi đến khi tới đó, đọc thấy chữ Umeda thật lớn trên bức tường khổng lồ, tôi mới nhớ đến lời dặn của người con gái hôm qua, trong chiêm bao. Tôi không tin, bởi vì thật ra cái chần đã bị kéo xé xuống lúc tôi ngủ thiếp và những tiếng nói cười đã văng vẳng âm thanh trong đêm khuya. Nhưng mà không thể biết rõ là lúc ấy tôi nhìn thấy

hay chiêm bao người con gái. Có cái gì trắng xóa, hư ảo, lãng đãng lập lờ trong trí nhớ tôi về giọng nói và hình bóng người con gái Nhật.

Qua những hàng bán áo quần, giày dép, bóp xách, các thứ trang điểm của đàn bà, chúng tôi như lạc vào trong những vòng vây hỗn độn của sắc màu cám dỗ với hàng trăm nghìn thứ hàng bày bán không biết phải mua thứ nào và bỏ thứ nào. Cuối cùng, chúng tôi mỗi chân, đành phải đi ra ngoài.

Trước khi đi ra, bỗng tôi có ý muốn đi đến nhìn từng chót vót trên cao, với lý do mơ hồ là tìm hàng may áo dài, tìm đôi bông tai, tìm cái áo khoác... Bước vào thang máy, tôi cảm thấy lạnh lẽo trên gáy như có ai nhìn trộm đằng sau. Tiếng nói líu ríu của cô gái gác thang máy rao mời hàng làm liên tưởng một

tiếng nói nào đã nghe đã tắt. Tôi quay lại phía mắt nào nhìn trộm. Đúng là cô gái đang nói nhìn tôi từ lúc bước vào thang máy. Trên khuôn mặt xinh đẹp, thắm tươi, nhưng lạnh lẽo, tịch mịch, không biểu lộ một chút xúc động hay sinh khí của con người đang còn hơi thở, như được nặn bằng sáp ong, hay bằng nhựa đúc búp bê, tôi nhận ra một nốt ruồi nâu bên má trái của nàng. Toán người đông đúc tuôn ra khỏi thang máy vừa dừng ở tầng trên cùng. Tôi muốn dừng lại, nhìn thẳng vào mặt cô ta, và hỏi một câu gì đó, nhưng đám đông đã đẩy bật tôi ra ngoài và lôi cuốn theo, cùng lúc, tôi nghe thấy, thật rõ, không thể nhầm lẫn, tiếng người Nhật dẫn đường kêu lên, tiếng kêu kinh ngạc và quái dị, bàng hoàng. Rồi thì cánh cửa thang máy tự động khép lại, và tiếp tục con đường đi xuống. Chúng tôi ngồi chờ ở cửa số 5 đến nửa giờ đồng hồ

vẫn không thấy người Nhật dẫn đường ra theo.

Có lẽ hần đã đi ra, nhưng lạc đường trong đám đông không bao giờ theo kịp chúng tôi nữa. Có lẽ hần ở lại trong thang máy, suốt ngày lên lên xuống xuống theo đám khách và cô gái có nốt ruồi bên má trái, nếu quả là cô ta giống hệt vợ chưa cưới đã chết của hần. Có lẽ, biết đâu, chính cô gái trong thang máy chính là bóng ma, người Nhật dẫn đường cũng là bóng ma và bây giờ, cả hai người đã đưa nhau về một đời sống khác, bình yên và ung dung hơn đời sống của những người Nhật tôi đã phải nhìn thấy trên những chuyến tàu tốc hành buồn bã và trong Osaka hội chợ mưa phủ đầy trời.

NGUYỄN THỊ HOÀNG

Kim Tuấn

Thơ lục bát

Biên giới với ta và rừng

Khi về núi đứng trông theo

Con sông nước cạn bên đèo khói mây

Đỉnh cao chiều gió ngang mây

*Lênh đênh sương phủ vòm cây nhớ
rừng*

Mắt buồn giọt nhỏ rừng rừng

*Mưa bay xuống thấp lưng chừng lưng
sâu*

Cỏ xanh màu lá hoa sâu

*Đá xanh màu nhớ đêm sâu ngút ngàn
Với trời mây đã lang thang
Với ta cuộc chiến bàng hoàng lửa reo.*

Bài Đức cơ

*Đến đây xin ngó đỉnh trời
Mù khơi bụi đỏ một lời gió bay
Tim buồn ta náu trong tay
Tóc vườn triền núi một ngày dừng
dừng
Nghe mưa xuống lạnh ven rừng
Nghe quen thương nhớ ngập ngừng
dáng em.*

Bài Pleime

*Nước xanh con suối cạn nguồn
Súng thơm mùi thép ta buồn với ta
Ngó lên chiều khói xa nhà
Vòng dây thép cuốn đâu là cỗi vui
Nhớ em ta nhớ ngậm ngùi
Hương bay cỏ lạ đêm vui gối chăn
Đã quên thân xác nhọc nhằn
Hố bom ven núi, con trăng đứng nhìn.*

Bài Pleim'rong

*Bên đường bụi khói bay cao
Buôn lưng chừng suối gió gào đỉnh
cây*

Chiều đi lòng nhớ với đây

*Xa xôi sủng vọng phương này đôi
trông.*

Bài Đức Lập

Đôi lên dốc đứng vì vu

Dưới sâu truông gió sa mù vây quanh

Với em xa nhớ sao đành

Núi tro đất lạnh bên gành nước trôi.

KIM TUẤN

Dương Nghiễm Mậu

Cõi sống lạnh

Tôi bước qua khung cổng tre nhỏ, hai chiếc cột xiêu vẹo, trời nhá nhem tối lơ mờ hình dáng những viên gạch không đều xếp thành hàng dưới mặt sân đất đưa từ cổng vào tới hiên nhà, trên sân còn những vũng nước nhỏ ánh lên, trận mưa từ bao giờ còn để lại, gian nhà nhỏ, hàng hiên thấp hẹp với mấy cột tre nhòa lẫn. Ngọn đèn nhỏ trong căn nhà, nơi gian giữa, cửa mở rộng. Trong ánh sáng vàng vọt, nhòa nhuộm tôi nhận thấy bác Tư ngồi nơi

chiếc giường bên phía tay mặt, Thịnh nằm trên giường gối đầu về phía ngọn đèn nhỏ nơi bàn thờ, trên đó, bát hương có một nén đang cháy với đốm đỏ hồng.

Bác Tư nhìn lên:

– Hưng hả ?

– Dạ.

– Cháu về hồi nào ?

– Con vừa về tới nhà, đi chuyển xe chót...

– Con ngồi xuống đây.

Tôi ngồi xuống bên, tiếng nói bác Tư nhẹ nhàng bình thản đủ cho tôi nghe trong không khí hoàn toàn im lặng của gian phòng. Chung quanh tôi, không có gì đổi khác, vẫn là gian nhà những lần tôi trở lại, những lần ngồi tâm sự với

Thịnh. Ba gian nhà nhỏ với mái và vách là, những chiếc cột nhỏ khẳng khiu, chiếc bàn thờ sồi sồi thường có những bông thò, bông phượng khô héo được cắm vào những ngày rằm mồng một mỗi tháng, đôi khi là một đĩa trái cây, mỗi bên của ngôi nhà kê một chiếc giường, bên trái chiếc giường của Thịnh, nơi chúng tôi thường nằm với nhau còn có một giá sách đóng bằng những tấm ván thô sơ, nơi ấy Thịnh để đủ những thứ lật vật, từ những thư từ, những tờ báo và những cuốn vở hồi còn đi học mà Thịnh vẫn lưu giữ, trên ngăn cao nhất có một khung ảnh lớn trong đó Thịnh để nhiều những tấm ảnh nhỏ : hình Thịnh hồi đi học, hình gia đình, hình những bè bạn, có những tấm hình đã ố vàng. Vẫn đây gian nhà cũ, thiếu chẳng tiếng cười nói của Thịnh.

– Thưa bác, người ta đưa Thịnh về hồi nào ?

– Hồi quá trưa cháu, nó thật tẻ, nào nó có nghe bác...

Tiếng nói nhỏ như sự đánh thức Thịnh trở dậy. Tôi nghĩ tới Mị, tới Thanh, những em của Thịnh, không hiểu chúng nó đi đâu, và nữa, những họ hàng và bà con trong ấp. Không khí chung quanh khiến tôi có cảm tưởng như nơi đây vẫn là cuộc sống thường nhật. Bác Tư đứng lên, kéo tay tôi theo đến bên Thịnh.

– Cháu coi, nó đang ngủ ngon đấy, ngủ ngon mà nghe lời bác nữa, thừa nhỏ nó ngủ thì nằm nghiêng hoặc co người, bác không chịu cho nó nằm như thế, nhưng cứ sửa lại cho nó đầu vào đó rồi thì nó lại nằm như cũ, bác vẫn nói nằm như vậy về sau không có khá được, nằm

gì mà trông như con tôm khô không đẹp mắt chút nào, đứa nào yêu nó mà nhìn thấy thì cũng đến bỏ nó.

Bác Tư nói nhỏ nhẹ đều đều, bác dừng lại mở tấm vải trắng ra, khuôn mặt Thịnh bình yên nhẹ nhàng.

– Cháu coi, nó có khác gì...

Tôi nhìn Thịnh, nhìn bác Tư, tôi không biết có phải bác Tư đang mỉm cười hay không nhưng trong ánh sáng vàng tôi thấy khuôn mặt bác như hiền từ hẳn đi, khuôn mặt hôm nào tôi nhìn thấy khi chúng tôi trở lại nhà sau nhiều ngày vắng mặt. Nét mặt tươi sáng lặng lẽ với niềm vui giấu kín. Thịnh đã được đưa trở lại nhà. Bác Tư vạch nơi cạnh vai ra, luồn tay vào trong lớp áo. Giọng đều:

– Bác còn thấy dấu những vết đạn nơi này cháu, chắc còn nằm lại trong người, là người chú mình đồng da sắt gì, phải không cháu. Chắc là nó hài lòng lắm.

Giọng nói chột như đổi. Bác Tư phủ lại tấm vải lên mặt Thịnh rồi quay ra ngoài, tôi không nhìn thấy khuôn mặt, tôi chỉ thấy đôi vai bác như rung lên. Tôi đứng im. Lúc sau giọng bác Tư trở lại bình thường:

– Hôm rồi dì Ba trên Châu-đốc xuống mang cho ít mắm ruột, cả nhà đợi nó về, cháu có thích mắm không, mắm ruột Châu-đốc không đâu bằng, hồi trước mỗi năm lên núi Sam lễ bao giờ bác cũng nhớ món đó. Cháu có thích mắm không, có người không ăn được, có người lại thích...

Bác Tư nói miên man sang những chuyện khác như quên Thịnh đang nằm bên. Ngọn đèn nhỏ bỗng bị tắt, một cơn gió nhẹ lùa vào trong gian nhà trống trải, tôi nhìn thấy những vũng nước lờ mờ ngoài sân đất, bên cạnh, tấm vải trắng nhờ nhờ trên người Thịnh. Bác Tư vẫn đứng im.

– Bác định tháng tới này cưới vợ cho nó, cháu có về được không đó, con Điệp thương nó, nó cũng lớn rồi, bác thì muốn có cháu bế, cái thằng nó lông bông, ai đời hôm nó về, dẫn nó qua bên nhà ông bà sui nó cười nói như ở nhà, nó sục vào cả bếp nhà người ta, rồi khi nói chuyện gia đình, nó bảo với ông già con Điệp là lấy lính bây giờ không biết thế nào, nay sống mai chết nên nó không tính lấy vợ, trời ơi, cháu nó coi vậy có kỳ không. Nó ngồi nói đủ thứ chuyện với ông già,

nó nói cả những chuyện tầm phào giữa những bạn bè lính tráng của nó rồi nó cười hô hố... cái thằng nó...

Bác Tư quay trở lại nơi bàn thờ, sờ tay lên mép lấy hộp quẹt và bật lửa, ánh lửa bùng sáng, bác Tư châm lửa vào ngọn đèn, vút cây quẹt xuống nền đất, đốm lửa đỏ lẻ loi, bác Tư bỏ hộp quẹt trở lại chỗ cũ.

Thịnh cười hắc hắc một cách khoái trá, nó nói một cách nghiêm trang khi nhìn tôi chăm chăm :

– Cậu có nghĩ rằng người đang nói đây là một con ma không, nó chết rồi mà, thật đó, khi đứng trước gương cậu không thấy hình của ta ở trong gương đâu.

Một cảm giác rờn rợn đến với tôi. Tôi

đưa tay ra cầm lấy tay Thịnh, cái thằng thật là đùa rỡ, vẫn lớp lông tay mềm, vẫn hơi nóng. Thịnh gắp lại tôi trong thời gian dưỡng thương. Trước đó một tháng tôi trở về, bàn thờ của Thịnh còn khói hương, bác Tư khóc hai mắt còn sưng húp. Một buổi sáng chiếc xe vận tải trở về tìm kiếm và đậu trước nhà Thịnh, những người lính nói với bác Tư, Thịnh đã tử trận, rồi họ cùng nhau khênh chiếc quan tài bọc kẽm phủ quốc kỳ vào trong nhà, cùng với một chiếc gối trên đó có gắn một cái huy chương, một vòng hoa đã héo được làm bằng những vòng kẽm gai, phía trên cài hoa, vòng hoa của những người lính cùng đơn vị Thịnh làm cho. Làng xóm bu lại chia buồn. Bác Tư ôm quan tài khóc, kể những lời ai oán về đứa con bạc phước. Tôi thấy mình chao đi chao lại với cái chết của người bạn thân mà chính tôi không ngờ tới.

Nhưng sau đó Thịnh trở về với vết thương nơi chân mắt. Trở lại nhà nhìn thấy ảnh mình trên bàn thờ và nó cười ngất. Thịnh không chết. Thịnh bị thương nơi mặt trận, giữa vô số những người chết tan xác Thịnh còn sống trong cơn hôn mê, một chiếc trục thăng đã đưa Thịnh tới một chiến hạm ngoài khơi, và Thịnh tỉnh lại trong một gian phòng xa lạ và những người không gặp một lần. Thịnh nói lại những ý nghĩ của mình :

– Không hiểu mình đã tới từ bao giờ; mãi sau trong tri nhớ trận đánh mới đến và Thịnh cảm thấy mình cô quạnh với những nhớ mong ngày trở lại mái nhà xưa. Ba tháng sau Thịnh có mặt trong gia đình giữa những ngõ ngàng cảm động. Vậy ai chết trong chiếc quan tài bọc kẽm đó ?

Thịnh nói :

– Cậu thử tưởng chuyện cậu bị cúng bái, bị làm ma chay rồi, thân xác mình đối với những người thân là đã bỏ vào một cái áo quan mà chôn xuống ba thước đất, rồi những ông thầy pháp làm trò này khác, còn gọi hồn gọi vía mình nữa... thật là lạ. Mình sống mà đã chết rồi, có lẽ là từ tiền kiếp gì đó. Sống mà đã chết, bọn mình thế cả, nghĩ mà kh-iếp...

Mười bảy lần được gán huy chương ngoài mặt trận và thăng cấp, ba lần được coi như khó sống, một lần được làm ma, nhiều lần bác Tư vào nhà thương với hy vọng đứa con trai bị mất đi một cánh tay, một cái chân gì đó cho nó khỏi phải trở ra mặt trận, bác Tư mong có một đứa con bị cụt, bị què gì đó nhưng sống lại bên mình.

Thịnh nói :

– Bà cụ vào tới nơi thấy mình nằm ngay với một bên chân bị bó bột cứng thì khóc, nhưng ngay đó hỏi bị thương ở đâu con, mình nói nơi chân, bà cụ như hết khóc hỏi một cách vội vàng như mừng rỡ, có bị cửa không con, mình nói không, bị gãy nhẹ thôi. Bà cụ mình im lặng không hỏi nữa. Lúc đó mình thấy nôn nao cả lòng, mình hiểu bà cụ đang nghĩ gì, bà mong cho mình không thể đi đánh nhau được nữa. Mình cũng là một đứa vô nhân đạo. Làm một tên lính mà sống hèn thì không được.

Tôi nói :

– Thôi đừng nói gì cả, nói thế có người sẽ hiểu lầm, có khi còn gán cho là hiếu chiến, cuồng bạo ham chém giết, hãy mong cho yên ổn trở lại đi để được sống. Mình đâu mong muốn gì ở trong quân đội.

Thịnh la lên :

– Tao đéo sợ gì hết, tao nghĩ sao tao sống tao nói thế, tao kinh tởm những thằng nghĩ một đảng, sống một đảng, nói một đảng. Cái bọn dơ bẩn nói độc lập, tự do, trong sạch, cách mạng... cái bọn la hét chống ngoại lai mà tôn thờ ngoại lai... Tao mà ham chiến tranh chém giết hả, không có những thằng như tao, những thằng sống như những con chó, chết như những con chó, thì tao hỏi ngày này những thằng sống sót một cách dơ dáy trong các đô thị còn có được cơ hội mà hò hét hòa bình, công bằng, độc lập, tự chủ không ? Tiên sư bọn nó...

Thịnh la lên phẫn nộ rồi Thịnh trầm xuống :

– Tao muốn chết cho rồi. Bọn mình ở những lựa chọn khắc nghiệt, chẳng ra

thế nào...

Giọng Thịnh chùng thấp buồn bã, ở trong ngay những sôi sục lửa bỏng với Thịnh những giây phút rã rời. Thịnh nói :

– Hồi xưa có lẽ người ta sung sướng hơn bọn mình, đời sống đơn giản phải trái phân biệt, trắng đen rõ ràng, cái nền tảng phán xét không có gì phải nghi ngờ. Sướng thật. Nay thì không rồi nhỉ, chuyện gì cũng có thể biện minh. Ăn cướp, hiếp dâm, giết người cũng có những lý lẽ của nó... Thôi không nói nữa, thảm quá. Chỉ tội bà mà. Ở những thời buổi khác, cha mẹ mong cho con cái thành tài, khỏe mạnh, nào đâu như bây giờ, mong cho con bị cụt chân cụt tay mà ở lại bên mình, làm một tên què có lẽ lại xong, nhưng số mình không què, chắc là chết non, kể cũng là một thứ ma

chê quở hờn ghê lắm bọn mình mới còn sống đấy nhỉ, nếu không thì có lẽ cũng đã thành bụi cả rồi...

✱

Bác Tư đi ra cửa, tiếng dép kéo lê buồn chậm, tới hiên bà dừng lại như nhớ tới tôi:

– Cháu xuống dưới này ăn cơm với bác.

Giọng nói ngọt nhẹ, tôi bước ra khỏi nhà, bác Tư đi xuống nhà ngang, gian nhà đầy ánh sáng, mâm cơm để trên chiếc bàn nhỏ giữa nhà phủ tấm khăn nhựa đỏ với những ô vuông, bác Tư mở chiếc tủ ăn nhỏ lấy thêm chén và đĩa rồi ngồi vào ghế, bà nhẹ nhàng im lặng xới cơm ra chén cho tôi:

– Ăn với bác chén cơm cho vui, Thịnh nó ít muốn bị quấy rầy, nó đang ngủ thì đừng khua nó dậy, nó ngủ cho đã rồi trở dậy kiểm ăn, cái thằng nó chẳng bao giờ chịu để cho ai chiều chuộng ai lấy nó thiệt phước... thết kho nước dừa đẩy cháu, Thịnh nó ưa món đó lắm...

Tôi bung chén cơm ăn, tôi thấy gai lên với một cảm giác ớn lạnh. Có thật Thịnh đã chết ? Buổi chiều xuống, hai chúng tôi rời nhà đi dọc theo bờ kinh đào, con kinh rộng như một dòng sông nhỏ, qua cây cầu chúng tôi ngừng lại trước cửa ngôi trường tiểu học, Thịnh đi xuống mé kinh, trèo lên một thân cây dừa đổ ngổ lên, thả chân xuống dòng nước, ngôi trường học là một dãy nhà ngói thấp nằm mãi sâu trong, bỏ lại phía ngoài khoảng sân đất rộng với những khoảng cỏ mọc không đều, trên đó

những lối đi mòn, chiếc trống treo nơi cuối dãy hiên dài, tất cả đều vắng lặng, sân trường cách với con đường đất bởi một con lạch nhỏ trên đó những đợt cỏ cao vồng hائل lên, Thịnh lấy thuốc ra hút, Thịnh nói tới những ngày nhỏ học tại ngôi trường thân yêu này :

– Mau thiệt, mới hồi nào đùa nghịch, chơi rỗi, mới ngày nào mới cao hơn mấy đợt cỏ, thế mà bây giờ bọn mình đã thành người lớn, cầm súng, đánh nhau và vô số những chuyện tầm phào chẳng ra thế nào. Có hôm hành quân vào một làng nhỏ, mình đứng dưới một gốc ổi hái một trái ổi nhỏ vừa chín bỏ vào miệng, thật là tuyệt diệu, mình sung sướng chảy nước mắt, những ngày thơ ấu nơi quê hương, hái một chiếc lá ổi vò nát trong lòng tay, mùi thơm tha thiết mộc mạc...

Thịnh chỉ sang những ngọn dừa cao phía bên kia con kinh hồi xưa những ngọn dừa còn thấp, bọn này tước những chiếc lá dừa non tết thành những con châu chấu, tết những cái kèn mới đó mà đã xa mù.

Bác Tư chợt òa khóc, bát cơm cầm trên tay, hai tay run lên, tiếng khóc tấp tức, bác bỏ bát cơm xuống hai tay ôm mặt, chừng như tiếng khóc bị giữ lại khiến hai vai bác Tư rung lên từng nhịp liên tiếp. Tôi muốn nói một vài lời an ủi nhưng tôi không biết nói sao. Lúc sau bác Tư kéo vạt áo lau mắt rồi bưng cơm ăn tiếp. Với không khí im lặng tôi nghe thấy tiếng những con muỗi bay vo ve. Tiếng bát, chén bác Tư thu lại rồi đưa xuống nhà bếp. Thịnh nói:

– Tao tưởng đã chết rồi, thật vô

nhân đạo, về đến nơi hỏi bọn pháo binh : “Sao không bắn yểm trợ, bọn nó nói có lệnh không được bắn, vậy súng để thờ à, mãi mới biết quan lớn đang chọi gà, lính không được bắn sợ gà bỏ chạy”, cặc, tao vắng tục mà mắt thì nóng đỏ và rơi lệ khi nghĩ tới những tên lính bị chết. Quả là cái số tao. Này, mày thấy không, thời mình đâu phải không có những anh hùng, thế mà chẳng ai chịu nói tới những anh hùng ấy, mới đầu tao nghĩ mãi về điều đó, sau rồi tao mới thấy là có lẽ thời mình không có anh hùng với mọi người, chỉ có những anh hùng một mình, không có những anh hùng cho người khác, thời buổi của cuộc chiến này như một cái gì kỳ cục, tạo nên những anh hùng buồn rầu, ngơ ngác và không ai muốn ca tụng hay nói đến. Mà còn ai còn lòng dạ đâu để mà muốn trở thành

anh hùng, toàn là những anh hùng bất đắc dĩ, nghĩ mà thảm. Mình cũng là kẻ anh hùng đấy chứ.

Thịnh cười vang lên, tiếng cười như lan theo với dòng nước của mặt kinh đào phẳng lặng.

– Mình mong được là một anh hùng sống sót sau cuộc chiến này, nhưng nếu thế thật thì cũng thảm thiết không kém, khi ấy mình chẳng còn bạn bè, chẳng còn những người thân thiết đã chia sẻ với mình những gì đã trải qua, và thật là bất hạnh cho ai còn sống, phải vậy không ? Nghĩ mãi thì đến phát điên lên được.

Thịnh vụt đứng lên thân cây dừa và lao mình xuống lòng kinh, tiếng nước vang động và Thịnh mất tăm trong lòng kinh. Tôi kêu lên :

– Thịnh, Thịnh...

Không có tiếng đáp lại, lúc lâu Thịnh nhô đầu lên mãi đằng xa nhìn lại tôi, hai tay vuốt nước trên mặt và cười vang động :

– Hóa sức mình cũng còn mạnh gồm đầy nhĩ, cũng bơi đi được một quãng xa.

Tôi nói :

– Ta tưởng cậu định tự tử.

Thịnh cười :

– Định tự tử nhưng chót rồi mới nhớ quên không mang theo thẻ căn cước – tiếng cười ngạo nghễ – cậu tưởng tự tử dễ lắm hả ?

Thịnh bơi trở lại chỗ tôi ngang qua cây dừa rồi tiếp tục bơi nữa về phía gần cửa nhà, tôi đi trên bờ theo với Thịnh, về

gần tới nhà Thịnh mới bơi vào bờ rồi lên đi bên tôi với quần áo ướt sũng, nước nhỏ giọt theo với bước đi. Tôi trông Thịnh nhợt nhạt như một người sắp chết. Thịnh kêu :

– Lạnh quá, cho điều thuốc đi.

Tôi châm cho Thịnh điều thuốc để lên môi. Chúng tôi trở lại nhà không nói điều gì.

✱

Bác Tư đã trở lại bình lặng xếp những chén bát lên kệ rồi bác trở lại bên tôi :

– Cái con Mị nó điên rồi, cháu biết không, nó kêu lên là anh Thịnh chết rồi, nó điên thật mà, nó khóc nó kêu than như mụ điên vậy, bác bảo sao nó cũng

không im cho thẳng Thịnh nó ngủ, bác đã nhốt lại ở trong chiếc tủ rồi, mình xuống xem nó hết điên chưa. Thịnh nó thương các em nó hết sức, nó chiều em nó đến bác cũng bực mình.

Bác Tư dắt tay tôi lên buồng, tôi nghe tiếng khóc tấp tức ở đâu đó vang lên cùng với tiếng kêu :

– Anh Thịnh ơi, anh Thịnh ơi, sao anh bỏ các em...

Đứng trước cửa buồng tôi nghe rõ tiếng Mị kêu khóc. Bác Tư gắt lên:

– Con nhỏ này không im đi hả, im cho anh mày ngủ.

Bác Tư mở cửa buồng ra, tôi giật mình nhìn thấy con heo trắng lớn thò đầu ra. Tôi xuýt kêu thành tiếng. Bác Tư đóng cửa lại đi sang phòng bên :

– Bác nhốt con Mị ở bên này.

Cánh cửa mở ra, bác Tư bước vào, tôi đi theo, Mĩ ngồi nơi chiếc giường nhỏ đang ôm mặt khóc, tiếng khóc nhỏ nghẹn ngào. Tôi đến bên :

– Em nín đi...

Mị ngẩng mặt nhoè nhoẹt nước mắt nhìn tôi ngỡ ngàng:

– Anh Thịnh chết rồi, anh ơi...

Bác Tư giọng nghiêm khắc:

– Cái con khỉ này, im cho anh mày ngủ...

Bác Tư cầm ngọn đèn đi ra, tôi dắt tay Mị đi theo. Cơn gió nhẹ làm ngọn đèn bốc cao rồi phụt tắt bỏ lại chúng tôi trong bóng tối bí bưng. Chúng tôi mất nhau trong bóng tối dày đặc. Tôi chỉ còn

cổ tay Mị lạnh run. Tôi nghĩ tới cõi âm
của đời sống Thịnh....

DƯƠNG NGHIỄM MẬU

Du Tử Lê

Khi tìm nhau

tìm nhau chim bỏ núi

tìm nhau hoa lìa cây

tìm nhau ngày nắng gắt

tìm nhau ngày mưa bay

tìm nhau vai thềm sát

tìm nhau môi thềm môi

tìm nhau mắt thèm mắt

tìm nhau hơi thèm hơi

tìm nhau trong gian dối

tìm nhau trong thiệt thà

tìm nhau trong chần gối

tìm nhau trong thị da

tìm nhau trên ghế trống

tìm nhau trong quán đông

tìm nhau trên phố vắng

tìm nhau trong phòng không

tìm nhau giờ đói khát

tìm nhau giờ no nê

tìm nhau giờ hạnh phúc

tìm nhau giờ chán chê

tìm nhau giờ nhắm mắt

tìm nhau giờ nhập quan

tìm nhau giờ đưa xác

tìm nhau giờ lang thang

cây một đời xế bóng

tôi một đời ngóng trông

người xa như nắng mỏng

*môi nào cho tôi hôn
ngực nào cho lửa ấm
thân nào cho trăm năm*

*tìm tôi, hồn đã rụng
tìm tôi, tình quắt khô
như một cành củi nõ
cháy nhanh đời điên mê.*

DU TỬ LÊ

(9-70)

Huỳnh Phan Anh

Chuyến đi tuổi nhỏ

Đó là con đường tắt bằng qua địa phận ngôi trường tiểu học châu thành. Những buổi đi chơi ở bờ hồ hoặc từ nhà bạn về, đứa bé vẫn dùng lối đi đó thay vì phải đi vòng qua trường trung học đổ xuống ngã tư ở đầu cầu rồi lại lội ngược trở về hướng chợ, nhà nó ở đó. Nó chỉ cần chui qua một lỗ rào, men theo một lối mòn giữa những đám cỏ dại, vượt khoảng sân rộng, ra đến cổng trường và đi thêm một đoạn ngắn

là tới nhà. Nó vẫn lấy làm thích thú với sáng kiến mà nó cho là riêng thuộc về nó, nhứt là lần đầu tiên khám phá cái lỗ chó lẩn khuất giữa những hàng cây dâm bụt chạy dài theo bờ rào. Nó quả quyết không ai tìm ra cái “lỗ chó” đó trước nó. Điều càng khiến cho nó hãnh diện hơn là những đứa trẻ khác, bạn học cùng lớp hay khác lớp với nó, cũng đã dần dần nhận ra tầm quan trọng của con đường. Lẽ ra bọn chúng phải kể đến công của nó đầu tiên và phải phục lãn nó mới phải. Đó là điều đứa bé vẫn thầm nghĩ với một niềm vui sướng khoái trong lòng mỗi khi một mình hay cùng chúng bạn đi qua con đường bắt đầu từ một địa điểm hoàn toàn bí mật đó.

Nhưng cũng con đường tắt đó hôm nay không còn gây ở nó một cảm giác hào hứng hay thích thú nào. Lần đầu

tiên, trên những bước chân quen thuộc của mình, đứa bé thấy buồn kỳ lạ. Tự nhiên nó thấy mình đi chậm lại, có lẽ vì đầu óc nó đang mãi nghĩ ngợi những chuyện gì tận đâu đâu. Nó không thể nào bay nhảy, lòng rộn ràng hơn hờ như bao nhiêu lần trước. Dưới mắt nó, dường như mọi sự đều đã đổi khác với những màu sắc, những dáng vẻ mới lạ hẳn, không còn gần gũi và thân mật với nó như mọi khi. Từ đám cỏ dại nằm rạp dưới chân nó, từ những bờ tường tróc lở của các phòng học, từ những mái ngói phủ đầy rêu xanh, cho đến những thân cây to đứng sững giữa sân trường, cho đến những tàng cây, cho đến màn trời ở trên kia, cao vút và lặng lẽ, có thể nói chưa bao giờ trông nó bát ngát đến như vậy. Tất cả đều khác. Kể cả cái phần hồn non nớt của nó lúc bấy giờ cũng thấy xao xuyến. Buồn. Nỗi buồn tưởng chừng có

thể làm cho tâm hồn nó tan nát đi được. Nỗi buồn vẫn tiếp tục bám chặt lấy nó, khó lòng lãng quên, khuây khỏa. Mới đây, trong nhà anh em thằng Châu, con Nga, vào phút cuối cùng, khi từ giã bọn chúng ra về, nó đã nghe hai mắt cay cay, rướm lệ, xuýt chút nữa nó đã khóc vì không cầm giữ được cơn xúc động quá lớn lao so với sức chịu đựng của nó. Nó nhìn mặt mày hai đứa cũng thấy buồn hiu. Nó đoán ra rằng chính chúng cũng đau khổ không kém gì nó. Biến cố quái ác xảy đến bất ngờ quá : trước đây có bao giờ chúng nghĩ đến ngày này, giây phút này, cuộc chia tay của chúng. Ba đứa là bạn học cùng lớp với nhau. Chúng bắt đầu quen nhau từ những ngày còn học lớp vỡ lòng, đúng ra là ngay từ buổi học đầu tiên của chúng. Ngày nào đây, chúng còn bé bỏng, sợ sệt, nép sát bên tà áo mẹ, đến trường. Ngày nào đây, chúng

còn nhìn nhau lăm lét, xa lạ, mỗi đứa tìm kiếm một câu nói mở đầu làm quen để rồi sau cùng không đứa nào đủ can đảm ngỏ lời trước; Tuy nhiên phải nói là chúng đã thật sự quen biết nhau, gần gũi nhau, thân mật nhau ngay từ những giây phút ngỡ ngàng đầu tiên đó khi đã rời khỏi bàn tay triu mến của mẹ, khi đã mất đi điểm nương tựa sau cùng. Có thể nói, chưa bao giờ hình ảnh buổi khai trường năm đó lại hiện lên trong trí nó rõ ràng hơn như lúc bấy giờ. Nó biết rằng mai đây nó đành phải xa những người bạn bé bỏng từ lâu vẫn rộn ràng bên nó như bóng với hình, người ta xa nhau không biết đến bao giờ mới gặp lại. Nghĩa là nó còn có bốn phần phải nhớ nhiều hơn nữa những hình ảnh quý báu kia như đó là một bằng chứng của sự trung thành.

Đến lúc phải từ biệt ra về, đứa bé nói rất nhanh trong một cố gắng phi thường :

– Thôi Trúc về nghe, Châu với Nga ở lại mạnh giỏi.

Nó quay mặt và bước đi như chạy ra khỏi cổng nhà bạn như để khỏi phải nói thêm một lời nào nữa. Bởi vì có thể tiếng khóc của nó sẽ bật lên cùng với lời nói nghẹn ngào. Hơn nữa là để hai bạn khỏi nhìn thấy cơn xúc động của nó : mặt mày nó lúc đó hẳn là khó coi lắm. Ra đến ngoài đường, nó thấy người nó nhẹ nhõm. Chỉ còn lại một mình nó với nỗi buồn. Nó bước chậm lại. Nó đi dọc theo bờ hồ, nơi có những chiếc băng đá im lìm bên những cây soan tây với cành lá nghiêng nghiêng soi bóng nước. Những cánh hoa đầu tiên đã điểm, trên cành lá cũng như trên mặt nước, màu đỏ như

máu tươi. Đối với nó đó là những tiếng kêu gọi, giục giã của những ngày vui, rộn ràng và thỏa thích. Mùa hè đã bắt đầu, hứa hẹn bao nhiêu cho một đứa học trò chín tuổi vừa mới già từ một năm học tù túng, nhìn ra những ngày dài đầy ắp những cuộc chơi, những điệu cười hồn nhiên trước mặt. Tiếc thay nó phải vắng mặt lần này. Ôi ! Mùa hè như một cuộc vui lớn nó chưa kịp bước vào, tham dự.

✱

Đó là lần cuối cùng đứa bé đi trên con đường tắt về nhà, xuyên qua địa phận khu trường tiểu học. Cái gì hôm nay đối với nó cũng đều mang một ý nghĩa duy nhất. Ý nghĩa của lần sau cùng. Của cuộc từ già. Lần đầu tiên nó nhìn mọi sự một cách chăm chú như để cất

giữ hoài hoài trong trí từng chi tiết xuất hiện dưới mắt nó, tất cả quen thuộc bao nhiêu nhưng nó có để tâm tới bao giờ. Nó nghĩ phải nhìn lại tất cả một lần sau cùng. Nó nghĩ phải đi thăm lại từng con đường rợp bóng mát, từng bãi cỏ mượt xanh, từng vườn cây sầm uất, từng đứa bạn... tất cả, không sót một thứ gì, không thiếu một ai : công việc mà nó thừa biết sẽ không tài nào thực hiện cho đầy đủ. Đã trễ quá rồi. Ngày mai, sáng sớm, nó phải lên đường. Thôi thì chỉ còn cách hi vọng một ngày nào đó, nó còn có dịp nào trở lại tỉnh lỵ nên thơ và trù mển này, xưa nay vẫn nổi tiếng với những vườn dừa sầm uất, với những dải cù lao uốn éo như đàn rồng chạy trên biển nước mênh mông. Thế rồi, nó thăm hện với tỉnh lỵ như với một người bạn thân yêu nhút đời. Tưởng tượng rằng tỉnh lỵ như có một tâm hồn, như biết lắng

nghe, như đang trò chuyện cùng nó. Đó không phải là quê hương, nơi chôn nhau cắt rún của nó, nhưng chính là nơi nó đã sống những ngày thơ ấu với những kỷ niệm đẹp nhất. Và ngôi trường — đang đứng sững trước mắt nhìn của nó, bắt đầu từ một nhánh rễ cây nhô lên khỏi mặt đất, nơi nó đang ngồi, không biết từ lúc nào — đã trở nên quen thuộc với nó bao nhiêu, gồm hai dãy lớp cao ngất, uy nghi, đầu mặt nhau qua một khoảng sân rộng rợp bóng cây che phủ cả bầu trời. Nó vẫn hãnh diện được học ở đây, trường tiểu học công lập tỉnh thành, hẳn nhiên là đẹp nhất và lớn nhất. Nó càng thấy ngôi trường của nó đẹp hơn những lúc, một mình, hình dung trong từng khung cửa sổ, từng miếng gạch lở dưới thềm, từng gốc cây to trong sân phải có hai đứa mới ôm xuể. Nghĩa là khi ngôi trường chỉ còn là một hình ảnh

sẽ chợt hiện lên trong ký ức với tất cả cái vẻ hùng tráng đáng yêu của nó. Buồn thay cho đứa bé khi nghĩ rằng nó không còn dịp nào cắp sách bước vào đó nữa. Nó đảo mắt nhìn một lượt qua khắp các dãy hành lang : im vắng, các lớp học kín mít. Tự nhiên nó tưởng tượng cái mùi ẩm mốc, tẻ lạnh toát ra từ bên trong các lớp học sau những ngày nghỉ trở vào, tâm hồn còn luyến tiếc những giờ phút vui chơi đã qua. Bây giờ thì nó thấy nhớ nhung, thèm thuồng cái mùi hương gay gay gắt gắt đó. Nó muốn dời khỏi chỗ ngồi, chạy thẳng lên lầu, xô đúng vào cánh cửa phòng học của nó, bước vào ngồi đúng vào chỗ ngồi của nó, một mình và nhớ nhung, nghĩ ngợi vẩn vơ. Ôi ! Bao giờ nữa, nó còn có dịp ngồi học ở đó, bên những người bạn tí hon, dưới cái nhìn khoan dung của người cô dạy học, nghe văng vẳng tiếng chuông ngân

nga từ ngôi chùa cạnh đó. Bao giờ nữa, nó còn được dịp rủ rê lũ bạn, trước giờ vào lớp hay vào giờ ra chơi, kéo nhau ra bờ hồ, nghịch nước, vào những bàn chơi banh tay, chia nhau từng cặp tranh tài cao thấp, hoặc tìm một bãi cỏ bày trò đá banh, chạy thi, rượt bắt.

Đứa bé thấy tro rơi lạ. Đối với nó, chuyến đi sắp tới quả thật quan trọng : nó cướp đi tất cả những gì thân yêu gần gũi nhất, chỉ để lại hoài nghi và sợ sệt trước một tương lai hầy còn mù mờ, xa lạ và đầy sự dọa nạt. Nhưng tại sao gia đình nó phải dọn đi ? Nó chỉ biết phong phanh là cha nó, một nhà giáo, phải đổi đi về một tỉnh khác gần Sài Gòn. Nó nhớ đã hỏi mẹ nó rất nhiều về chuyến đi nhưng, “chuyện người lớn, con không biết gì”, câu trả lời không thỏa mãn nó chút nào. Chuyện người lớn. Rõ người

lớn có quá nhiều điều khó hiểu đối với nó. Nó tức mình là chưa đủ lớn khôn để được giải thích, tìm hiểu về nhiều chuyện. Không biết đến bao giờ ! Nó lại nghĩ, nhưng lúc đó, biết mình có rắc rối như họ bây giờ không.

Trường nó nằm sát bên khu Trung học. ngăn cách bằng một bức rào. Những giờ ra chơi, nó thường đứng một mình, lén lút nhìn qua lần rào thưa, theo dõi từng động tác của mấy anh học sinh, quần áo chỉnh tề, mặt mày đạo mạo, đang quây quần nói cười với nhau. Ở họ, cái gì cũng có vẻ quan trọng, ghê gớm, cả những câu chuyện họ đang trao đổi với nhau, có lẽ nó không bao giờ hiểu nổi. Với nó, đó là những anh lớn. Họ không còn ở tuổi nó. Họ đã khác. Họ chưa bằng những người lớn như cha mẹ, thầy cô nó nhưng qua cử chỉ và giọng nói của họ,

nó thấy rõ họ đã thuộc một thế giới khác nó, cách xa nó hoàn toàn, Mai sau liệu nó có giống họ bây giờ. Thế là hình ảnh của những anh học trò lớn bên trung học với những tác phong “trầm trọng” của họ vô tình góp phần làm nên những giấc mơ thầm kín của đứa bé. Nó mong được thành người lớn, được ngồi học ở những lớp cao, được chơi với rất nhiều bạn cũng lớn trang tuổi mình..., mặc dầu nó chưa biết rõ ràng rằng nó mong như vậy để làm gì.

Dường như người lớn bao giờ cũng có những lý do của họ, Bao giờ họ cũng hợp lý. Đây không phải là lần đầu tiên đứa bé phải theo cha mẹ từ chỗ này sang chỗ khác. Năm lên sáu, vừa học xong lớp năm tại một thành phố miền Cao nguyên, lần đầu tiên nó phải bỏ trường, theo gia đình trong chuyến đi xa đầu

tiên trong đời nó : cha nó phải đổi đi nơi khác vì lý do nghề nghiệp. Nơi khác đây chính là tỉnh lỵ êm đềm mà nó đã sống trong một thời gian khá lâu, mà một lần nữa nó phải giã từ. Nhưng phải nhìn nhận rằng chuyển đi năm ấy không khiến nó xao xuyến như lần này. Có lẽ tại vì nó còn nhỏ quá. Những gì nó còn nhớ được về thành phố đó không vượt ngoài những hình ảnh mập mờ, thoáng hiện, không có đến một nét đậm đà đủ rung động tâm hồn nó hay tạo thành một kỷ niệm đáng ghi nhớ. Hình ảnh người cô dạy học năm đó nghiêm khắc quá, chỉ khiến nó sợ hãi mà không dám lại gần. Còn những người bạn bé bỏng kia, tiếc thay nó không nhớ tên một đứa nào. Người ta không thể trách nó hay trách những người bạn kia. Họ hãy còn quá nhỏ và tất cả đều mới mẻ đối với họ, những tâm hồn non dại đầy e dè, sợ

sệt kia. Vả lại, khi người ta đang ở vào lứa tuổi đó, người ta cần được gần gũi nhiều hơn, cần nhiều dịp để làm quen với nhau hơn. Ngay cả cái thành phố nọ, hãy còn xa lạ bao nhiêu, cũng không để lại một kỷ niệm nào đáng kể ngoài khí hậu quen thuộc của nó : nó nhớ rõ hơn hết những buổi sáng mùa lạnh nằm quẩn mình trong chăn, tay chân run bắn bật, kêu “mẹ ơi, con lạnh” không thôi, thay vì mau mắn bước xuống giường như mọi khi.

*

Đứa bé bước đi trên những bước chậm, đều trên sân cát lún, dời khỏi khu vực trường tiểu học. Nó không quên nhìn lại một lần sau cùng quang cảnh ngôi trường cũ kỹ từng là nơi lui tới của

nó trong cả những ngày thơ ấu. Tưởng tượng nó đang quay mặt nhìn lại chính tuổi thơ của nó trước khi cất bước lên đường trong một chuyến đi quan trọng nhứt đời. Tưởng tượng bao nhiêu tình cảm se thắt, đốn đau cùng một lúc dấy lên trong cái nhìn đó, quá đủ để làm tan nát một trái tim bé nhỏ. Tưởng tượng nó sẽ không bao giờ quên được những cảnh sắc tâm hồn nó hôm nay. Ra đến ngoài, đứa bé vụt chạy như bay. Một quyết định phi thường vừa đến với nó. Nó sẽ biên thư cho các bạn còn ở lại. Đó sẽ là bức thư đầu tiên trong đời nó. Nó có nhiều điều để nói, bắt đầu từ hôm nay.

HUỲNH PHAN ANH

Nhất Anh

Mùa thu, mùa xuân

MÙA THU CỦA HƯƠNG,

Sau nhiều ngày bực mình, sau nhiều đêm bứt rứt, Hương viết thư này cho anh. Không biết để làm gì, nhưng Hương thấy cần phải viết. Tuồng như để cho anh hiểu một lần, dù chỉ một lần, rồi thôi.

Thú thật với anh : cho mãi đến hôm nay Hương cũng không biết vì sao Hương có thể tiếp tục đi học và đi học để làm gì ? Đôi lúc Hương muốn ở nhà, mặc cho anh nghĩ gì thì nghĩ, nói

gì thì nói. Đôi lúc khác, dù là đã lỡ học suốt năm, Hương cũng không muốn đến trường thi. Và khi vào phòng thi, Hương lại có ý không muốn chép đúng cua, chép sai hẳn đi để bị điểm âm và hỏng thi cho bõ ghét (anh có biết cho bõ ghét ai không ? – Anh đó. Vì anh cứ bắt buộc nài nỉ Hương đi học. Vì anh cứ dọa nếu Hương không chịu đi học thì anh không còn yêu Hương nữa. Ôi là kỳ cục !). Nhưng rồi Hương đã không làm được những điều Hương muốn, nghĩa là Hương vẫn đi học chăm, vẫn chịu thi cử, vẫn chép bài đúng và hy vọng đồ cao, như thế anh đã bằng lòng chưa ?

Tôi biết tôi thua cuộc. Tôi biết người ta đang cười tôi. Tôi cũng đoán được là sang năm, cứ tình trạng này kéo dài, tôi lại phải chịu đựng những tháng ngày dài và những trang dài bài vở nghĩa là tôi sẽ

phải đi học nữa, học đến chết thì thôi, nếu tôi không nói hết một lần, nếu tôi không nói ra sự thật, những sự thật ẩn ức dồn nén từ mấy năm trong lòng tôi.

Anh Vinh, có bao giờ anh nghĩ là anh đã độc ác với Hương không ? Chắc là không. Biết vậy mà Hương vẫn hỏi, kỳ chưa ? Cái gì của anh, anh cũng cho là đúng, là phải. Anh suy nghĩ, anh phát biểu, anh hành động, anh làm việc, anh đi chơi, cho đến cả cái ăn cái ngủ, sao mà anh bình tĩnh, thản nhiên, thông dong thế. Còn Hương, Hương bơi theo anh ngút hơi, Hương chạy theo anh đứt ruột. Vậy mà anh không chịu hiểu, anh không chịu chờ, anh không chịu giải thoát cho Hương. Như thế thì anh có độc ác không, anh có làm đúng cái điều mà anh gọi là “anh yêu Hương một đời” không ?

Học để làm gì anh ? Anh thử nói lại một lần, thật cặn kẽ, thật mạch lạc, để Hương nghe xem có xuôi tai không, rồi Hương sẽ chịu làm nô lệ anh suốt đời, sẽ vâng phục anh suốt đời. Chứ cứ như thế này thì Hương không chấp nhận được, không chịu đựng nổi. E Hương phải bỏ cuộc, e Hương phải xa anh. Nhưng làm sao Hương xa anh, làm sao Hương có thể quên anh? Anh có hiểu được nỗi cay đắng đó trong lòng Hương ?

– Không biết làm gì và chưa thể làm gì thì tao đi học, thế thôi. Con Trâm đã nói với em như thế.

– Ủ, thì rồi cũng đến đi làm một cô giáo, một chuyên viên phụ khảo về vi trùng, về thảo mộc, về đá sỏi... Nhưng biết làm gì hơn ? Nếu ở nhà đi chợ, nấu ăn, giặt quần áo thì lại khổ gấp bội. Con Giang nó cũng bảo với em như thế. Còn

anh, anh thử nhắc lại cho em nghe một lần những điều anh đã nói với em bao nhiêu lần trước xem sao.

Một cô giáo, một chuyên viên phụ khảo..., em nghe mà rùng mình. Tại sao trước đây anh không khuyên em đi học được để sau này em đi buôn thuốc tây, có phải mau làm giàu hơn không ? Tại sao lỡ đà em ghi tên vào khoa học thực nghiệm rồi anh cứ đẩy mãi em vào ngành này ? Nhưng tại sao anh không cho em nghỉ học ? Tại sao anh cứ bắt em cắp sách đến trường như những đứa trẻ con ? Hai mươi một tuổi chưa lớn thật hở anh ? Vậy chứ đến mấy tuổi mới lớn ? Đến mấy tuổi mới được làm vợ của anh ? Đến mấy tuổi mới được phép lấy chồng ? Kỳ cục thật !

✱

Nếu bảo được đi học là một cái quyền thì em xin chịu thua, em xin chối từ không muốn cầm giữ cái quyền đó. Nhưng nếu đó là cái quyền thật thì em cũng chỉ mới có một. Còn anh, anh có đến cả trăm. Anh có quyền đi làm, có quyền đi dạy thêm, có quyền hùn hạp với bạn bè, có quyền mua sắm, may mặc, tạo mãi... Và có cả quyền, tiếng là khuyến khích nhưng thực ra bắt buộc kẻ khác phải làm theo ý mình. Tại sao anh cứ bắt em phải đi học ?

– Hương gắng học thêm vài năm nữa đi. Anh nói nhiều, em thêm khó hiểu, nhưng rồi ra em sẽ hiểu. Bây giờ em như là cây mùa xuân. Em còn đủ sức để tiếp thu nhựa sống từ lòng đất, từ khí trời. Để đến mùa hạ kết nụ, nở hoa, đơm trái. Còn anh là cây mùa thu. Những chiếc

lá vàng sẽ thay nhau đổ xuống. Hương, anh quý em, quý mùa xuân của em. Em không nên sớm đốt cháy tuổi mình Anh yêu em. Hương, em có biết là anh yêu em nhiều không ?

Có, Hương biết anh yêu Hương nhiều lắm, nhưng anh yêu theo lối của anh, theo lối của những cây mùa thu. Anh yêu em mà chỉ làm cho em lo, em khổ. Phải chi anh đừng yêu em. Phải chi trước đây anh cứ nhìn em như nhìn những đứa trẻ con, cứ để mặc em với những cái em có. Tại sao anh từ chối gặp em ? Tại sao anh nỡ để em lang thang một mình trên phố, nhất là sau những ngày thi cử mệt mỏi chán chường ?

Bây giờ là mười giờ đêm. Em đã ngồi thờ ngoài hiên nhìn ra đồng trống suốt mấy giờ liền. Một con sâu đóm lập loè. Biết không thể là anh nhưng em vẫn

nghĩ đến một người hút thuốc lá đi trong đêm. Biết giờ này thế nào anh cũng đang ngồi ở bàn viết, nhưng em vẫn nghĩ đến một người tình bất chấp đêm khyua, bất chấp an ninh, tìm đến một người tình đang buồn đang khổ. Nhưng tại sao em phải buồn, phải khổ ? Tại sao em không thể bình tĩnh thản nhiên như anh, sống đời sống của mình, bằng lòng với cái mình đang có ?

Cái em đang có là sự trống vắng không cùng. Ngồi giữa phòng học, trên kia thầy đang giảng bài, dưới này lũ quỷ làm giặc, ăn bánh, hút thuốc, nói tục, em như không nghe gì, không thấy gì. Về nhà, nội ốm nằm rên hù hù, lũ cháu la hét đùa phá như giặc, vậy mà, trong căn phòng nhỏ này, thế giới của em vẫn là một khoảng trống cô đơn. Và những con phố buổi trưa buổi chiều, những

lúc em đi học về, ngựa xe như thế, tấp nập như thế, tại sao em thấy như mình đi giữa một đất trời nào, xa lạ, lạnh lẽo, buồn hiu. Người ta bảo đó là sa mạc của tuổi trẻ, là biển khơi vào đêm của tình yêu đôi mươi. Khó hiểu thật !

Nhưng em hỏi thật anh : tại sao anh khuyên em đừng nên đến anh nhiều ? Tại sao anh không cho em sống gần anh ? Anh có mất mát gì đâu ? Nếu có mất, kẻ mất chính là em. Mà em thì em bằng lòng đánh mất tất cả. Cho anh. Cho anh. Cho anh. Anh nghe rõ không ? Em bằng lòng đánh mất tất cả. Miễn là em được sống gần anh. Nhưng tại sao lại gọi là đánh mất ? Em có bao giờ than van như thế đâu ? Chẳng qua đó chỉ là một ý niệm về luân lý. Mà luân lý nào lại bắt cho kẻ khác phải khổ ? Luân lý nào lại

bắt những người đang yêu không được gần nhau ?

Anh Vinh, mùa thu đã về rồi đó. Tuổi ba mươi tám của anh đã về rồi đó. Sau những ngày thi cử mệt mỏi, em lạnh lẽo quá đi anh, xin anh cho em một ít lá vàng để sưởi, để hong đốt một tình yêu nặng nhọc già nua, để làm sống lại những hy vọng đợi chờ, để em còn có đủ can đảm làm theo những điều anh khuyên, để cái máy này còn chạy và nhai ngốn những bài vở khô khan trong những năm sắp tới.

Ừ, mà sao mùa thu không có heo may lại có mưa đông anh nhỉ ? Anh có sợ mưa đông không anh ? Mưa đông thường đổ vào buổi chiều và về khuya trời thật lạnh. Trời lạnh thì anh đắp gì hở anh ? Bọn bạn em chúng bảo trời

lạnh thì đắp chăn da ấm nhất. Có thật thế không anh ? Anh có bao giờ đắp chăn da chưa ? Nói thật đi anh.

Nhưng tại sao em lại hỏi những điều như thế với anh ? Em đã đủ khôn lớn để nói về những điều như thế ? Em đã bảo là em sẽ nói hết với anh một lần, dù là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng. Để anh thức tỉnh rằng em đã lớn. Để em chứng tỏ với em rằng em có quyền. Để ngày mai soi gương em không còn thấy em là trẻ con. Để bậm gan trao thêm cho anh một cái quyền tước đoạt ở em những gì còn lại. (Thật là bỉ ổi. Thật là xấu xa. Nhưng em biết nói sao hơn ? Vì em là cây mùa xuân như anh đã nói).

*

Anh Vinh, em sẽ lại học chăm như lời anh dạy. Nhưng để làm gì? Nhà em ở ngoại ô, hướng mặt ra đồng trống. Anh có hiểu nỗi khổ tâm của người con gái mỗi khuya nhìn vào đêm đen ? Có lúc nào anh tưởng tượng một khuya nào đó người ta lên về và bắt dẫn em đi ? Em sẽ biến thành một thứ gì trong thế giới của họ ? Một nữ cán bộ giao liên ? Binh vận ? Tuyên truyền ? Hay là hộ lý ? Nếu thế thì cũng đành. Lỗi không phải tại em. Em sẽ tìm cách liên lạc với anh trước tiên, vận động anh trước tiên, tuyên truyền anh trước tiên. Nhưng còn vấn đề hộ lý thì sao hở anh ? Mà hộ lý là gì mới được chứ ? Thật là kì cục !

Nhưng nếu phải làm những công việc đó thì có cần đến những kiến thức mà anh đã khuyên nhủ thúc giục em thu lượm trong mấy năm trời nay ? (Nhất

định tôi không thể làm được. Chúng có là tôi đã thất bại chính ngay trong chủ nghĩa tình yêu của tôi. Và người ta đã bắn chết tôi giữa đồng. Và một sáng nào đó, người yêu tôi từ trên phố về, bỗng xốc thân xác tôi từ ngoài bờ ruộng vực vào nhà. Người đặt tôi nằm dài trên chiếc giường tôi thường nằm. Người vuốt mặt tôi. Người ôm ghì lấy tôi và khóc sụt như điên. Như thế là tôi được trả thù, Tôi sẽ mở mắt nhìn người như trong một chuyện thần tiên).

Thêm một lý do để anh phải lôi Hương ra khỏi cuộc sống này, một cuộc sống mà Hương không thấy có chân đứng. Tại sao anh cứ bắt Hương phải sống trong khoảng cách ?

Nhiều khi Hương có cảm tưởng sự sống là một hỏa nham thạch mà con người Hương như một thứ nguyên-

dung-chất có thể quan sát được bằng các dung nham, và nhờ biết được độ địa nhiệt và số lượng chất phóng xạ trong dung nham mà anh chắc chắn lòng quả đất là tình yêu của Hương không nguội đi chút nào. Còn anh, anh là một thứ gì Hương không hiểu được, vậy mà Hương cứ yêu anh, cứ nghĩ đến anh, cứ tưởng đó là linh hồn mình, sự sống mình, Hương không có cách nào rời xa ra được.

Đôi lúc Hương cũng cố tin tình yêu anh như những thể lỏng cháy đỏ trong lòng quả đất, nhưng với cuộc sống trắng lạnh của anh thường ngày, Hương lại thấy qua thời gian, những thể lỏng đó đã được đưa từ lòng đất lên trên mặt, nguội đông, rắn đặc. Nó bây giờ như những phún-xuất-thạch hay những thẩm-nội-thạch nguội đặc ẩn sâu trong ruột đất, nay đã phơi bày vì các lớp che trên bị

xâm thực không ngưng. Như thế thì có còn được gọi là tình yêu ? Và quả anh là trái đất mùa thu, hiu hắt, cô đơn, mệnh mang phiền muộn đó ?

Nhưng tại sao Hương lại đi yêu niềm hiu hắt, nỗi cô đơn, những mệnh mang phiền muộn đó ? Có phải vì ngôi nhà em ở nhìn ra một cánh đồng ? Có phải vì em là một đứa con gái mồ côi ? Có phải vì thường đêm trước đây, khi bắt đầu nhìn rõ mắt anh, vùng em ngập đầy tiếng sung ? Làm sao em hiểu được. Em là con bé theo học khoa học thực nghiệm, em có biết gì về phân tâm, về định lý môi trường.

Anh bảo em như cây mùa xuân. Em tự hỏi : những tinh khoáng hỏa nham mùa thu của anh có nuôi dưỡng được gì cho cây mùa xuân, cho tình yêu em kêu cứu ?

Sao tự nhiên em thấy yêu và thấy
ham bỗng một đứa bé quá anh !

Hường.

NHẤT ANH

ĐÓN COI :

SUỐI BÙN REO

hay

15 câu chuyện phụ nữ của

NGUYỄN NGU Í

Bửu Ý

Sương hồng và tuyết địa

kịch sân khấu hai màn – tiếp theo ⁶

(Bà Hải xuất hiện, bơ thờ, hai người kia ngừng nói. Ông Thiện nhìn chùng bà Hải. Im lặng).

BÀ HẢI : Hai ông cháu nói gì to tiếng làm tôi sợ Ngọc nghe thấy.

ÔNG THIÊN : Ngọc khỏe chứ ?

BÀ HẢI : Ông ạ, hôm nay Ngọc đẹp một cách xuất thần. Như thế nghĩa là thế nào, hử ông ?

⁶ Xem từ VĂN số 160.

ÔNG THIÊN : Mẹ Ngọc phải bình tĩnh, tập quen đau khổ và tập quen hy vọng. Từ đó, sẽ lập được quân bình giúp mẹ Ngọc sống một cách thản nhiên, và có chết cũng thản nhiên thế thôi. Con mong muốn cho con cái được hạnh phúc chứ gì ? Thì Ngọc đâu còn biết khổ nữa. Nay mai nếu Khanh có ra đi, ta phải mừng cho nó mới phải. Nó phải cảm thấy đứt ruột xa mẹ, nhưng nó nén lòng để làm một cái gì hơn, hoặc là để tìm lại dấu tích của gia đình thất lạc, hoặc là để thành toàn điều mong ước của tuổi trẻ, như thế có gì là trái với lòng con đâu, phải thế không mẹ Ngọc?

(Im lặng. Bà Hải dần lòng, cúi đầu).

BÀ HẢI : Con cố hi36u lời ông. (Một lát.) Nhưng càng về sau này con khó lòng che giấu được sự khổ sở khi nhận thấy Ngọc như có ý xua đuổi con là đành

khác. Vừa rồi cũng vậy, con vừa dời chân đi là cửa phòng của Ngọc đóng lại ngay, một cách lạnh lùng. Tại sao thế ? Con có làm điều gì không phải đối với Ngọc ? Tôi đã làm điều gì không phải đối với con tôi ?

Không khí như chùng hẫ xuống. Gió ở bên ngoài cũng đã lắng dịu nhiều. Đâu đây văng vẳng những nốt nhạc thanh thoát. Bà Hải gục mặt xuống bàn. Ông Thiện bắt đầu lim dim đôi mắt. Bà Hải từ từ đứng lên tiến lại bên cái hương án được trần thiết một cách tượng trưng và ngẫu nhiên, từ đây một cuộn khói trầm bốc lên. Người ta đoán biết bà đang lâm râm khấn niệm bằng tất cả lòng mình. Nãy giờ, Lưu lặng lẽ rút ra ngoài vùng ảnh hưởng của cơn chấn động nội tâm của bà Hải và đang lúng túng để mắt vào những việc phụ chung quanh : cái giùm

bắt chim, cái siêu sắc thuốc..

Khanh xuất hiện đột ngột ở lối ra vào. Đó là một thanh niên kiêu hùng, mặt lộ nét thông minh và cương nghị. Khanh mặc trên mình một tấm áo da thú, tay cầm ngọn dao dài, tay kia xách một con chim lớn như con gà rừng và một chùm trái cây lạ mắt cùng những dây lá chằng chịt. Khanh chực sẵn một điều gì để nói nhưng khi thấy ông Thiện và bà Hải đang ở thế tịnh khẩu, chỉ khẽ cời bỏ các thứ, mỉm cười với Lưu. Nhưng ông Thiện đã trông thấy Khanh.

ÔNG THIỆN : Khanh đã về.

KHANH : Vâng ạ.

(Khanh bước đến để một tay lên vai mẹ rồi đến bên ông Thiện nói nhỏ một điều gì. Cử chỉ này không thoát khỏi mắt

bà Hải, tuy nhiên bà tiếp tục cầu nguyện. Khanh và ông Thiện vừa rút đi vào thì bà Hải cũng vừa đứng lên, đến xem xét những món Khanh mang về).

BÀ HẢI : Lưu làm gì đó, con ?

LƯU : Con trông chừng siêu thuốc của Ngọc.

(Bà Hải nhìn lại siêu thuốc và không quên nếm thử. Đến đây ông Thiện và Khanh trở ra.)

BÀ HẢI : Khanh sao về muộn thế, con ?

KHANH : Con phải tìm thêm thuốc cho ông.

ÔNG THIỆN : Đâu, tìm được gì cho ông coi nào ?

(Khanh đem đặt lên bàn những dây lá hái được. Ông Thiện xem xét tỉ mỉ).

BÀ HẢI : Hồi nãy ông cháu nói nhỏ gì với nhau đấy ?

KHANH : Thưa không, con nói với ông vào thăm chị Ngọc đấy chứ.

BÀ HẢI : Con thấy chị hôm nay thế nào ?

KHANH : Trông chị tỉnh táo lắm.

BÀ HẢI : Để mẹ đem thuốc vào cho chị.

ÔNG THIỆN : Cho ông nếm lại lần nữa rồi hãy đem vào.

(Ông Thiện nếm xong, bà Hải bê siêu thuốc vào.)

Con có chắc thấy chị Ngọc ở trên đời không ?

KHANH : Con thoáng thấy một cái bóng trắng ở trên đồi rất giống chị Ngọc nhưng cách con khá xa. Chắc thì con không thể nói là chắc, nhưng làm sao con hoa mắt được ? Con vội chạy nhanh về xem sao. Trông chị vẫn ngồi tự nhiên ở trong phòng, con hoang mang hết sức.

LUU : Khanh bảo có nom thấy Ngọc ở trên đồi ?

KHANH : Không trông rõ hình người, nhưng hình dáng thì giống lắm.

LUU : Như thế là Ngọc đi ngõ sau ? Ngọc có khi nào ra ngoài đâu ?

KHANH : Làm sao chị ra bằng ngõ sau được? Thật tình tôi không hiểu nổi. Theo ông, chị Ngọc có ra ngoài không ?

ÔNG THIỆN : Ông có nom thấy gì đâu mà hiểu ? Nhưng Khanh đừng có

nói gì với mẹ bắt mẹ thêm lo.

KHANH : Đáng lẽ con không nên nói với ai hết thì phải hơn. Vì nghĩ lại thấy phi lý quá. Thôi, coi như con đã trông nhâm là xong.

ÔNG THIỆN : Hôm nay không hái được năm hở con?

KHANH : Sương mù nhiều quá, con không dám trèo xuống sâu.

LUU : Con gà rừng sao chẳng thấy mang thương tích gì cả, Khanh ?

KHANH : Con gà này sao quái lạ, nó đậu trên cành cây thật thấp, đến gần một bên nó vẫn không hay biết gì. Tôi nhặt hòn đá đôi nó nhào xuống đấy. Có nó thành thử khỏi phải đi đơm cá. Ngày mai thì anh phải đi với tôi mới được.

LƯU : Phải, ngày mai chúng mình đi
đâm cá.

(Lưu đứng lên, đến nâng con gà lên
trên tay). Mà có phải là gà không đây ?
Gà sao thế này ?

(Ông Thiện đang mãi chú mục vào
các thứ được thảo, nghe Lưu nói, ngược
mắt lên).

ÔNG THIỆN : Đâu nào, đưa ông
xem.

(Ông Thiện cầm lấy con gà trong tay,
nhìn chăm vào nó một cách đặc biệt.
Khánh ghé mắt quan sát).

KHANH : Có lẽ chim chứ không
phải gà.

ÔNG THIỆN : Đúng là chim. Loại
chim này ông có gặp một lần, cách đây

đến bốn mươi hay năm mươi năm. Đúng đôi cánh màu lửa, và đôi mắt lớn như hai hòn bi ve. Nếu chim còn sống thì hai con mắt này sáng rực một cách dị thường. Chim này tưởng chừng là tuyệt giống, vì càng ngày càng hiếm thấy, không ngờ hôm nay được cầm nó trong tay. Con vô tình giết nó, tội nghiệp !

KHANH : Con cú ngõ là gà rừng.

ÔNG THIỆN : Con chim này thích xuất hiện vào hoàng hôn và thích nhìn chăm chăm vào mặt trời đỏ. Những lúc đó tựa hồ nó không còn hay biết đến những gì xảy ra chung quanh. Vì thế mà con dễ đến gần nó. Nhưng giết nó là một điếm không hay, con ạ.

KHANH : Thật sao, ông ?

ÔNG THIỆN : Thì nó là một giống

chim quý, giết nó thêm tội. Chuyện dĩ lỡ, biết làm thế nào ? Thôi, đem nó đi chôn vậy.

(Khanh đứng lên, nhìn xuống con thú đang đỡ ở hai tay, vẻ nghĩ ngợi, rồi hướng về lối ra vào.)

LƯU : Tại sao ông nói đến điếm không hay ?

ÔNG THIỆN : Tôi đã nói rồi. Nó là một giống linh diệu. Tôi có kể chuyện loài chim đó cho Ngọc nghe, coi bộ Ngọc quan tâm lắm. Giá chim sống thì có thể đưa cho Ngọc xem.

Anh Lưu ạ, ngày trước tôi có những mối khổ tâm, những nỗi buồn, khi nhớ tới con cháu thất lạc, khi thấy những người chung quanh lo lắng điều gì đó mà mình không giải quyết giúp

được... Lâu nay, tôi cảm thấy tịnh yên dị thường, không cưu mang gì trong lòng, đôi khi lại muốn buồn khổ đôi chút... Kiếp người khó thoát vòng lận đận quần quanh. Anh Lưu ạ, không buồn khổ thì thôi, chứ buồn khổ bao giờ cũng làm lớn con người.

LƯU : Cháu xin ghi nhớ lời vàng ngọc của ông.

ÔNG THIÊN : Không ngờ trông thấy con chim, tôi buồn buồn thế nào... Tôi vẫn tưởng có nhiều hy vọng thoát được dục tình... không, chưa... Đành rằng sống chết là lẽ thường hằng nhưng con chim nhỏ bé kia sao chẳng coi sống chết vào đâu. (Đến đây, Khanh xuất hiện lại.)

Nó vốn thích trầm tư. Cũng như thuở nhỏ ta có chơi cái trò nhìn vào mắt

nhau, ai nhấp nháy mắt trước kẻ như thua, thì con chim này cũng nhìn mặt trời chiều cho đến khi mặt trời lặn nó mới bay. Chính trong lúc nó chơi trò thi đua với mặt trời là lúc nó dễ chết hơn cả. Một sự thách thức ngạo nghễ. Hầu như một sự tự nguyện tự sát. Vô vị lợi và khốc liệt. Nó không phải sống để mà sống, nó sống để chết. Thời gian sống của nó không đáng kể, và cũng ít ai chứng kiến nó sống như thế nào ; hễ trông thấy nó sống là nó đã bắt đầu sửa soạn chết. Nó chỉ là một biểu tượng sống.

Đời một con chim như thế đấy, thử hỏi người ta phải như thế nào ?

LƯU : Những lời của ông khiến con chột dạ vô cùng. Và cứ mỗi lần gia đình đem chuyện Ngọc ra nói là con cảm thấy như mình có lỗi và mình không giữ được vai trò gì trong gia đình này cả. Rõ ràng

con là một kẻ đứng ngoài lề một cách thâm hại, sống trong gia đình mà chẳng tham dự gì vào gia đình. Con chẳng có lý do gì để sống mãi trong gia đình này. Không thể giúp gì cho Ngọc, đến như giúp cho Khanh con cũng bất lực. (Một lát). Con sẽ ra đi.

KHANH : Anh đi đâu ?

LUU : Tôi chẳng biết đi đâu. Tôi sẽ chết dọc đường, như con chim này vậy. Nếu run rủi còn sống, tôi sẽ làm một cái gì, hay ít ra tôi sẽ thách thức hiểm nguy, thách thức cơn áo.

KHANH : Không, tôi xin anh ở lại.

LUU : Tôi giúp gì được cho Khanh đâu ? Khanh có chí hướng lớn, còn tôi, tôi không thể nguy tín, tôi chỉ cản bước tiến của Khanh thôi.

KHANH : Không, lần này tôi thiết tha xin anh ở lại. Không có anh thì hỏng mất.

LUU : Việc gì không có tôi mà hỏng ?

KHANH : Tôi đã có ý định ra đi. Phải ra đi để tìm lại gia đình, cha tôi, anh tôi, chị tôi. Đó là một sự đổi thay cần thiết. Mẹ tôi sẽ đau lòng, tôi xin anh ở lại thay thế tôi trong gia đình. Một thời gian, chưa thể nói trước là bao lâu, tôi sẽ về. Anh ở lại là anh giúp gia đình tôi một việc không nhỏ.

LUU : Khanh đã suy nghĩ kỹ chưa ? Bác gái sẽ nghĩ sao ? Văng Khanh, chị Ngọc sẽ sầu muộn hơn nữa.

KHANH : Ý định ra đi của anh thật là bất ngờ đối với tôi. Còn tôi đã suy tính

kỹ về sự ra đi của mình nhưng với điều kiện là anh ở lại thì tôi mới đành lòng. Anh nghĩ sao ?

LUU : Giờ nếu tôi cương quyết ra đi thì hóa ra tôi vô tình làm kẻ phá bình, huống chi tôi cũng chưa biết ra đi để làm gì. Khanh đã nói vậy thì tôi phải nghe theo. Sợ tôi không xứng đáng với sự mong mỏi của Khanh.

KHANH : Không, anh đừng nói vậy. Anh thân thiết như người nhà có anh mẹ tôi đỡ nhớ tôi. Ngoài ra, tòi đâu dám coi thường ý định của anh. Như thế này tòi không khỏi mang tiếng là lấy tình cảm để bắt ép anh.

ÔNG THIÊN : Đã coi nhau như người nhà thì không nên khách sáo. Khanh ra đi là phải. Ông đã tiên đoán điều đó rồi.

KHANH : Tội cho mẹ con...

(Bà Hải ra, dáng buồn bã hiện rõ trên nét mặt. Bà không giấu nổi đôi mắt đỏ hoe).

BÀ HẢI, cố dằn nước mắt : Đi ra ngoài cả buổi, sao con ăn mặc sơ sài thế, Khanh ?

KHANH : Con không lạnh đâu. Mẹ lo cho chị Ngọc đã đủ trắng tóc ra rồi, đừng lo cho con.

BÀ HẢI : Bắt được con chim gì đấy ?

KHANH : Thấy tội quá, con đem nó đi chôn rồi.

BÀ HẢI : Nhìn con, không làm sao cầm nổi nước mắt. Không hiểu sao bỗng dưng Ngọc đậm ra buồn lạ. (Một lát.) Khanh, con thử vào mời chị Ngọc ra ngoài này một lát, con ?

(Khanh đứng dậy đi vào, dáng nghĩ ngợi.)

ÔNG THIÊN : Mẹ Ngọc muốn Ngọc ra ngoài này để làm gì ?

BÀ HẢI : Con muốn Ngọc thỉnh thoảng tham dự, chia sẻ với gia đình từ những điều nhỏ nhặt cho đến những tình cảm buồn lo, có thể mới vỗ về cho những người yêu Ngọc và có thể giúp Ngọc lắng xao những ý nghĩ u ám trong đầu óc Ngọc. Như hôm nay, mới thanh thản tươi tỉnh đó, Ngọc thoát đã trở nên ủ dột lạ lùng, Dù sao, con vẫn nuôi ảo tưởng mà sống, con muốn nuôi ảo tưởng là con gần Ngọc, con muốn canh giữ Ngọc khỏi sự cám dỗ của con bệnh.

ÔNG THIÊN : Ông thấy mẹ Ngọc đã bắt đầu hiểu con, bắt đầu hiểu trường hợp của Ngọc. Chính ông đã nói với mẹ

Ngọc rằng con bệnh và Ngọc đã làm một. Mẹ Ngọc bảo con bệnh cảm dỗ Ngọc thì cũng gần như thế. Mẹ Ngọc có nói đến ảo tưởng một cách bình tĩnh, đó là một điều đáng mừng. Mẹ Ngọc cần phải bình tĩnh, bình tĩnh...

(Khanh xuất hiện cùng với Ngọc. Đó là một thiếu nữ với sắc đẹp mọng mị, mảnh mai như ngó sen. Nàng vận một tấm áo dài băng tuyết phủ phê, tóc dài đắp lên một phần khuôn mặt xanh xao và chảy xuống lưng. Khi Ngọc xuất hiện, im lặng tuyệt đối chung quanh. Bao nhiêu cặp mắt ngưỡng vọng hướng về người thiếu nữ, trong khi đó, Ngọc, mắt vẫn lãng đãng xa xôi, lướt đi đặt đến bên mọi người rồi ngồi êm xuống chỗ được dành sẵn).

BÀ HẢI, giọng xúc cảm : Ngọc! Ngọc ra với mẹ đó ư ? (Im lặng.) Thỉnh thoảng

con ra ngồi với mẹ, mẹ bằng lòng lắm.

ÔNG THIÊN : Cháu Ngọc à ! Ông và mẹ đang nói chuyện về gia đình, về thời tiết. Ông tuy lớn tuổi vẫn còn sức khỏe, nếu cần thì cũng lưng đen khổ cao như người ta. Mẹ cháu có nhắc nhở bố cháu. Thế nào cũng có ngày bố con đoàn tụ trở lại. Chắc cháu còn nhớ chị Thanh của cháu chứ ? Chị Thanh lớn hơn cháu có gần mười tuổi, thế mà ông vẫn còn nhớ cháu và chị Thanh thường đi chơi với nhau... Khanh bây giờ đã lớn, như người đàn ông trong gia đình...

BÀ HẢI, tiếp lời : Chẳng bao lâu em nó đi dạy học, lấy vợ, rồi cùng ở đây với con. Mẹ biết con thích ở chỗ này. Nó làm ra tiền, nó sẽ chữa bệnh cho con. Khanh yêu Ngọc lắm. Ngọc... Ngọc... con muốn nói gì phải không ?

NGỌC, giọng nói trên mây : Ông ơi... Chim ưu vậy con đi theo... Nhưng tại sao nó chết rồi hở ông ? Khắp mình nó không có vết thương nào nhưng giữa đường nó gãy chết... (Khanh giật mình)... lông nó đỏ như lửa, mắt nó sáng như sao... còn tâm hồn nó thế nào hở ông ? Tâm hồn nó có giống tâm hồn Ngọc không. Người ta chôn mất chim ưu rồi sao... Quàng hoa trắng cho loài chim quý, không có nó lại tủi thân...

KHANH : Chị nói gì thế, chị Ngọc ? Chị nói chim nào thế ? Để em cố tìm chim ưu cho chị, nhé ? Bây giờ mình hãy nói chuyện khác đi. Lâu lắm chị mới ra ngoài này, ai nấy đều vui mừng, chị không thấy sao ?

Chị Ngọc, chị có biết chị đẹp lắm không ? Trông chị càng ngày càng trẻ lại, em không dối với chị đâu. Chị chờ

em một năm nữa, không lâu đâu, em sẽ làm có tiền, em sẽ chữa bệnh cho chị. Người như chị phải được sung sướng, phải sống trong một xã hội tự do, công bằng. Nhưng chị phải hứa với em điều này : lành bệnh xong, chị phải giúp em. Em không đòi chị vá trời đâu mà lo. Em sẽ có một chương trình hoạt động, chị sẽ giúp em. Em biết chị thông minh có thừa. Một thiếu nữ đẹp và thông minh như chị có thể làm nghiêng trời lệch đất.

BÀ HẢI : Con nói gì nghe ghê thế, Khanh ?

KHANH : Không, mẹ hãy để con. Chị Ngọc hiểu ý của con.

Chị Ngọc này, chị hát cho em nghe đi. Mẹ đã nghe chị Ngọc hát bao giờ chưa ? Thật kỳ ảo chưa từng thấy. Hát như thế mới đáng gọi là hát. Chị Ngọc hát toàn

bài buồn, buồn thê thiết, nhưng lạ thật, nghe xong con thấy lòng phấn khởi. Chị Ngọc ! Chị có hiểu vì sao như thế không ? Vì tiếng ca buồn là tiếng ca sâu thẳm nhất của tâm hồn và sự phấn khởi vì một lý tưởng cũng là một cái gì sâu thẳm nhất của tâm hồn. Chị em mình gặp gỡ nhau mật thiết đến thế đấy.

Chị Ngọc ! Chị nhớ chị Thanh, anh Phan, anh Kha, chị nhớ bố không ? Em sẽ đi tìm mọi người về cho chị, cho mẹ. Mẹ còn nhớ vì sao chị Ngọc mắc bệnh như thế này không ?

BÀ HẢI : Làm sao mẹ quên được, con ?

KHANH : Chắc con cũng chỉ nghe mẹ nói lại chứ hồi đó con còn nhỏ. (Hồi tưởng.) Trong một buổi sáng trốn may bay địch, chị Ngọc ở trong hầm trú tình

cờ bắt gặp một cặp tình nhân say sưa chuyện trò quên cả máy bay, dưới một gốc cây cách không xa. Thành linh một quả bom nổ âm một tiếng. Tiếng bom chấn động làm rối loạn cả đầu óc chị, nhưng chưa hết, mở mắt ra, chị thấy gốc cây bật ngửa và hai người thân hình nát ngầu. Mới mười tuổi chị đã chứng kiến cảnh tượng như thế. Chiến tranh tiếp nối chiến tranh...

Chị Ngọc ! Chị tin em đi, chị sẽ khỏi bệnh và chị sẽ giúp em... Lâu ngày em không nghe tiếng hát của chị. Chị hãy giúp em phần khởi, can đảm.

Em sẽ đi, chị Ngọc nhé. Nhưng trước khi đi, em phải đem tiếng hát của chị theo.

BÀ HẢI : Con đi đâu mà sẽ đi ?

KHANH : Một ngày nào đó con sẽ ra đi chứ, mẹ? Mẹ không muốn tìm bố sao?

NGỌC, vẫn giọng nói liêu trai :
Khanh ơi...

KHANH : Em đây. Chị bảo em gì?

NGỌC : Khanh có biết tại sao chị Thanh không tốt với chị không?

BÀ HẢI : Ngọc ! Con nói thế là nghĩa làm sao ?

KHANH : Mẹ để chị Ngọc nói, mẹ. Chị nói nữa đi.

NGỌC : Hai mươi năm xa cách chưa đủ để làm mờ tình yêu... Chị Thanh, sao chị không tốt với Ngọc... Một mối tình khai hoa từ khi tôi mười tuổi. Tôi yêu lúc tôi mười tuổi, cái tuổi vàng kim, cái

tuổi thiên thần... Tôi sắp sửa đáp xuống nhận diện người yêu hai mươi năm về trước của tôi... Tôi sắp nhìn thấy chàng... Tôi sắp sửa trông suốt tim chàng và tôi sẽ biết tất cả...

(Bà Hải tròn xoe mắt. Khanh khoát tay.)

KHANH : Hình ảnh cặp tình nhân chết bên gốc cây đeo đuổi chị mãi. Có lẽ người thiếu nữ đó giống chị Thanh, nên chị định ninh chị Thanh lấy anh Phan là tranh mất người yêu của chị. Còn chị có yêu anh Phan hay anh Phan trước kia có tình ý gì với chị không thì con không rõ.

BÀ HẢI : Con chỉ vẽ vời ! Ngày chị Thanh lấy anh Phan, chị Ngọc mới mười tuổi, làm sao nói chuyện yêu với tình ý ?

KHANH : Theo lời chị, chị vẫn nhớ

anh Phan. Con đã bảo với chị : “Một người đẹp như chị phải nên bao dung. Chị hãy nhớ rằng chị Thanh yêu chị lắm và hiện giờ không biết sống chết ra sao...” Con nói thế nhưng chị Ngọc buồn bã lắc đầu.

BÀ HẢI : Gia đình đã ly tán, chỉ gặp nhau trong giấc mơ, nhớ nhau bằng kỷ niệm, thế mà trời vẫn không cho chúng nó yêu nhau.

NGỌC : Khanh hãy đi. Khanh hãy đi tìm anh Phan và đừng quên những lời của chị... Chị sẽ dẫn đường cho Khanh...

KHANH : Em đi thì mẹ sẽ buồn, nhưng thế nào em cũng xin phép mẹ ra đi một chuyến. Em sẽ gặp anh Phan, em sẽ nói những lời của chị. Rồi em sẽ trở về. Chị chờ em nhé. (Im lặng.) Chị Ngọc ! Chị Ngọc !

(Ngọc vẫn ở thế ngồi, bất động, như pho tượng cẩm thạch. Đôi mắt vẫn lẫm lẫm xa xôi nhưng đôi môi sẽ vĩnh viễn không thốt lên một tiếng nào nữa. Hồn nàng đã bay cao.)

BÀ HẢI, hốt hoảng, điên cuồng :
Ngọc ! Ngọc ! Con sao thế ? Mẹ đây này
! Ngọc, Ngọc... con ơi !

Tùng đột mù sa đọa vào thạch động,
phủ dấn những hình người.

Một điệu nhạc nổi lên, cao vút, như
nhạc của trời.

(Hết Màn 1. Còn tiếp)

BỬU Ý

Một chút văn liệu

VŨ BĂNG

Những cây cười “tiền chiến”

(hồi ký – tiếp theo ⁷)

**Văn cười cợt sau khi « rinh tê » về
Hà Nội**

Chiến tranh lan rộng từ thủ đô ra các tỉnh làm cho nhân dân Việt Nam ở Bắc bị thất diên bát đảo trong mấy năm trời. Có người chịu đựng được túng thiếu, đói rét, bom đạn, nhưng cũng có nhiều người khác vì hoàn cảnh, vì sợ hãi, vì không chịu đựng được sự hy sinh hơn nửa phải trở về thành để nhờ thực dân

7 Xem từ Văn số 152, ngày 15-4-1970.

Pháp và chính quyền quốc gia che chở. Đa số những người trí thức về lúc đó đều cảm thấy mình xấu hổ, nhục nhã, nhưng các bà các cô thì tương đối thấy yên thân hơn. Ngoài ra, lại còn một số phụ nữ khác tương đối lấy làm sung sướng vì họ có dịp làm tiền và « tậu » được dăm bảy ông nhân tình người Pháp sẵn sàng cho họ cả tình lẫn tiền như các ông người Mỹ “lơn” các em nhỏ Việt Nam bây giờ.

Tôi còn nhớ có một hôm ra bưu điện lãnh một cái ngân phiếu của Hiền Sĩ, chủ báo Việt gian chính cống là tờ « Phục Hưng » gửi trả bút phí về tin tức và bài vở do tôi cung cấp. Các ghi-xê lãnh tiền chật ních người. Cùng đứng đợi với một hai người bạn quen, chúng tôi nói chuyện làm ăn sinh sống, lan man ra đến những chuyện vụn trong thời kỳ tản cư thì chớ ớng ách làm sao, ở bên cạnh có

một « me » cứ đứng nói toang toang lên với ông công chúc bưu điện, giờ chân giờ tay ra làm hiệu rồi nhiều lúc không vì lý do gì hết, cười sằng sặc lên, cười bò lăn bò càng ra, cười y như thể có một trăm bàn tay bí mật cù vào nách làm cho nhột không tài nào chịu nổi.

Một anh bạn tôi thấy thế tức quá, đứng trố mắt ra nhìn. Rồi bỏ phăng cả lịch sự, xã giao, anh tiến lại gần « me » đó, đập vào mũi một cái – tuy là không hề quen biết bao giờ – không cười, bảo me nọ như là vợ ở nhà :

– Đồ khỉ ! Tây nó đánh chết cha chết mẹ đi, bộ sướng lắm sao mà còn cười ha hả ?

Về sau này, ngồi nghĩ lại câu nói đó, tôi cảm thấy đó là kết tinh tế nhị và đầy đủ những xúc cảm và uất ức tiềm tàng

trong lòng người đàn ông « rình tê » về thành. Người nào người nấy lo làm lo ăn hàng ngày, nhưng trong thâm tâm đa số đều buồn rười rượi và cảm thấy nhục nhã mông mênh... nhưng chúng ta đừng tưởng như thế mà tinh thần cười cợt, phúng thế đã chết trong văn chương Việt Nam lúc đó. Văn chương trào phúng vẫn phát triển như thường dưới hai khía cạnh : công khai và truyền khẩu. Nói một cách tổng quát, trọng tâm của các văn thơ trào phúng lúc bấy giờ nhằm vào mấy mục tiêu sau : giễu Pháp, giễu chánh phủ thân Pháp, giễu bọn người liếm gót, đón gió, bất kể luân thường đạo lý, giễu bọn gian thương tích trữ đầu cơ sống trên xương máu của đồng bào đói khổ. Nói cho thực, chế độ báo chí của Pháp vẫn rộng rãi, cởi mở hơn của Nhật nên các bài « chửi đồng », chửi vu vơ vẫn được đăng tải trên báo mà nhà

báo không bị lôi thôi mấy. Tôi còn nhớ mấy bài sau đây đăng trên báo “Tiếng Việt” của Bùi Đình, trụ sở ở 42 Hàng Bát Đàn, Hà-nội.

TIỀN

*Thế kỷ hai mươi thế kỷ tiền,
Có tiền con thú cũng thành tiên.
Tiểu nhân lắm bạc, đời khen giỏi,
Quân tử không xin, nó bảo điên,
Ông xuất vốn kia mua sự nghiệp,
Bà chìa của nọ, đổi nhân duyên.
Than, ôi, nghĩa cả ngời trong kết,
Thế kỷ hai mươi, thế kỷ tiền.*

BỐ KHỔNG ƠI !

Bố Khổng đâu rồi, bố biết chăng ?

Bây giờ thể sự đến lãnh nhăng.

Giở giòi tôm tép lên ngòi cụ,

Trái sòng kinh nghê xuống cấp thẳng,

Một lũ gian tham no phễnh bụng,

Mấy chàng quân tử đói nhe răng.

Thánh kinh lủi thủi về Đông Lỗ,

Bố Khổng đâu rồi, bố biết chăng ?

Tiêu biểu cho những nhà văn thơ trào phúng trong thời kỳ này là Trương Linh Tử, tức Hoàng Ly, tên thực là Đỗ Hồng Nghị, tác giả hai bài thơ kể trên kia. Còn tên nữa là Thánh Sòng, Đỗ Hồng Nghị, tác giả nhiều tiểu thuyết mạo hiểm, ái tình, phiêu lưu, anh đầu

tiên đã mở ra một mục trào phúng mới trên báo « Liên Hiệp » : mục « Vấn Kế ». Nguyên báo chí từ « Tiểu thuyết thứ Bảy » vẫn có một mục kêu là « Biết ai tâm sự » nhằm mục đích “gỡ rối tơ lòng” cho độc giả bốn phương, Hoàng Ly bèn nghĩ ra một cách trào phúng hóa mục đó, đặt ra câu hỏi rồi trả lời quấy với một tinh thần phúng thế. Mục « Vấn Kế » đã có một hồi làm cho báo “Liên Hiệp” thêm độc giả. Về sau này, những người lưu tâm đến diễn tiến của báo chí Việt Nam nhận rằng sau một thời kỳ đau khổ vì chiến tranh, đa số những người hồi cư đều chán nản, không thiết đọc bình luận, xã thuyết bằng đọc tiểu thuyết và những chuyện vui nhộn, châm biếm – có lẽ tại người ta mệt mỏi và không hy vọng lắm ở guồng máy quốc gia.

Báo « Liên Hiệp » có lẽ dò thấy điểm

tâm lý đó của độc giả, mỗi ngày lại có một mục vui cười thâm thập những truyện tiểu lâm Việt Nam và ngoại quốc để cho độc giả xả hơi. Bên lề hai mục đó, tác giả bài này mở ra mục « Thiên hạ sự » – lấy tên của một tờ báo Nhật xuất bản ở Thái Lan ký tên là Bút Nguyên Tử, viết một thời gian rồi sau nhường lại cho Bạch Điện, Nguyễn Văn Cư tức Cư Diếc, nguyên tác giả truyện “Kiều Tân thời” mà tôi đã nói ở một trong những chương đầu loạt bài này ! Viết mục “phim” Thiên Hạ Sự, Bạch Điện tỏ ra một tài hoa dớ dẩn, quê mùa nhưng ngộ nghĩnh. Đồng thời cũng vào thời kỳ này, người ta không thể quên được rằng Văn Tuyên, tức Dubrier Marcel, chủ nhiệm báo “Liên Hiệp” đã làm được một công việc chưa ai làm về phương diện trào phúng: chêm vào mục “Bàn cờ thế giới”, tức là mục bàn về chuyện năm châu, liên

quan đến các biến chuyển quốc tế một tinh thần ; một giọng văn trào phúng, cợt cười, vui vẻ.

Chính Văn Tuyên này, tức Soubrier Marcel là người mà lúc Pháp trở lại Đông Dương, sau thế chiến thứ nhì, mỗi ngày đã viết một bài bình luận trên đài Phát thanh Tự do nói vào buổi tối, bình luận đâu ra đấy nhưng làm cho người Việt Nam nghe thấy phát tức nổ ruột, muốn đập bể máy radiô vì trong bài nào anh cũng xen vào những lời nhạo báng, giễu cợt, xỏ xiên rất ư phản động, nhưng chết một nỗi lại có duyên thành thử ra thánh giả tức muốn điên ruột mà cứ phải nghe cho đến hết.

Mặt khác, ngoài báo chí, văn trào phúng hoạt kê vào thời kỳ này còn phát triển trên nhiều phương diện khác. Thứ nhất là trong ngành xuất bản. Ở Hà Nội,

nhà xuất bản lớn nhất lúc đó là Văn Hồng Thịnh ở 112 phố Hàng Bông, lấy tên là nhà xuất bản “Ngày Mai”, in đủ các loại sách, từ sách diễn ca như « Thạch Sanh », « Tống Chân », « Phạm Công Cúc Hoa » đến tiểu thuyết, sách giáo khoa, sách nhi đồng... nhưng theo chỗ biết của tôi – vì tôi có cộng tác với nhà xuất bản « Ngày Mai » của Đỗ Văn Hồng và « Cây Thông » của em Hồng là Đỗ Văn Giao thì sách in bán chạy nhất lúc đó lại cũng vẫn là những sách vui cười, giễu cợt hay phúng thế. Trong các sách này, tôi còn nhớ có những cuốn vui nhộn như « Ba Giai Tú Xuất », « Trạng Quỳnh », « Tiểu Lâm Việt Nam », « Trạng Lợn » và những cuốn dễ đọc, nhắm mục đích tiêu sấu như « Thánh Địa lý Tả Ao », « Chuột sa chĩnh gạo ».

Sau hết, cũng nên ghi thêm một điểm

này nữa : là không có lúc nào những bài hát nhái có tính cách trào lộng phổ biến rộng rãi như lúc này. Ở ngoài đường, trong quán rượu, ở tiệm cà phê, đâu đâu người ta cũng nghe thấy trẻ nhỏ – và cả người lớn lên cơn nữa – hát lên những câu như :

Con chó xồm cắn con chó lài...

hay :

Giò này giò nóng

Ai muốn mua thì xin cứ...

đồng thời với những câu đồng dao tỏ nỗi uất hận đối với Pháp thực dân làm cho đồng bào ta cơ khổ :

Con cò mà đậu cành tre,

Thằng Tây bắn súng cò què một chân

*Hôm sau ra chợ Đồng Xuân,
Chú khách mới hỏi sao chân cò què
Cò rằng có đứng bụi tre...*

hay :

*Cao xu xanh tốt lạ đời,
Mỗi cây là một xác người công nhân*

hay nói về sự hợp tác với Pháp :

*Tậu voi chung với đức ông,
Vừa phải đánh công, vừa phải hốt phân*
hay chế giễu người đàn bà con gái vì
đồng tiền bán rẻ thân xác cho Tây :

*Hỡi cô yếm thắm hoa tầm,
Chồng cô đi lính cô nằm với ai ?
Cô đẻ thằng bé con trai,
Chồng về chồng hỏi « con ai thế này ? »*

*Quần lĩnh bông, dây lưng rút hỏa hoàng
(?)*

*Ngồi trên lầu ngó xuống tựa như nàng
cảnh tiên...*

Một mai bóng xế, trăng nghiêng,

Tây về xứ hắc, ôm duyên chờ già.

Hết đồ ăn bận vô ra,

Còn chi trang điểm phấn hoa lược cài.

Không biết làm cách gì để tiêu pha những ngày tháng buồn rầu trước cảnh hỗn loạn của phong hóa, đối trụy của luân lý, một số nhà văn trào phúng lại học lại Hồ Xuân Hương trước tác những thơ văn ví cuộc đời lúc ấy như « cái giống » và nhân tình thế sự như một cuộc « làm ái tình giữa đàn bà với đàn ông ».

Trong những thơ đó, có những bài không tiện chép ra đây như « Bài phú Bất lực » chẳng hạn, nhưng có những bài rất thanh nhã nhưng nói một hiểu hai :

ĐÁNH GIẶC ĐÊM

Nửa đêm giờ Tí trông canh ba

Vác súng lên thành tháo lũy ra.

Một tướng xông vào trong cửa ải,

Hai quân lăn lóc bãi san hà.

Quân ta giao chiến cùng quân nó,

Nước nó giao hòa với nước ta.

Đánh giặc xong rồi lau khí giới,

Thu binh hồi trại xếp can qua.

ĐÁ GÀ

Vui xuân nhằm tiết mồng ba,
Ông bà cao hứng vác gà đá chơi.
Gà ông ngóng cổ gáy hơi,
Gà bà thủ bộ đợi thời gà ông.
Gà ông chém trúng cạnh mông,
Gà bà nổi giận ngậm cần gà ông.
Đá nhau một chập ước lông,
Gà bà trúng cựa, gà ông gục cần.

VỊNH LÃO TƯỚNG QUÂN VỢT ⁸

Càng già càng dẻo lại càng dai,
Lão tướng ra quân chẳng kém trai.

⁸ Có người bảo bài thơ này của ông Hương Thủy.

Đấu mấy hiệp liền không đuổi sức,
Tranh ba ngày tiếp chữa mòn hơi.
Khi mau, khi chậm, khi mơn ngẩn,
Lúc xuống lúc lên lúc thọc dài.
Gác lại gác qua phô đủ kiểu,
Mòn lông banh nỉ lão còn chơi.
Mòn lông banh nỉ lão còn chơi,
Cân sức cho nên chẳng dám loi.
Chống đỡ gay go trào bọt mép,
Cò cưa dai dẳng toát mồ hôi.
Chơi trưa chưa phải còn chơi tối,
Đánh chiếc xong rồi lại đánh đôi.
Phút chốc mưa đầu tuôn xối xả,
Cuộc vui hào hứng tạm ngưng rồi.

*Cuộc vui hào hứng tạm ngưng rồi,
Chốc nữa lau khô lão lại chơi.
Biểu diễn sân quen hay đáo để,
Nấn dôi banh mới sướng mê tơi.
Người trên ập xuống pheù phào thỏ,
Kẻ dưới nâng lên khúc khích cười.
Đối thủ gặp nhau mùa nắng cực,
Quần lâu thấm mệt ngã lăn nhoài.*

Ngoài những bài thơ trào phúng đăng báo hoặc truyền khẩu, trong suốt thời kỳ này không có một tờ báo hoàn toàn trào phúng nào ra đời. Phải đợi mãi đến tháng sáu tháng bảy gì đó năm 1954

– nghĩa là trước khi có cuộc di cư vào trong Nam – người ta mới thấy một tờ báo nhỏ, bốn trang, tên là « Vịt » chào đời. Người ta bảo rằng báo ấy là của các tay đàn em của Tổng trấn Nguyễn Hữu Trí đưa ra để phục vụ chánh trị của « đảng ta », nhưng lúc ấy chánh quyền Việt Nam đang đi “chuyến tàu vét” tiền cạn mất rồi nên chỉ ra được năm sáu số gì đó thì báo « Vịt » lìm lìm rồi « đi đứt », không ai buồn để ý. Ngay lúc báo này ra, số người đoái tình đọc đến cũng không nhiều, một phần vì lúc ấy người ta lo bán nhà bán cửa để đi, còn bụng dạ nào mà cười cợt vui đùa nữa, một mặt cũng vì báo “Vịt” viết văn trào phúng kém, chửi ai thì đào ông bới cha người ta lên, không tế nhị trái lại lại cục cằn, không lịch sự trái lại lại nói giọng cà lơ, mất dạy, không vì công ích trái lại lại lo hạ cá nhân khác xuống để « công kêêng

» người của « đảng ta » lên... Báo « Vịt »
chết một cách tủ nhục không được ai
nói tới.

(Kỳ tới : Có bao nhiêu thứ trào ? và
những « cây cười » tiền chiến ưa « trào
» nào ?)

VŨ BẰNG

Lý Minh

Thơ

Ngộ

*Ôi dịu dàng hai bàn tay bỗng có
vạn cánh hoa làm da thịt như không
ta trải nệm bằng lá non xối máu
tự trời cao tự đỉnh nguyệt đêm đêm
rồi nhồm dậy ta cười gần : linh diệu
ngồi bên em cây cỏ vẫn tọa thiền*

*và hiển hiện một vì sao bé nhỏ
rụng vỡ òa trên mái tóc duyên thơm.*

Lửa vô vi

*Đêm về trên cỏi lênh đênh
thác xa còn đổ xuống niềm chia ly
rời nguôi tàn lửa vô vi
sầu tôi đo giáp bốn bề trầm luân.*

Nguyễn Đình Toàn

Tro than

truyện dài (tiếp theo)

Hai đứa trẻ đứng ngây người, không đứa nào nói gì cả. Tôi nói:

– Cảnh, Thứ không đứa nào mừng chị về à?

Hai đứa nhin tôi một lần, dường như để làm quen lại sau mấy năm xa cách. Trong tâm trí có lẽ chúng nghĩ rằng sẽ chẳng bao giờ tôi còn về nữa. Hoặc tên

tôi không còn được nhắc tới trong nhà
nên chúng cũng quên luôn.

Chúng nhìn tôi và cả hai đều nhoẻn
miệng cười.

Nụ cười của chúng tựa những giọt
nước mát tưới trên sự khô héo, bỏng rát
của tôi từ lúc trở lại nhà.

Những nụ cười ấy giống như sự tha
thứ đầu tiên tôi nhận được, dầu sao tôi
vẫn có mặc cảm đã phạm tội.

Tôi quay sang nhìn dì tôi. Sự thay
đổi của bà làm tôi sửng sốt. Bà đã cắt tóc
ngắn kiểu con trai, mái tóc nhuộm đen
nhánh, chải uốn cầu kỳ, đeo lông mi giả,
mặt mũi son phấn kỹ lưỡng. Trông bà
đẹp, trẻ ra và lạ hoắc. Bà mặc quần tây
đen, áo thun vàng, sức nước hoa thơm
ngát, chân đi hài đen nhận hạt cườm óng

ánh. Cách ăn mặc, trang điểm, sự trẻ trung, khoẻ mạnh của bà, có liên quan gì đến những giọt nước mắt ba tôi vừa khóc?

Hình như trước khi đi, tôi đã linh cảm một điều gì đó, không rõ ràng, nhưng có nghĩa gần giống như là sự cùng quần của bà và cả tôi nữa. Nhưng tôi không hề mừng tượng đến một sự đổ thay của bà như tôi đang nhìn thấy đây. Bà làm tôi ngạc nhiên nhưng lại có vẻ là một sự ngạc nhiên tôi đã biết trước.

Tôi nói với bà:

– Thừa má con mới về.

Bà chờ tới lúc tôi nói câu đó mới mở to mắt nhìn tôi. Tôi không dám nhìn thẳng vào mắt bà. Thứ nhất, tôi cảm thấy như vậy có vẻ xấu quá. Thứ hai, tôi

vẫn mang nặng mặc cảm rằng mình có lỗi. Bà cũng có vẻ ngạc nhiên về sự trở về của tôi. Tôi đã bỏ đi không cần đến sự đồng ý hay không của bà. Trong những năm sau đấy tôi cũng không hề có một sự liên lạc nào về nhà, không nhận một sự trợ giúp nào của gia đình, hay nói thẳng ra là sự trợ giúp nào của bà. Thành thử, có lẽ bà nghĩ rằng, tôi đi, ở, hay trở lại, bà cũng chẳng có quyền hành gì đối với tôi cả. Tôi đã làm gì trong mấy năm qua, xấu tốt ra sao? Và tôi trở về đây với tư cách một người thế nào?

Dẫu sao, tôi cũng phải chờ bà nói ra mới có thể phỏng đoán bà nghĩ gì.

Bà đứng phắt dậy, đi lại phía chiếc tủ đựng tách chén, đứng xây lưng lại phía tôi bảo:

– Chị thưa gửi tôi làm gì. Đây là

nhà chị, chị muốn đi hay về tùy ý. Tôi có quyền gì đâu.

Cả những câu bà vừa nói ra đó, tôi không dự đoán được những chi tiết, nhưng cũng không làm tôi ngạc nhiên, vì hình như đó cũng là điều tôi đã biết trước.

Tôi lấy giọng dịu dàng nói với bà:

– Con đã xin với dì và ba, cho con đi học thêm ít lâu.

Đây là lần thứ nhất tôi kêu bà bằng “dì”. Tiếng gọi tình cờ thốt ra khỏi miệng đó, mắc ngang ngay cổ họng tôi, và tôi hiểu rằng đó, từ đây về sau tôi không còn gọi khác được nữa. Thôi cũng được. Bằng cách xưng hô ấy, tôi xác định vị trí của bà và của tôi trong nhà, có thể còn dễ cư xử với nhau hơn.

Bà nói:

– Phải, như thế dễ quá. Chị cứ lo việc chị, còn bao nhiêu phó mặc cho người khác là xong.

Bà có vẻ giận, hai vai rung lên.

Tự nhiên tôi thấy buồn nản. Một nỗi chua xót, băng khuâng, thấm ngấm khắp người, không còn muốn phản ứng gì nữa.

Tôi nói:

– Thưa dì, con biết lỗi. Con cũng đã nói, con trông cậy ở dì. Từ giờ, may ra con sẽ giúp được các em con.

Tôi tưởng lòng tôi dừng dừng, vậy mà giọng tôi lại nghẹn ngào. Tôi còn muốn nói, tôi sẽ cố gắng chăm lo việc học hành cho hai đứa nhỏ, không phải

chỉ như một bốn phận và đúng với nghề tôi đã chọn mà còn như một cách trả ơn bà nữa. Nhưng làm sao tôi có thể nói ra những điều ấy, thứ nhất lại nói ra như một lời hứa, vào lúc này?

Bà nói:

– Đây là việc giữa chị và bố chị. Nếu ông không trách thì thôi, tôi trách chị sao được.

Giọng bà đầy vẻ giận hờn, cay đắng cố nén, nghe chói tai. Nhưng nghĩ lại, tôi cũng thấy thương bà. Bà đã phải lo liệu cho cả cái gia đình này, cái việc mà khi tôi bỏ đi, tôi biết rằng, giá tôi có ở lại, tôi cũng không làm nổi. Nhưng, bà đã làm gì để được như thế? Tôi bỗng nghe rờn rợn khắp người.

Tôi vẫn phải giữ giọng bình tĩnh, nói với bà:

– Mọi việc dầu sao cũng đã như vậy. Con về đây là con muốn được ở nhà. Nếu dì không muốn thế thì con khó ở lại.

Bà quay lại phía tôi, nhếch miệng cười chua chát, bảo:

– Tôi không ghét bỏ gì chị. Nhưng đối với chị, tôi cũng chẳng là cái gì. Chị đi, về, xin phép tôi như một kiểu cách. Tôi bằng lòng hay không, chị vẫn xử sự như ý chị, đúng không? Vậy, cái việc xin phép của chị thà đừng có cho xong.

Quả thật những điều trách móc của bà đối với tôi không oan. Nhưng còn biết làm thế nào đây? Tôi nói:

– Con xin dì bỏ qua chuyện ấy.

– Để nhớ rằng chị đã về đây, vừa ý thì chị ở lại, không thì chị lại đi nữa, phải không?

Tôi thấy giọng bà mỗi lúc thêm gay gắt. Suốt một ngày đi đường mệt nhọc, bây giờ lại phải chịu những lời day nghiến của bà, tôi thấy hai thái dương đau buốt, người muốn lả đi và đầu óc muốn tối sầm.

Bà muốn đẩy câu chuyện tới cùng một lần [giá không đúng như vậy] và điều này làm tôi sợ. Nếu bà không muốn tôi ở lại đây, chắc tôi sẽ phải đi thôi. Tôi không muốn đi. Trong những ngày theo học, sống lủi thủi một mình, tôi nhận ra tôi cần có một gia đình, một gia đình đổ nát còn hơn không. Đêm đêm ngồi học, thức dậy lúc nửa khuya, nhìn bóng mình chập chờn trên vách, nghe tiếng gió khua động quanh quẩn, tiếng chó sủa, tiếng côn trùng râm ran, mỗi thứ tiếng gõ thêm mãi vào nỗi lẻ loi, làm cho đời sống trở nên mất dần ý nghĩa, đời

sống trở nên lỏng lẻo, nhẹ hẫng, xúi giục cho thấy chẳng cần đến một sự cố gắng nào nữa. Cố gắng để làm gì? Nếu chỉ có một đời để sống thì sống sao chẳng được? Cũng may đó chỉ là những cảm nghĩ thoáng qua trong lúc chán nản, mềm yếu, rồi tôi vẫn tin rằng, tôi có thể làm cho đời mình khá hơn, rằng dầu sao, việc làm của tôi vẫn có ý nghĩa.

Tôi chưa muốn đẩy một lúc với bà cái chuyện đi hay ở của tôi đến cùng, ngay bây giờ, bởi vì xét ra, nếu chậm chậm được càng hay. Mặt khác, tôi cũng có quyền ở lại chứ. Bà không có quyền đuổi tôi đi, dù chỉ đuổi bằng cách làm tôi khó chịu. Tuy nhiên, nếu cả hai cùng cứng rắn trong việc lựa chọn thái độ, không khí sẽ khó thở. Tôi phải làm thế nào ở lại được [còn ba tôi nữa mà] và phải trong tình cảnh có thể chịu đựng được, nghĩa

là đừng có cái gì gay gắt quá.

Tôi nói:

– Con làm dì khó chịu. Nhưng thật tâm con mong được dì thương. Con xin dì tạm gác mọi sự bức mình cho con ở lại một thời gian. Nếu việc ở lại của con sau đó không đem lại hòa khí trong gia đình, con xin đi chỗ khác.

Bà im lặng sau câu nói của tôi. Nhưng tôi có cảm tưởng không phải bà thử xem đề nghị của tôi có chấp thuận được chăng mà chỉ là để cho cơn bức bối trong người bà dịu xuống.

Một lát bà nói:

– Chị nói thế có khác gì chị cho là tôi rắp tâm không muốn chị ở đây.

– Con không nghĩ thế.

– Tôi đóng cái vai trò gì trong nhà này đối với chị? Khi còn bé chị còn chẳng nghe tôi, bây giờ tôi nói gì với chị được.

– Nhưng thưa dì, con tự nghĩ con không làm việc gì quá đáng cả.

– Chị đã nói thì tôi cũng nói luôn một lượt tất cả những gì liên quan đến chị và tôi cho rồi.

– Vâng, nếu dì thấy cần nói hết, dì cứ nói, con xin nghe.

Hai đứa nhỏ thấy mẹ và tôi nói chuyện với nhau một cách không mấy êm thấm, có vẻ sợ. Chúng nhón nhác nhìn hết người nọ đến người kia. Tôi cũng thấy xúc động phải đứng vịn tay vào thành ghế. Tôi chờ xem bà nói gì. Có lẽ dù tôi không muốn, chúng tôi vẫn phải giải quyết mọi chuyện một lần lúc này hay

lúc khác. Thật tình tôi cũng hoảng sợ. Tôi không đoán trước bà sẽ nói ra những gì. Một tiếng nói giữa chúng tôi bây giờ chỉ có thể là dấu hiệu của sự đổ vỡ thêm. Để nguyên như cũ tôi còn không biết tìm cách nào sửa chữa, hỏng thêm nữa thì kể như hư hết bột hết đường rồi.

Đúng vào lúc cả hai chúng tôi cùng lúng túng đó thì ba tôi ở trên gác xuống. Có lẽ ông đã nghe hết những gì chúng tôi vừa nói với nhau. Ông xuống để tạm dẹp cuộc cãi vã.

Nghe tiếng chân ba tôi xuống thang, dì ngồi phịch trở lại xuống ghế. Ba tôi tới và bảo:

– Con nó mới đi về, mệt. Bà hãy để cho nó nghỉ ngơi một đêm. Mai muốn nói gì hãy nói. Hai đứa bé đi ngủ đi.

Hai đứa nhỏ lúi lũi đi vào trong nhà.
Dì tôi không nói gì nữa.

Ba tôi nói với tôi:

– Đi tắm rửa, thay đồ, xem có gì ăn
thì ăn đi.

Tôi muốn nói với ba tôi là tôi xin
đứng lại để nghe dì nói hết mọi chuyện
và trước mặt ba tôi. Việc có lẽ chúng tôi
phải giải quyết tay ba một lần như thế
mới mong dứt khoát được.

Nhưng quả thật tôi mệt quá. Một
ngày đi đường cộng với tinh thần căng
thẳng từ chiều đến giờ khiến tôi muốn là
người và cũng muốn ngừng câu chuyện
ở đó. Hơn nữa, nhìn vẻ mặt dì, vẻ mặt
ba tôi, tôi linh cảm có một điều gì đó đã
xảy ra trong nhà, tôi phải biết rõ trước
rồi hãy hay.

Ba tôi nói với dì:

– Bà lên trên gác tôi bảo cái này.

Dì tôi không nói gì. Tôi cúi xuống xách chiếc va-li của mình đi vào nhà sau. Tôi kiểm chỗ để quần áo.

Mồ hôi ướt rịn trên lưng, chân tay dính nhớp nháp bụi bặm.

Hai đứa trẻ đã nằm im trong giường.

Chiếc đi-văng nhỏ của tôi ngày xưa tôi thấy kê ở gần bếp, sát với cánh cửa nhỏ ra vào phía sau nhà. Đêm nay, chắc tôi hãy tạm ngủ ở đó. Tôi lật mặt chiếc đi-văng lên, cất quần áo bên dưới, rồi đập lại. Ngày xưa nhà chật, ba tôi đã biến chế nó thành cái hòm luôn.

Tôi vào phòng tắm tắm rửa, nghe đầu óc lảo đảo như say sóng. Nước chảy ào ào

và tôi không rõ ba tôi và dì tôi đã lên gác chưa hay còn ngồi ở phòng khách. Tôi để mặc cho nước chảy ướt hết đầu tóc, chà xà-bông gội đầu, kỳ cọ. Nước mát và sự tắm rửa sạch sẽ làm cho thấy dần dần da thịt. Lúc ngửa mặt cho nước xối, tôi thấy hai mắt cay xót, muốn khóc. Tôi muốn cho nước chảy phẳng luôn nước mắt đi, không muốn thấy mình khóc. Tôi đói bụng nhưng nghĩ phải đi lục đồ để ăn lại ngại, nên nhịn luôn.

Thay quần áo xong, soi mặt chải đầu trong gương, những sợi tóc ướt dính còn chảy nước xuống ngực áo, một lần nữa lại làm tôi muốn khóc. Tôi cố ngăn xúc động, ra ngoài kiếm nước uống, tìm mùng giăng để ngủ. Một lát sau tôi cũng thấy dì tôi xuống tắm và sau đó bà lên gác. Tôi không biết hai đứa nhỏ đã ngủ chưa. Tôi muốn lại gần mùng nhìn xem có đứa

nào còn thức. Nghĩ vậy, nhưng tôi không trở dậy. Hai đứa có lẽ một đứa đã học tới lớp nhất và một đứa lớp ba hay lớp nhì rồi. Không hiểu chúng có học đúng lớp như vậy chẳng? Khuya, tôi vẫn không ngủ được. Nằm trong mùng tôi ngửi thấy mùi tanh của những đồ dùng bằng nhôm, bằng sắt, nồi niêu soong chảo, mùi dầu hôi, rác rưởi, những mùi quen thuộc của nhà bếp, tiếng lạch cạch của mấy con chuột lục lọi trong cầu rửa, nóc trạn. Tối cố lắng tai nghe nhưng chỗ tôi nằm xa quá không nghe thấy tiếng ba tôi và dì tôi. Trong khu xóm vẫn còn những tiếng động của các người thức khuya, tiếng gáo va chạm vào chum nước, tiếng xối nước, tiếng mấy con chó ủa ủa đuổi nhau trên lối sát vách cổng sau. Tôi không biết rõ mình vui hay buồn nữa. Trên mái tôn, tiếng gió cuốn những hạt sạn bay rào rào, tiếng những que, gậy,

nút chai, trẻ con nghịch vút trên đó bị gió thổi lật, kéo lê, những tiếng khua động âm thầm muốn làm thức dậy những kỷ niệm, quá khứ tưởng đã quên hết. Tôi thấy hồn tôi giống như cái mái nhà trơ trụi, chảy xuôi hết nắng mưa. Hai mươi hai tuổi, tôi chưa bao giờ có đủ can đảm nhìn ngắm mình trong gương, nhìn ngắm như một kẻ có tuổi trẻ, có một đời riêng, một nhan sắc, để ánh chùng hạnh phúc của mình sau này. Sự buồn thảm, nghèo khổ đã bao phủ lấy tôi như cái bóng đèn chụp ngoài ngọn lửa, tôi phải xua đuổi mỗi khi chúng lớn vờn trong óc. Có lẽ, thật ra, tôi chẳng lấy gì làm xinh đẹp. Nhan sắc của một người con gái, có phải, chỉ đúng thật trước mắt người tình của y? Tôi chưa có người tình, nên chưa biết rõ mặt mũi mình ra sao trong mắt nhìn của tấm gương đích thực đó. Trong suốt mấy năm đại học, tôi cũng chẳng

được một người bạn học nào tán tỉnh. Có lẽ cũng tại tôi làm họ thất vọng trước khi có ý theo đuổi tôi. Bởi vì, mỗi khi nghĩ đến việc phải đi chơi với nhau, tôi lấy đâu ra quần áo đẹp để mặc? Nghĩ thế thôi, tôi đủ trở nên khó thương trước mắt họ.

Và, từ lúc vào cho đến lúc ra trường, tôi đã học, đã sống như một cái bóng giữa đám người tươi trẻ, ồn ào và đầy hy vọng đó.

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

(còn tiếp)

Thi Trạch

Ôm đồm

ừ ngày bộ Văn Hóa được Mai (Mai Thế Truyền) tiên sinh trông coi, việc văn hóa bỗng mang tính cách tà tà, nhàn cư rất mực. Một lần, Bộ có đem sách vở và băng nhạc sang Tây triển lãm. Chuyển đi đây tính cách văn chương nghệ thuật. Nhưng có tờ nhật báo cử đề quyết rằng nó cũng chẳng hơn gì một vụ buôn lậu, chuyển ngân thường tình. Nếu Mai tiên sinh chẳng chấm mút gì, ấy là bởi cụ liêm khiết và già, còn ông

nhạc sĩ và hai ông công cán kia thì thật đáng nghi lắm.

Mọi vụ lem nhem trên đất nước ta đều có một cái kết luận ngắn và gọn : chìm xuống. Bốn năm va-li bạc kích thước công kênh, tiếng tăm vang dội, một sớm một chiều cũng tan như mây khói, chẳng để lại dấu vết. Chút tiền Phật-lăng còm, nếu các nhà văn hóa của ta có lỗ kiếm chác được, thì âu cũng là chút hương thơm nở bất ngờ nơi đầu cành cây văn hóa, lý tới mà chi.

Nhưng Mai tiên sinh có tấm lòng khảng khái. Bị công kích, tiên sinh phải trả lời cho rõ trắng đen. Nước nhà có cái Tivi, thôi thì ta lại làm một quả « Người dân muốn biết ». Trong lần xuất hiện đó, tiên sinh có kể thành tích của Bộ Văn hóa là đã tổ chức được một cuộc thi y phục phụ nữ và một cuộc thi nấu ăn. Nếu cứ

nhất định theo đường văn hóa mà phát ngôn thì đây là nền văn hóa nữ công gia chánh vậy. Bên cạnh áo quần đàn bà và các món xào nấu thơm tho còn có món sách dịch cũng được khuyến khích.

Quả nhiên bây giờ Bộ Văn Hóa có lập ra một cái giải thưởng sách dịch. Xét trên khía cạnh văn hóa, sách dịch thế là được ưu đãi lắm lắm. Quần áo phụ nữ có giải đầu tiên. Hạng nhì là các món ăn, và thứ ba đã tới sách dịch sắp được ăn giải rồi. Vị trí vinh hạnh đó, các ngành văn hóa khác ao ước từ lâu mà nào có được...

Bởi thế, nhiều dịch giả vội vã đem tác phẩm của mình tới Bộ nộp bài. Nhân viên của Bộ ngơ ngác một hồi rồi cười cười :

– Chúng tôi loan báo vậy đó, nhưng

vì chưa kịp soạn thảo điều lệ cuộc thi nên xin quý vị mang sách về.

Thật nghe cứ vui như con nít nói chuyện với nhau vậy. Có ông dịch giả chờ bốn ngày, hy vọng kịch liệt rằng trong thời gian đó cái điều lệ cứu tinh dân tộc sẽ kịp khai sinh, nhưng khi ông ta tới Bộ lần thứ hai, giới hữu trách vẫn cười cười.

Xét cái thông cáo Bộ đã cho phổ biến, người ta có cảm tưởng Bộ làm việc có qui mô lắm. Bởi vì, chỉ một câu văn ngắn của thông cáo đã đẻ ra được nhiều vấn đề vĩ đại.

Bộ đòi phát giải cho các tác phẩm dịch thuật in từ năm 1954 đến nay. Mười sáu năm rồi, dù cái nền dịch thuật của ta có tồi tàn, tan nát đến đâu, nó cũng đã cho ra đời một số dịch phẩm đông

đảo đáng ngại. Mười lăm năm đã đủ cho cuộc đời nàng Kiều tan tành xí quách, đến nỗi, khi tái hồi chỉ còn cho Kim Trọng được một chữ Trinh giả vờ. Lẽ nào một người biết tính toán lại không thấy trước cái núi dịch phẩm chờ mình trước mắt.

Bộ ta lại đòi dịch giả gửi theo tác phẩm dự thi các nguyên bản để tiện việc chấm điểm. Điều kiện này cũng ngộ nghĩnh như vụ bắt họa sĩ thi tranh phải vẽ đủ 4 bản cho mỗi ông giám khảo chấm một bản, nhưng rắc rối hơn. Có người dịch dựa theo hai ba bản ngoại ngữ. Lại có những tuyển tập truyện ngắn dịch hàng chục tác phẩm của các tác giả khác nhau. Một dịch phẩm kèm theo hai ba chục cuốn nguyên bản ! Nếu giới dịch giả sốt sắng tham dự với số tác phẩm và nguyên bản khổng lồ kèm theo như thế

thì có lẽ Bộ ta phải đợi Thư viện Quốc gia xây xong mới đủ chỗ chứa.

Những giám khảo nào sẽ chấm giải dịch thuật ? Ai có đủ khả năng và ngày giờ để đọc cho hết cái núi sách ấy, lại còn phải dò theo nguyên bản coi thiên hạ có dịch cương không ? Giả thử như học giả Nguyễn Hiến Lê muốn đùa dai Bộ Văn hóa, ông Lê chỉ cần gửi tới nguyên con một bộ « Chiến tranh và Hòa bình », ấy thế là các giám khảo sẽ đọc đến Tết, nếu thật sự muốn làm ăn đúng đắn, nghiêm chỉnh.

Ra thông cáo tổ chức giải văn chương, lúc người ta đem tác phẩm đến dự thì đuổi về, bảo là chờ thảo xong điều lệ cái đã. Sự luộm thuộm lộ ngay ra ở mức khởi hành. Vậy mà Bộ lại muốn chấm các dịch phẩm của suốt 16 năm trời.

Muốn đủ thời giờ để hoàn tất
nghiên chỉnh một công tác đồ sộ như
vậy, Mai tiên sinh phải có số thọ lắm.

THI TRẠCH

(*) Bài trích mục «Tập ghi », nhật
báo «Tiền Tuyến » số 1.622, ra ngày 4
tháng 9 năm 1970.

CHÚC MỪNG

Được tin hôn lễ cử hành tại Di
Linh ngày 27-9-70 chúng tôi chân
thành chúc mừng

Cù Nguyễn NGUYỄN NIỆM

và PHẠM THỊ PHI

được miên trường hạnh phúc.

Võ Phiến. Lý Minh. Nguyễn Phước.

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC

*** Cô Trần Thị Nhã, Huế, hỏi :**

1) Do điển tích chi mà chữ « tiểu đăng khoa » dùng để ám chỉ việc thành lập gia thất của nam nữ ?

2) Cà dao có câu « ... thắt lưng cho dòn mà lấy chồng quan ». Hai tiếng « thắt lưng » đó có liên lạc chi với từ ngữ « thắt lưng buộc bụng » không. Chữ « dòn » (đẹp) có phải là tiếng địa phương?

3) Câu « Vũ vô kiếm tỏa năng lưu khách » có nghĩa chi ? Câu này trong bài thơ mô ? Xin ông cho biết trọn bài.

(thư ngày 12 tháng 7 năm 1970)

– Trả lời :

1) Tiểu đẳng khoa : cưới vợ ; Đại đẳng khoa : thi đỗ. Chúng tôi không tìm ra nguyên ủy hai từ ngữ này.

2) Thất lưng buộc bụng = dây lưng buộc chặt lại, để tiện làm mọi công việc khó nhọc; nghĩa bóng là tần tiện, khắc khổ.

Thất lưng cho đòn = đòn, tiếng miền Bắc có nghĩa duyên dáng : dây lưng thất cho nổi bật những đường cong.

3) « Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách » nghĩa là : mưa không kìm cặp mà lưu được khách ở lại. Đây là một vế đối thầy đồ ra cho học trò. Học trò là ông Nguyễn Giản Thanh (sau đỗ Trạng) đối : « Sắc bắc ba đào dị nịch nhân ». (Sắc đẹp không có sóng lớn mà dễ làm đắm người).

*** Hoa Tiên Cư-sĩ, Long Thành, hỏi:**

Xin cho biết tác giả 4 câu thơ dưới đây (...) và nếu tiện, xin cho nguyên bài.

(thư ngày 24 tháng 3 năm 1970)

– Trả lời :

Bốn câu thơ chép trong thư ông, chúng tôi tìm thấy trong bài « Học trò dòm trộm » của Hồ Xuân Hương, sau đây là nguyên bản :

HỌC TRÒ DÒM TRỘM

Mùa hè hây hây gió nồm đông,

Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng

Lược trúc biếng cài trên mái tóc

Yếm đào trễ xuống dưới lưng ong

Đôi gỏ Bồng-đảo sương còn ngậm

*Một lạch Đào-nguyên suối chứa
thông*

Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt

Đi thì cũng dở, ở không xong.

Về bài ca ông hỏi trong thư, chúng tôi chưa tìm ra xuất xứ. Chúng tôi đã nhờ mấy vị học giả người miền Nam tìm giúp, nếu kiếm được, chúng tôi sẽ xin giải đáp hầu ông sau...

*** Thu Thủy, Chợ Lớn, hỏi:**

Xin ông cho biết các chi tiết về « dãy phố buồn hiu » ?

(thư ngày 4 tháng 9 năm 1970)

– Trả lời :

Trong cuộc hành quân Atlante tại vùng duyên hải Bắc Trung-phần, quân đội viễn chinh Pháp đã gọi khu vực hành quân là « dãy phố buồn hiu » (rue sans joie). Ký giả quốc tế tài danh quá cố Bernard Fall đã viết một tác phẩm về cuộc chiến tại vùng đó.

*** Cô Trần Thị Hai, Bạc Liêu, hỏi :**

1) Nhụy hoa, viết chữ nhụy đúng, hay chữ nhị đúng ?

2) Thư Trung là ai ?

(thư ngày 4 tháng 9 năm 1970)

– Trả lời :

1) Nhụy là bộ phận truyền giống của

hoa. Viết nhụy là đúng. Nhị là chữ đọc sai trệch của nhụy.

2) Thư Trung là bút hiệu chung của Tòa soạn VĂN. « Mục « Tin văn văn » cũng như « Giải đáp thắc mắc » là do nhiều người phụ trách.

*** Nguyễn Thanh Phương, Nha Trang, hỏi :**

Xin ông vui lòng giải nghĩa và cho biết xuất xứ 2 câu thơ :

1. « Thanh sơn tự tiểu đầu tương hạc,
Thương hải thùy tri ngã diệc âu ? »

2. « Đeo vòng thư kiếm, quyết xoay
bạch ốc lại lâu đài,

Gánh vác giang sơn, quyết ném
thanh khâm sang cấm tú ».

3) Bài thơ nào có thể nói là mở đầu cho phong trào thơ mới ở nước mình và xin ông chép cho bài thơ ấy.

(thư ngày 13 tháng 9 năm 1970)

– Trả lời :

1) Hai câu trên của Nguyễn Khuyến, có nghĩa : Núi xanh tự cười đầu bạc, Biển xanh ai biết ta cũng như chim âu. « Hạc = tuổi già ; Âu = ẩn dật).

2) Hai câu dưới tìm thấy trong đoạn chót bài « Tài tử đa cùng phú » của Cao Bá Quát :

« Bài phú Dương Hùng dầu nghiệm-tá, thì xin tổng cùng-thần ra miền Đông-hải, để ta đeo vòng thư-kiểm, quyết xoay bạch-ốc lại lâu-đài.

« Câu văn Hàn Dũ phỏng thiêng

chăng, thì hãy tổng cùng-quỷ ra đất Côn-lôn, để ta gánh-vác giang-sơn, quyết ném thanh-khâm sang cấm-tú ».

3) Cho tới nay, theo các nhà làm văn học sử, thì bài « Tình già » của Phan Khôi được coi như cái mốc mở đầu cho phong trào thơ mới ở nước ta. Sau đây là bài « Tình già», chép theo « Thi nhân Việt Nam » của Hoài Thanh và Hoài Chân, bản in do Thiều Quang xuất bản, Sài Gòn, 1967, tr-tr. 16-17:

TÌNH GIÀ

*Hai mươi bốn năm xưa, một đêm
vừa gió lại vừa mưa.*

*Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà
nhỏ, hai cái đầu xanh, kề nhau than thở :*

– « Ôi đôi ta, tình thương nhau thì
vẫn nặng, mà lấy nhau hẵn là không

đặng » ;

« Để đến nỗi tình trước phụ sau, chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau ! »

« Hay ! Nói mới bạc làm sao chớ !
Buông nhau làm sao cho nỡ ?

« Thương được chừng nào hay chừng
nấy, chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải
vậy ! »

« Ta là nhân ngãi, đâu có phải vợ
chồng mà tính việc thủy chung ? »

Hai mươi bốn năm sau, tình cờ đất
khách gặp nhau :

Đôi cái đầu đều bạc. Nếu chẳng quen
lung đố có nhìn ra được !

Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau
đi rồi! con mắt còn có đuôi.

(Bài thơ « Tình già » in lần đầu trên Phụ-nữ Tân-văn số 122, ngày 10 Mars năm 1932).

*** Vưu Ngọc Lan, Mỹ Tho, hỏi :**

1) Xin cho biết xuất xứ hai câu thơ (...) và nếu ngắn, xin ông chép giùm toàn bài ?

2) Quốc vụ khanh là gì ? Chức đó đó chỉ định hay được bầu ?

– Trả lời :

1) Đây là nguyên văn bài thơ trong có hai câu bạn hỏi :

Ồi Thị Bằng ơi, đã mất rồi

Ồi tình, ỏi nghĩa, ỏi duyên ơi

Mưa hè nắng chải oanh ăn nói

Sớm ngỗ trưa sân liễu đứng ngời

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng

Xếp tàn y lại để dành hơi

Mỗi tình muốn dứt càng thêm bận

Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi.

Bài trên có sách chép nhan đề là « Khóc Bằng Phi » và cho tác giả là Vua Tự Đức. Lại có sách chép tác giả là Nguyễn Gia Thiều, nhan đề là « Khóc Thị Bằng ». Theo ý chúng tôi, thuyết thứ hai vững hơn, vì vua không gọi phi là Thị Bằng, và lại, cùng vua cũng không có ngỗ.

2) Quốc vụ khanh : chức Tổng trưởng coi những việc trọng đại của các ông Tổng trưởng (Ministre d'Etat) và là chức chỉ định

*** Nguyễn Thiện Tâm, Mỹ-tho, hỏi:**

Nguyên tôi có một tập thơ, đã nhờ nhà văn viết lời giới thiệu xong. Nay tôi có ý định xuất bản, nhưng vốn không quen biết các nhà họa sĩ, vậy muốn trình bày phần bìa tôi phải làm sao ? Tôi có thể đến các quán vẽ quảng cáo ở Sài Gòn để nhờ họ được không ? Tác phẩm để lâu có hại cho việc sáng tác của mình không ?

– Trả lời :

Đề nghị bạn xem lại bài « Giải đáp Thắc mắc » đăng trên VĂN số 158, ngày 15-7-1970, tr-tr. 101-104. Bạn cũng nên xem thêm TÂN VĂN số đặc biệt về Xuất bản, số 16+17, tháng 8&9 năm 1969.

Về bìa sách, nên nhờ các họa sĩ trình bày thì hơn là giao cho các nhà vẽ quảng

cáo. Chúng tôi nghĩ là bạn có thể nhờ nhà in lo giúp bạn việc nhờ họa sĩ trình bày bìa.

Tác phẩm hoàn thành rồi, để lâu cũng có ảnh hưởng tới tinh lực sáng tạo của tác giả. Nhưng, trong hoàn cảnh bế tắc hiện tại của ngành xuất bản, nhất là thơ, thì bạn cũng không nên vội vã, – ngoại trừ trường hợp bạn giàu có thì « không thành vấn đề ».

*** Nhắn tin :**

Ông Nguyễn Vạn Lý, Tuy Hòa :

Vì bài giải đáp những thắc mắc của ông quá dài, không tiện đăng trong số này, mong ông đón coi trong kỳ tới.

* Truyện một cô gái Huế « cao số » đi « vòng vo » quanh những liên hệ với chồng con, cha mẹ, các em gái..., với cả những người tình cũ và mới.

* Tôi nằm xây lưng lại với chồng, tôi mở to đôi mắt,

tôi nhìn tôi trên vách

Tác phẩm sôi nổi nhất, đã từng thu hút hàng chục ngàn độc giả, của cây bút phụ nữ hàng đầu hiện nay :

TÚY HỒNG

Lần đầu in thành sách, do ĐÔNG NAI xuất bản và tổng phát hành trên toàn quốc.

Sách dày 448 trang – Giá chống-kiếm ước : 360 đồng.

tin văn văn

Triển lãm hội họa

Một cuộc triển lãm họa phẩm do Hội Văn hóa tỉnh Bình Định tổ chức, đã được khai mạc hồi 9 giờ sáng ngày 19 tháng 9. vừa qua, tại Trung tâm Văn hóa tỉnh Bình Định, Trung-phần.

Họa sĩ Phạm Đình Khương đã cho trưng bày 40 họa phẩm. Trong lời giới thiệu, hai giáo sư Nguyễn Châu và Vĩnh Phối, trường Cao đẳng Mỹ Thuật Huế, đã ân cần giới thiệu Phạm Đình Khương như một cây cọ « đã xử dụng hội họa để bày tỏ kinh nghiệm thiết tha về tình đời qua những biến đổi sắc màu... », và như một cây cọ có « những khả năng sáng

tạo dồi dào nhờ những nguồn cảm hứng trong *Đam mê... ».*

Phòng tranh Phạm Đình Khương đã bế mạc ngày 26 tháng 9 và đã thu hoạch được nhiều kết quả tốt.

Một cuộc triển lãm tranh sơn dầu của hai họa sĩ trẻ, Hoàng Trọng Bân và Lâm Quang Phước, đã được Chi hội AHTPBĐN tổ chức tại Đà Nẵng từ ngày 19 tháng 9 đến 25 tháng 9 vừa qua.

Hai họa sĩ Bân và Phước đã cho trưng bày khoảng ba mươi bức tranh. Phòng tranh tuy nhỏ và nằm tại một địa điểm trái với những ngã đường rong chơi của dân thành phố, nhưng là một phòng tranh hoàn toàn Việt Nam (không phải mượn của các trung tâm văn hóa ngoại

quốc) và cũng đã thu hút được một số đông đảo khách thưởng ngoạn...

(NVD)

Tại Sài-gòn, mượn trụ sở của Pháp văn Đồng-minh-hội, số 24 đường Gia Long, từ ngày 12 tháng 10 tới đây, họa sĩ trẻ Nguyễn Phước, một tài năng có nhiều triển vọng, sẽ cho trưng bày 30 bức tranh mới nhất của anh.

Đây là phòng tranh thứ sáu của Nguyễn Phước, sau kỳ triển lãm tháng 9 năm 1967. Sở dĩ có sự « thừa cách » kể trên là vì Nguyễn Phước kẹt trong các quân trường. Hiện nay anh là sĩ quan phục vụ trong ngành tiếp vận, và đã dành tất cả những thời gian rảnh rỗi có thể tranh thủ được để sáng tác.

Được biết, phòng tranh Nguyễn Phước sẽ mở cửa cho tới hết ngày 22 tháng 10 năm 1970.

Phần khác, theo một bản tin đăng trên nhật báo « Tiền Tuyến » mới đây, thì điêu khắc gia Mai Chửng, chủ tịch ban tổ chức cuộc triển lãm thường niên của Hội Họa sĩ Trẻ (Chân dung tháng Chạp) đang than phiền về những khó khăn trong việc tìm mượn một phòng trưng bày tranh Việt Nam. Nếu vạ bất đắc dĩ mà anh không tìm mượn được một phòng trưng bày của Việt Nam, thì anh sẽ lại đành phải mượn phòng trưng bày của Pháp-văn Đồng-minh-hội hoặc của Trung tâm Văn hóa Hoa Kỳ.

Chẳng hiểu cụ Mai Thọ Truyền, Quốc-vu-khanh Đặc-trách Văn-hóa

ngĩ sao về lời than phiền kể trên ?

Tuần lễ Văn Nghệ của Phủ Văn Hóa

Một tuần lễ văn nghệ trình bày các sắc thái văn nghệ trong nước do Phủ Quốc vụ khanh Đặc-trách Văn-hóa tổ chức tại thính đường trường Quốc Gia Âm nhạc và Kịch nghệ, số 112 đường Nguyễn Du, Sài Gòn, đã được khai mạc (mỗi đêm từ 20 giờ) từ ngày 25-9 và kéo dài cho tới hết ngày 01 tháng 10.

Đêm 25-9 là Dạ hội trình diễn văn nghệ người Việt gốc Hoa ; đêm 26-9, người Việt gốc Thượng ; đêm 27-9, người Việt gốc Thượng; đêm 29-9, người Việt gốc Thái ; đêm 30-9, người Việt gốc Miên ; đêm 1-10, người Việt gốc Chàm.

Một tuần báo mới

Chúng tôi được tin Bán nguyệt san THỜI NAY sẽ ấn hành, vào ngày 03 tháng 10 tới đây một tuần báo lấy tên là ĐỜI NAY.

Tuần báo ĐỜI NAY sẽ « gồm đủ các đề mục và thành phần tin tức, ý kiến và giải trí, không ngoài mục đích theo dõi và giới thiệu các sinh hoạt mọi ngành và khắp nơi trong nước cũng như ở ngoại quốc ».

Trước đây, cơ sở Thời Nay đã xuất bản tuần báo Thời Việt, một tuần san đứng đắn và bổ ích, nhưng rất tiếc đã không sống được lâu. Chúng tôi hy vọng và cầu chúc lần này tuần báo ĐỜI NAY sẽ gặp may mắn hơn để vững tiến trên văn đàn...

Một nguyệt san mới

Cũng trong mục này, trong VĂN số 157, chúng tôi đã loan tin nhà văn Nguyễn Mạnh Côn đang cho in số ra mắt Nguyệt san CHÍNH VĂN. Sau đó, có nhiều bạn đọc biên thư hoặc đích thân tới báo quán hỏi thăm về tờ báo do tác giả « Mỗi tình mầu hoa đào » chủ trương.

Nay chúng tôi được biết : vì gặp quá nhiều khó khăn trong việc ấn loát — nhất là trong việc in bìa và phụ bản bằng offset — nên tới ngày 15 tháng 10 mới là « ngày lành tháng tốt » để Nguyễn quân tung CHÍNH VĂN ra góp mặt trên thị trường sách báo.

Được biết với CHÍNH VĂN, Nguyễn

Mạnh Côn sẽ đưa ra một thể tài làm báo (tháng) mới : nặng về chính trị, nhẹ về văn nghệ, chú trọng đặc biệt tới việc trình bày ấn loát cũng như việc bán giá phổ thông.

Lại hy vọng và cầu chúc CHÍNH VĂN sẽ sống lâu, sống mạnh trên chiến tuyến đấu tranh văn hóa.

Hemingway lại viết trở lại !

Hemingway Writes Again ! in bằng chữ lớn trên nhiều báo xuất bản tại Hoa-kỳ đã làm nhiều người sửng sốt.

Thật ra, đó chỉ là quảng cáo của tập san Esquire. Trong số ra tháng Mười, 1970, tập san này trích đăng một đoạn (dài 34.000 chữ) nhan Bimini, rút từ cuốn tiểu thuyết chưa hề in của

Hemingway, cuốn *Islands In The Stream*.

Sự xuất hiện của tác phẩm của Hemingway được coi như một « biến cố » (event) trong năm của ngành xuất bản Hoa-kỳ.

François Mauriac không còn nữa...

François Mauriac, nhà văn được coi như “kinh điển” của nền văn nghệ Pháp hiện đại, nhân viên Hàn-lâm-viện Pháp-quốc (từ 1933). Giải Nobel về Văn chương (năm 1952) vừa từ trần tại nhà riêng ở thủ đô Paris, bữa trước ngày sinh nhật thứ 85 của ông.

François Mauriac để lại gần trăm tác phẩm, trong số có tới hơn hai chục cuốn tiểu thuyết, bốn vở kịch, nhiều thiên tự truyện, một truyện kể đời Chúa Jésus,

vài tập thơ. Những tác phẩm ghi dấu sự nghiệp viết báo thì có “Mémoires intérieurs” và “Bloc-notes”.

Từ thiếu thời, Francois Mauriac đã được coi như nhà văn Ki-tô-giáo thuần thành. Về chính trị, ông tích cực ủng hộ Tướng De Gaulle.

Đám tang ông được tổ chức theo nghi lễ quốc táng. Lễ quy làng tại nhà thờ Notre-Dame với sự hiện diện của Tổng thống Cộng hòa Pháp-quốc.

Báo chí Pháp (ngay cả những kẻ thù cũ của ông) đều nhất loạt đăng bài ca tụng sự nghiệp người quá cố.

Tại Việt Nam, nếu chúng tôi không lầm, dường như mới chỉ có một tác phẩm của François Mauriac được giới thiệu là cuốn « Người vợ cô đơn » dịch

thiên truyện « Thérèse Desqueyroux », do Mặc Đỗ phiên dịch, Cỏ Thơm ấn hành.

Nhân dịp François Mauriac qua đời, chúng tôi ước mong nhà văn Mặc Đỗ, người đã dịch F. Mauriac, đã viết “Bloc-notes” (trên tạp chí Văn Đền), sẽ cho độc giả Việt Nam được thưởng thức một bài đặc biệt viết về nhà văn quá cố...

THU TRUNG và các bạn



GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

* THƠ ĐẠM NHƯ, Tác giả xuất bản. Sách dày 32 trang, giá 50 đồng. Thi phẩm đầu tay của Đạm Như gồm khoảng ba chục bài thơ. Bìa và phụ bản của Bút.

* SONG NGOẠI, Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ dịch, Hàn Thuyên xuất bản.

Sách dày 380 trang, giá 380 đồng.

Truyện dài của một nữ văn sĩ Trung Hoa, quen thuộc với độc giả VĂN.

* THÀNH CÁT TƯ HÃN, Nguyễn Trọng Khanh, Trí Đăng xuất bản. Sách dày 208 trang, giá 210 đồng.

Cuộc đời và sự nghiệp (chính trị, quân sự) của Thành Cát Tư Hãn, tiểu thuyết hóa dựa trên nhiều tài liệu quốc tế. Bìa Anh Thương, in offset.

* CÂU CHUYỆN THẦY TRÒ, Huỳnh Phan, Trí Đăng xuất bản. Sách dày 180 trang, giá 170 đồng.

Sách biên khảo về mấy vấn đề giáo dục. Phụ lục là ý kiến của 5 học giả về

vấn đề cách mạng giáo dục. Nguyễn Hiến Lê để tựa.

* SƠN LÀM ÊM ĐỀM, Léon Tolstoi, Nguyễn Trọng Đạt dịch và giới thiệu. Sách dày 350 trang, giá 280 đồng.

Bản dịch cuốn « Les Cosaques ». Về tác giả, bạn đọc có thể xem lại VĂN số 128. Bản dịch có thêm phần giới thiệu và nhiều chú giải.

* CHO EM TRỌN CẢ MỘT ĐỜI, Tố Diễm, Mỹ Khê xuất bản. Sách dày 120 trang, giá 150 đồng.

Thi phẩm thứ hai của Tố Diễm gồm trên sáu chục bài thơ.

* BÓNG TỐI ĐI QUA, Kim Nhật, Hoa Đăng xuất bản. Quyển 2, dày khoảng 270 trang, giá 250 đồng.

Quyển thứ hai trong bộ hồi ký của Vũ Hùng, (sinh viên Luật khoa, người đã sống 1.287 ngày trong Bộ Chỉ huy Tối cao MTGPMN) do Kim Nhật cải biên.



* Trương Diên Lệnh, Đà Nẵng.

Bài lại cáo nhớ đừng bao giờ viết trên hai mặt giấy cả. Còn cần cố gắng nhiều hơn. Chúc bạn học hành tấn tới và nhiều may mắn.

* Ô. Nguyễn Văn Giáo, Tuy Hòa,

Văn không thay đổi chủ trương. Số tới, số 164, lại sẽ là một tuyển tập dành riêng cho những cây bút trẻ. Xin cảm ơn thịnh tình và xin cầu chúc ông mọi điều tốt đẹp.

* Ô. Hiếu Vinh, Sài Gòn.

- 1) Ngày 21 tháng Ba năm Canh Dần nhằm ngày chủ nhật 7 tháng 5 năm 1950.
- 2) Xin xem lại VĂN số 145 ra ngày 1-1-1970.

* Uyên Như Thảo, Kbc 3360 (?)

- 1) Viết về Hội họa, số 93, giá 308 (kể cả cước phí; nếu gửi bảo đảm: 35\$).
- 2) Bạn có thể biên thư hỏi nhà sách Khai Trí số 60 đại lộ Lê Lợi Sài Gòn; hoặc Nam Chi Tùng thư, số 3 đường Nguyễn Siêu, Sài Gòn. Có điều, dường như cuốn

sách bạn hỏi đã hết từ lâu rồi.

* Vưu Ngọc Lan, Mỹ Tho.

Thư bạn đánh máy, lại không ký tên, nên tòa soạn Văn, cũng như tác giả PCT, xin được coi như thư nặc danh mà miễn trả lời.

* Thày Hoàng Hạnh, Thủ Đức.

Chúng tôi nhận được thư bảo đảm số 533, Thủ đức 18/9, nhưng bên trong không có bưu phiếu hay tem thư gì cả (?).

LƯU Ý BẠN ĐỌC:

Theo thể lệ của Bưu điện, thư từ gửi về Sài Gòn, nhất là thư bảo đảm, cần ghi rõ Quận. Tòa soạn VĂN thuộc Quận 2. Vậy, gửi thư cho VĂN, xin bạn đọc nhớ đề Quận 2 Sài Gòn ; hoặc Sài Gòn-2.

NHẮN TIN RIÊNG :

* Lương Thái Sỹ, Sài Gòn.

Dịp nào tiện, ghé qua tòa soạn, có việc. Thân.

* Trần Hoài Thư (?)

Ở đâu, về gấp, đừng ngại gì cả. Anh em trông lắm đó. Thân hữu khắp nơi, ai có tin gì về Thư, xin cho tòa soạn VĂN được biết.

* Hoàng Ngọc Châu, Blao.

Sẽ đăng « Thỏ bạch », « Hương thiếu nữ » và « Bên vườn sao ». Cứ gửi tiếp. Thân.

Nguyễn Lương Vỹ (?)

Sẽ đăng « Nửa đêm thức dậy nhìn mây trắng ». Xin cho biết địa chỉ để tiện

liên lạc, và mong gửi bài tiếp. Thân.

* Hạc Thành Hoa, Sa Đéc.

Sẽ đăng « Đã qua những ngày mưa
biếc » và « Trong cơn sốt màu vàng ».
Tình thân.

* Ngô Nguyên Nghiễm (?)

Sẽ đăng « Hư vô ». Mong cho biết
địa chỉ để tiện liên lạc, và mong gửi bài
tiếp. Thân.

* Tấn Hoài Dạ Vũ, Huế.

Cám ơn lá thư 11/9. Nên ghé chơi
lắm chứ. Mong sáng tác mới cho Văn.
Tình thân.

NHẮN TIN CHUNG :

Quý bạn : Nguyễn Lê Tuân, Dương
Thanh Tùng, Tô Đình Sự, Trần Dza Lũ.

Mong quý bạn gửi sáng tác mới cho Văn. Đa tạ.



BÀI LẠI CẢO
NHẬN ĐƯỢC

Theo thông lệ, Tòa soạn không giữ lại cũng như không phát hoàn bản thảo những bài lại cảo không được chọn đăng. Xin quý bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ yêu cầu “miễn ghi” trên bản thảo.

* VĂN

Quý bạn : Trương Điền Lệnh. Phú Quân. Bùi Quang Chiêu. Tô Minh Hồ. Tạ Từ. Hoàng Huy Chương N.H.

* THƠ

Quý bạn : Tuy Đô. Nguyễn Quang Bằng. Đặng Tú Liên. Lê Tuấn. Thương Truyền. Trần Trương. Nguyễn Văn Ngọc. Phạm Quay Tơ . Uyên Như Thảo. T-T Vị Hà. Lam-Duy Bùi Năng Phán. Phan Viên Thành (3) Uyên Thảo Đ-Q-T. Vĩnh Tế. Nguyễn Thiện Tâm (2). Tường Bá. Tô Minh Hồ. Huyền Việt Thanh. Nguyễn thị Ngân Tảo. Thái Phi Dzũng. Đ-KH-N. Ngựa Hoang. Lê Văn Đông. An Khang. Ngọc Ly. Hoàng Xuân Giang. Nguyễn Nam Đông. Trần Thiện Ngã. Vương Tất Bạt.

Ban Tuyển đọc Tác phẩm của VĂN đã đọc những bài lại cáo của quý bạn có tên trên đây và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những bài mới khác.

SÁNG TẠO đã phát hành :

**THẦN THOẠI VIỆT NAM VÀ
TRUNG HOA**

Quyển 3b (quyển thứ tư) trong toàn bộ
Tuyển tập Văn chương

Nhi đồng do **DOÃN QUỐC SỸ** sưu tập
và dịch thuật

